

Việt-Nam Cộng-Hòa  
Bộ Quốc-Phòng  
Bộ Tổng Tham-Mưu QLVNCH  
Phòng-Nhà.

Phương-Thức  
& Kỹ-Thuật

KHAI-THÁC  
**TÀI LIỆU**  
**CÔNG**  
**SẢN**

TRUNG-TÂM KHAI-THÁC TÀI-LIỆU HỖN-HỢP

1970

PHỔ BIẾN HẠN CHẾ



Việt-Nam Cộng-Hòa.  
Bộ Quốc-Phong  
Bộ Tổng Tham-Mưu QLVNCH  
Phòng-Nhĩ.

phương-thức  
& kỹ-thuật

KHAI-THÁC  
**TÀI LIỆU**  
**CÔNG**  
**SẢN**

TRUNG-TÂM KHAI-THÁC TÀI-LIỆU HỒN-HỢP

1970

PHÓ BIÊN HẠN CHẾ

**TÀI - LIỆU THAM - KHẢO**

-----

- 1.- Huấn lệnh số 609/TTL/2/4/K ngày 7-3-1964 của Bộ TTM.
- 2.- Sự vụ văn-thư số 381/TTL/2/4 ngày 8-6-1965 của Bộ TTM.
- 3.- Huấn thị số 2537/TTM/1+2+TCTV+PQC ngày 19-10-65 của Bộ TTM.
- 4.- Huấn thị số 170-1 phổ biến dưới chuyển phiếu số 03315/TTM/2/4/K ngày 27-12-67 về TPC và TL do QLVNCH và Quân-Lực Đồng-Minh bắt được trên chiến trường.
- 5.- Huấn thị số 381-11 ngày 5-8-68 của Phòng 2/MACV.
- 6.- Bình thư Hoa-Kỳ FM.30-5 về Tình-báo Tác-Chiến (Combat - Intelligence) do Lục-Quân Hoa-Kỳ phổ biến tháng 6/1967.
- 7.- SVVT số 00219/TTM/2/K ngày 17-01-68 của Bộ TTM.
- 8.- SVVT số 2663/TTM/2/4 ngày 2-8-68 ấn định lại thời gian chuyển giao về Bộ TTM các tài-liệu tịch thu được của CS là 7 ngày.

## MỤC LỤC

# ĐẠI CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ KHAI-THÁC TÀI-LIỆU ĐỊCH

<u>HÈ - MỤC</u>	<u>TRANG</u>
I.- TỔNG-QUÁT	
11. Định-nghĩa tài-liệu địch.	1
12. Định-nghĩa việc khai-thác tài-liệu.	
II.- VAI-TRÒ TÀI-LIỆU CS TRÊN PHƯƠNG DIỆN TÌNH BÁO.	2
21. Giá trị của tin-tức tài-liệu.	
22. Lợi ích của vấn đề khai-thác tài-liệu.	
III.- QUI-CHẾ VỀ VẤN ĐỀ TÀI-LIỆU CS.	3
31. Việc thu thập.	
32. Nguyên-tắc thu thập.	
33. Xử trí trong việc thu thập tại chiến trường.	
34. Biện pháp thi hành khi tịch thu được tài-liệu tại chiến trường.	
IV.- CÔNG-TÁC KHAI-THÁC TÀI-LIỆU TẠI CHIẾN TRƯỜNG.	4
V.- PHƯƠNG-THỨC DI TẢN VÀ CHUYỂN GIAO TÀI-LIỆU TỊCH THU.	5
	7
VI.- QUI-CHẾ VỀ TÀI-LIỆU CS ĐỐI VỚI LỰC-LƯỢNG ĐỒNG-MINH TẠI MĐVN.	
61. Khai-thác cấp thời và chuyển giao.	
62. Khai-thác và phổ biến tại TĐKTĐ.	9
63. Quyền sở hữu về tài-liệu CS do lực-lượng Đồng-Minh tịch thu.	
Phụ bản 1 : Sơ-đồ tổng quát về hệ-thống khai-thác phổ biến tin-tức và chuyển giao tài-liệu do QLVNCH tịch thu.	10
Phụ- : -Sơ-đồ hệ thống di tản và chuyển giao tài-liệu từ chiến trường về Phòng 2/TĐM.	11-12
-Thẻ tài-liệu.	13

# KỸ THUẬT KHAI THÁC TÀI LIỆU CS

11

## PHẦN THỨ NHẤT

### TÌM HIẾU TÀI-LIỆU CS

- I.- NGUYÊN-TẮC
- II.- TÌM HIẾU VỀ HÌNH THỨC TRÌNH BÀY CỦA TÀI-LIỆU CS TẠI CHIẾN TRƯỜNG MVMN.
- III.- TÌM HIẾU RIÊNG VỀ HÌNH THỨC NGỤY TRANG TRONG TÀI LIỆU CS. 17
  - 31. Đặc điểm.
  - 32. Đặc tính của hệ thống ngụy trang trong tài-liệu CS.
  - 33. Đại-cương về quy luật ngụy trang trong tài-liệu CS. 18
- IV.- TÌM HIẾU NỘI-DUNG TỪNG LOẠI TÀI-LIỆU. 21

Y.

Y. Y.

## PHẦN THỨ HAI

### CÔNG-TÁC KHAI-THÁC TÀI-LIỆU CS

- I.- MỤC-ĐÍCH. 23
- II.- PHƯƠNG-PHÁP.
- III.- ĐIỀU-KIỆN.
- IV.- CHUẨN-BỊ CÔNG-TÁC KHAI-THÁC TÀI-LIỆU. 24
  - 41. Chu kỳ công tác khai-thác tài-liệu.
  - 42. Phân loại tài-liệu.
  - 43. Đánh giá tài-liệu.
  - 44. Xác định mức độ ưu tiên về khai-thác.
  - 45. Chọn hình thức viết bản tin thích hợp. 25
- V.- THỰC HIỆN VIỆC KHAI-THÁC. 26
  - 51. Giai-đoạn đọc và tìm hiểu tài-liệu.
  - 52. Giai-đoạn viết bản tin.
  - 53. Giai-đoạn sửa chữa kiểm chứng.
  - 54. Giai-đoạn phổ biến.

.../-

VI.- CÔNG-TÁC SẴN NHI KHAI-THÁC VÀ PHỔ HIẾN.

I  
I I  
PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG-PHÁP VIẾT MỘT BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU

I.-	NHỮNG HÌNH THỨC CỦA BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU.	27
II.-	LỐI VĂN TRÌNH BÀY CỦA BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU.	
III.-	TRÌNH BÀY ĐIỂM HÌNH TỪNG LOẠI BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU.	28
IV.-	PHƯƠNG-PHÁP VIẾT MỘT BẢN KHAI-THÁC TÀI-LIỆU (CHI TIẾT).	
V.-	PHƯƠNG-PHÁP VIẾT BẢN NGHIÊN-CỨU TÀI-LIỆU CS.	33
VI.-	PHƯƠNG-PHÁP KHÁM PHÁ TÀI-LIỆU GIẢ.	35
	61. Những tiêu chuẩn của bản.	
	- Căn-cứ hình-thức trình bày.	
	- Căn-cứ nội dung.	
	62. Những tiêu chuẩn phụ thuộc khác.	37

I  
I I

PHẦN THỨ TƯ

PHÂN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHAI-THÁC TÀI-LIỆU.

A/.	LOẠI TÀI-LIỆU ĐÁNH MÁY.	38
	- Công-văn, chỉ-thị, mệnh-lệnh, quyết-định.	39
	- Thông-cáo về kế-hoạch hoạt-động.	43
	- Loại tài-liệu hãm-luyện.	45
B/.	LOẠI TÀI-LIỆU VIẾT TAY.	46
	- Báo-cáo và sơ-đồ	48
	- Sổ tay	50
	- Lý lịch	54
C/.	LOẠI TÀI-LIỆU KH.	56
	1. Loại giấy tờ công vụ của CS	
	2. Giấy thông-bành	58
	3. Giấy cử tri CS tại KH.	60
	4. Giấy tờ chứng nhận thu nhận tiền bạc của công nhân.	61
	5. Giấy tờ nghĩa vụ dân công.	64
	6. Giấy tờ liên quan đến tư pháp CS.	66
	7. Giấy tờ truyền đơn báo chí.	68
	8. Giấy tờ báo địa phương, nội san.	70
	9. Giấy tờ truyền đơn (ngay trung)	74
	10. Giấy tờ quan sự cá nhân.	75

- Quyết-định đề bạt, giấy khen, bằng khen,
- Giấy chứng nhận khen thưởng, chứng nhận
- Huân-chương, chứng minh thư, phiếu xuất
- và nhập thực phẩm, phiếu chuyển thương.

D/. PHÂN HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TÀI-LIỆU MIỀN BẮC DO  
CÁN-BÍNH XÂM NHẬP MANG THEO.

93

I. TỔNG-QUÁT.

II. PHÂN-LOẠI.

97

- Giấy chứng minh xâm nhập. 98
- Giấy chứng nhận đeo Huân-chương. 100
- Sơ-yếu lý lịch Đảng viên. 103
- Giấy giới thiệu sinh-hoạt-đảng. 104
- Thẻ đoàn viên Thanh-niên Lao-Động VN. 107
- Sổ lý lịch Sĩ-quan. 108
- Giấy chứng minh chiến sĩ. 109
- Sổ-sức khỏe. 110
- Thẻ quân trang. 113
- Biên lai bưu điện 114
- Thẻ cử tri BV 116

TỔNG KẾT.

119

+  
+ +

Phụ bản 1 : Vóc hiệu quân sự CS.

120

Phụ-bản 2 : Những chữ viết tắt thường gặp  
trong tài-liệu CS

129

Phụ-bản 3 : Những danh từ đặc biệt của CS

152

## ĐẠI CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ KHAI THÁC TÀI-LIỆU DỊCH

### I.- T Ũ N G - Q U Á T :

#### 11/- Định nghĩa tài-liệu dịch :

- a)- Theo nghĩa thường, tài-liệu dịch được coi là tất cả các loại giấy tờ của địch, trên đó ghi bằng bút tự, ký hiệu in, vẽ, đánh máy ... do địch quân thực hiện và bị ta thu đoạt được trong mọi trường hợp.
- b)- Theo nghĩa rộng tất cả các vật dụng và đồ trang bị của địch trên đó có ghi những bút tích, in, khắc, gạch nét, vẽ, chụp ảnh v.v... cũng coi là tài liệu dịch.  
Ví dụ, trên ba-lô, quần-trang, ví tiền, thẻ danh bộ bằng kim khí, bia mộ tử sĩ, con dấu, bảng kê khẩu hiệu tuyên truyền, bích chương thi đua, quân kỳ đơn vị.
- d)- Những vật dụng tuy không ghi bằng bút tích, nhưng giúp ta khám phá, tìm hiểu được tin tức về địch quân, cũng được coi là tài liệu dịch, ví dụ : Phim ảnh, băng ghi âm hình ảnh (do địch thực hiện).
- e)- Những vật dụng, tài liệu của ta, nhưng bị địch thu đoạt được và chúng sử dụng, ghi chép, vẽ ký hiệu, viết bút tích để lộ tin tức về địch, cũng phải coi là tài liệu dịch.

Ví dụ : bin đồ của ta, nhưng địch quân có được, rồi ghi bút tích, ký hiệu, ước hiệu của chúng.

Tại MNVN hiện nay, phía địch của VNCH là Cộng-Sản. Do đó "Tài liệu dịch" được gọi thống nhất bằng danh từ "Tài-liệu Cộng-Sản".

#### 12/- Định nghĩa việc khai-thác tài-liệu :

Khai thác tài liệu là công tác thu thập các tin tức về địch tiết lộ qua tài liệu tịch thu được của chúng. Theo lý thuyết các tin tức này phải được coi như là những tin báo, nghĩa là cần sự phối kiểm, giải đoán và đánh giá để chuyển thành tin-tức. Tuy nhiên, trong thực tế các chi tiết rút tỉa được trong khi khai thác tài liệu có thể gọi ngay là tin tức được vì tự nó có một tích cách xác thực đặc biệt, sự xác thực trên "giấy trắng mực đen" do chính cơ-quen, địa vị hoặc nhân sự dịch soạn thảo hoặc ghi chép. Vì vậy tự bản chất, tin do tài liệu dịch có một giá trị rất cao, mức độ khả tín rất đáng tin cậy. Đó là trường hợp các tài liệu trên là tài liệu thật, không phải là tài liệu giả tạo.

... ./-

- VAI TRÒ CỦA TÀI LIỆU CS TRÊN PHƯƠNG DIỆN TÌNH BÁO :

21/- Giá trị của tin tức tài liệu :

Có thể nói, tài liệu địch là một trong những nguồn tin đáng tin cậy nhất, và trung thực nhất so với các nguồn tin nhân sự khai như tù binh, hồi chánh, MBV, v.v...

Tài liệu cung cấp cho ta những tin tức tốt nhất, dồi dào nhất về tất cả các vấn đề.

Với sự kiện "giấy trắng mực đen", tài liệu địch có một giá trị từ căn bản của nó, xuất xứ càng cao thì tin tức càng có giá trị lớn. Tài liệu tịch thu càng nhiều thì sự kiện càng dồi dào xúc tích.

Một nguồn tin nhân sự cho dù có tầm kiến thức rộng rãi và khả năng hiểu biết về địch đến mức độ nào đi nữa, cũng không thể nào cung cấp đầy đủ xác thực, bằng tài liệu được, ấy là chưa kể đến sự thành thực, mức độ tin cậy của nguồn tin.

Các nguồn tin kỹ-thuật, (quân dụng, truyền tin địch v.v..) Có thể cung cấp cho ta nhiều tin tức về chuyên môn, khả năng chiến tranh của địch, nhưng cũng không thể nào đầy đủ xúc tích như nguồn tin tài liệu được.

Tóm lại, nguồn tin tài liệu địch có một giá trị bao quát, có khả năng cung cấp về tất cả các vấn đề của địch (với điều kiện tài liệu có đề cập và ta thu được).

22/- Lợi ích của vấn đề khai thác tài liệu :

Với tầm giá trị vừa nêu trên, công tác khai thác tài-liệu cần phải được chú trọng. Ý thức về thu hoạch và bảo vệ tài liệu địch cần được đề cao.

Điều đặc biệt của tổ chức Cộng-sản là vấn đề học tập, chính huấn, tuyên truyền. Các vấn đề này đòi hỏi phải thường xuyên phổ biến tài liệu. Điều đặc biệt thứ hai của chúng là bất cứ vấn đề gì cũng phải được học tập thông suốt. Mức độ quan trọng và tích cách đặc biệt của tài liệu tùy ở cấp bộ, trình độ và đối tượng học tập, nhưng bất cứ trường hợp nào, tài liệu cũng có thể cung cấp cho ta những dữ kiện về âm mưu, ý định, kế-hoạch, tổ chức của địch. Tại chiến trường Miền Nam hiện nay, vấn đề tài liệu CS rất đáng chú ý. Hàng triệu trang tài liệu thu hoạch được trong 1 năm, cung cấp cho ta từ những tin tức ở cấp bộ cao nhất đến thấp nhất, từ tin tức chiến lược đến tin tức chiến thuật, tin tức về tổ chức tập thể cũng như tình trạng cá nhân, đều có thể tìm ra được ở các tài liệu CS bị tịch thu.

Tóm lại, trong bất cứ thời gian và không gian nào cũng vậy vấn đề tài liệu rất hữu ích và cần yếu, đối với phương diện tình báo.

III.- QUY CHẾ VỀ VẤN ĐỀ TÀI LIỆU CS :31/- Việc thu thập :

Tài liệu địch có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào có sự hiện diện của địch. Có thể thấy ở chiến trường, ở hậu cứ, nơi đóng quân trên lộ trình di chuyển, trong hầm hố, dưới địa đạo, trên tử thi địch hoặc trong người tù binh v.v.,. Ngoài ra tài liệu có được, còn do các hội chánh viên đem về giao nộp, do hệ thống xâm nhập nội tuyến ta đoạt được, có khi do chủ ý (lục soát), có khi do tình cờ (rơi lượm) có khi bất ngờ mà có được (phục kích địch hoặc bắt được giao liên CS) có khi phải sưu tầm, đặt kế hoạch chuyên môn.

Vậy, bất cứ trong trường hợp nào, ý thức thu thập tài liệu địch cần được lưu ý. Tại chiến trường, mọi quân nhân phải được giáo dục ý thức thu thập, giữ gìn và giao nộp tài liệu của địch.

32/- Nguyên tắc thu thập :

Ngay sau khi giao chiến, nhất là trong lúc lục soát mục tiêu cấp chỉ huy phải chỉ thị cho thuộc cấp lục soát kỹ lưỡng khu vực, không những để tích thu chiến lợi phẩm mà còn để thu đoạt tài liệu. Công thu nhiều tài liệu càng có ích lợi, nhất là các tài liệu trên tử thi, trong các túi "ba lô" của Cộng quân, vì nhiều trường hợp những tài liệu này tiết lộ những tin tức chiến thuật rất có "giá trị tại chỗ". Phải huấn luyện các thuộc cấp ý thức được trách nhiệm thu thập giữ gìn, giao nộp bất cứ tài liệu nào mà họ tìm thấy. Cấm chỉ việc hủy hoại vật bỏ hoặc lưu giữ tài liệu địch "để kỷ niệm" hoặc làm sở hữu cá nhân trong mọi trường hợp.

33/- Xử trí trong việc thu thập tài-liệu tại chiến trường :331)- Nguyên tắc đề phòng :

Khi chiếm được mục tiêu, vị chỉ huy phải chú trọng đặt ngay hệ thống canh gác để đề phòng tài liệu bị tẩu tán phá hủy, làm mất mát hoặc cơ nhân chiếm đoạt làm sở hữu.

332)- Công tác lục soát tìm tài liệu :

Tùy tình hình mục tiêu, vị chỉ huy ra tiêu lệnh lục soát - Đối với mục tiêu rộng lớn như hậu cứ, cơ sở, doanh trại, hệ thống hầm hố địa đạo v.v... phải cho lục soát kỹ hơn, không những để bắt tù binh, thu chiến lợi phẩm mà còn phải có mục đích tìm tòi tài-liệu. Cho lục soát các vật dụng thường để giấu đồ, tài liệu, như đé học tù, ngăn bàn, rương thùng, hộp giày v.v... Chú ý lục soát những chỗ nghi ngờ cất giấu tài-liệu hầm, trần nhà, kết tủ, vữa lữa, nếu cần cho đào bới (để phòng cạm bẫy) . Đặc biệt khai thác tù sinh (nếu có) để biết những chỗ cất giấu tài liệu.

- Đối với những mục tiêu nhỏ và dễ lục soát, ý thức thu hoạch tài liệu cũng phải được chú ý.
- Tại chiến trường, đồi núi, chú ý lục soát các bụi cây khô lá, rơm rạ, đống phân, dưới công sự v.v...
- Tại chiến trường đồng bằng, sông nước, chú ý các chum vò, thùng sắt, túi Nylon, ghe thuyền, v.v...
- Mọi trường hợp, tùy theo sáng kiến và biện pháp thích nghi.

333)- Lục soát tài liệu do địch mang trên người :

- Trường hợp bắt sống hoặc quy hàng, áp dụng nguyên tắc lục soát cá nhân địch để tước vũ khí và thu tài liệu
- Trường hợp quy chính viên hoặc tình nghi, cũng áp dụng như trên. Cần hỏi họ về vấn đề cất giấu tài liệu
- Trường hợp thu lượm tài liệu trên tử thi công-quân chú ý lục soát cả những trang bị cá nhân (nếu có) như túi gạo, ba lô, nón, quần áo, ví, dép v.v... Nên gói riêng tài liệu từng xác chết thì rất tốt.
- Trường hợp lục soát liên lạc viên, trinh sát, tiền-tham của địch, chú ý các thư từ, văn kiện mang theo số tay công tác v.v... vì đó là những tài liệu do bên này thương mại, giữ.
- Trường hợp lục soát cơ-sở giao liên, điệp báo, cần tìm tòi những chỗ khả nghi, ví dụ nay thường giấu tài liệu rất kỹ. Bắt được chúng, cần thẩm vấn và lục soát kỹ trên người, nếu cần, lục soát cả giày vớ, quần áo, thân thể, nón, tóc.

34/- Biện pháp thái hành khi tịch thu được tài liệu địch tại Chiến trường :

- Vị chỉ huy đơn vị phải nghĩ ngay đến việc cho tập trung tất cả những tài-liệu tịch thu được vào 1 chỗ cất giấu người bảo vệ, khai-thác sơ khởi ngay các tài liệu để biết những tin tức chiến thuật có tính cách cấp thời cần thiết cho việc kiện toàn nhiệm vụ của đơn vị mình.
- Thái thực hiện này thu tài liệu để buộc theo tài liệu
- Nếu bắt được tù binh, phải lục soát tịch thu tài liệu và giải giao tù-binh này cùng với tài-liệu lên BCH/HQ, tuyệt đối không được để tù binh lưu giữ tài liệu mà phải do nhân viên giải giao mang theo.
- Chuyên này tài liệu lên cấp trên với 1 thẻ tài-liệu có ghi các chi tiết sau đây
  - ♦ Đơn vị tịch thu
  - ♦ Địa điểm tịch thu, xử dụng tọa độ UTM gồm 6 số, nếu cần ghi chủ đích địa điểm dự.
  - ♦ Ngày, giờ tịch thu tài liệu
  - ♦ Trường hợp tìm thấy, do lục soát tử thi, tìm thấy trong hầm hố, hoặc lượm trong túi ba-lô v.v... hoặc do tù-binh, hồi chánh (tên họ cấp bậc đơn vị tù-binh, hồi-chánh)

- \* Tính chất cuộc hành quân (nếu có) đã phục kích, chạm địch, tập kích hoặc trong khuôn khổ cuộc hành quân nào đó (kể tên).

**IV.- CÔNG TÁC KHAI THÁC TÀI LIỆU TẠI CHIẾN TRƯỜNG :**

**41/- Mục đích :**

Khai thác sơ khởi để tìm những tin tức có tính cách chiến - thuật cấp thời, cung cấp cho vị chỉ huy biết những chi tiết cần thiết để đề ra những biện pháp, kế hoạch quân sự thích nghi ngõ hầu hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, như truy kích, phân kích, chặn địch, canh kích, phục kích, phá hủy các công sự địa đạo hầm hố, lục soát tìm các kho tàng lương thực vũ khí chôn giấu nguy trọng v.v... Nhiều khi các tin tức khai thác tại chỗ còn giúp cho vị chỉ huy đơn vị có các kế hoạch mới trong việc điều quân trước các tình thế diễn biến như xin gia tăng thời gian hành quân, lục soát vì có thêm các mục tiêu mới

**42/- Biện pháp áp dụng :**

**421)- Chọn lựa :**

Thật đầu nên chú ý ngay tới những tài liệu có vẻ bị hủy hoại như chứng như chạy dỏ dang, xé nát nhiều mảnh, vỡ trùn, bôi xóa v.v... vì thường đó là những tài liệu quan trọng mà địch quân hủy hoại chưa kịp, như các quân công lệnh, mật mã truyền tin, ấn nử an tín hiệu, lệnh lệnh hành quân v.v... Tiếp theo là tìm lục các cuốn sổ tay (đọc từ phần cuối trước) lá thư công tác, quyết tâm từ báo đảm phiên họp đơn vị v.v... loại này thường có cấp nhiệm vụ quân sự của đơn vị địch trước khi ra quân.

**422)- Khai thác tại chỗ :**

Vì khai thác ở chiến trường có tính cách sơ khởi nên chỉ cần chú ý tìm và phục kích những tin tức chiến thuật, hoặc yếu tố trận liệt về đơn vị địch và chạm súng với ta.

**a/- Chi tiết về chiến thuật cần khai thác tại chỗ tài liệu**

- Kế hoạch của trận đánh, tìm xem ý định và kế hoạch tiếp diễn của địch.
- Cách sử dụng lực lượng bố trí, rút lui, tiến công, huấn, nghi binh, vị trí đặt cối, pháo, pháo không, địa điểm đặt đài quan sát, trận địa phục kích v.v... Các chi tiết trên có thể tìm thấy trên mệnh lệnh hành quân, sổ tay công tác, sổ tay cá nhân của các bộ chỉ huy, sổ tay trận đánh, tài liệu có yếu, mật mã nguy hóa v.v...

**b/- Chi tiết về Trận liệt :**

Cần chú ý yếu tố Trận liệt để tìm tin, càng được nhiều càng tốt, chú ý phiên hiệu, quân số, vũ khí, cấp chỉ huy, thành tích đơn vị, các trận đánh.

Những yếu tố này có thể tìm được trong các tài liệu cổ nhân, giấy khen, giấy chứng nhận, giấy sinh hoạt Đảng đoàn, thẻ công minh năm nhập, giấy đề bạt, khen thưởng, sổ tay cổ nhân, giấy tờ công vụ, tài liệu huấn luyện, học tập, chính quản v.v...

23) Kỷ luật khi khai thác tài liệu :

- Phải tránh bày trưng trưng, chỉnh xóc phải bảo tồn cẩn thận, không được tự ghi viết vào tài-liệu chính không được sắp xếp lộn xộn làm lộn tài-liệu này với tài-liệu khác, làm thất lạc hoặc thiếu hụt. Nếu muốn giải thích, hãy ghi chú vào tờ giấy riêng hoặc viết bản báo-cáo sơ-khoá.
- Nếu có tù binh cũng bị bắt với tài-liệu, phải phối hợp với việc thẩm vấn tù binh để tìm nhiều tài-liệu đặc biệt là các tài-liệu về mặt kỹ thuật tin. Cũng bắt được cán bộ cao thì việc phổ khám tin tức tài-liệu càng tìm được nhiều kẻ qua hơn.

Tài-liệu tịch thu sau khi được các đơn vị hình - quân khai thác cấp thời sẽ được chuyển về Bộ chỉ huy hành quân, nơi đây sẽ chuyển tiếp lên Biệt-Khu Khu chiến Thuật, Vùng Chiến Thuật/P2 sẽ khai thác và chuyển tiếp về Bộ Tổng, Tham Mưu (Phòng 2 hoặc Trung-Tâm Khai Thác Tài-liệu Hãn Hợp).

Những tin tức khai thác được, Khu Chiến Thuật/P2 Vùng Chiến Thuật/P2 sẽ thông báo cho các nơi liên hệ để kịp thời đối phó và đề-phòng.

Các Khu chiến thuật, Vùng chiến thuật cần sử dụng máy Photocopy để chụp lại những tài-liệu cần thiết hầu khai dụng tại địa phương, và chuyển tài-liệu về Bộ TTM/P2 hay TT.KTTLHH./-

V.- PHƯƠNG THỨC DI TÀN VÀ CHUYỂN GIAO TÀI LIỆU TÍCH THU :51/- Nguyên tắc :

Việc di tàn và chuyển giao tài liệu phải thực hiện càng sớm càng tốt, nhất là các loại tài liệu được đánh giá quan trọng khẩn cấp để có thể khai thác ngay được, vừa để bảo vệ trong trường hợp có thể bị đoạt lại v.v... Phải di tàn tất cả tài liệu cần thận, bảo đảm không thất lạc, bỏ sót làm hư hỏng hoặc tiêu hủy tài liệu. Phải giao nộp càng sớm càng hay cho nhân viên quân báo, vì những người này vừa có thẩm quyền, vừa có phận sự khai thác, báo cáo. Việc di tàn tài liệu phải được bảo vệ không để bị cướp đoạt mất độc được, không để tiết lộ nội dung tài-liệu, nhất là các loại tài liệu quan trọng.

52/- Cách thức chuyển giao :521)- Công tác của đơn vị tích thu :

Phải gói bao cẩn thận, gọn gàng, không nhét bừa bãi làm rách nát, dơ bẩn tài liệu tích thu được. Tránh tình trạng làm rơi rớt, bỏ sót. Luôn nhớ ghi chú trường hợp tích thu và chú ý không để việc ghi lộn trường hợp tích thu này với trường hợp tích thu khác xảy ra. Mỗi bao phải kèm theo thẻ tích thu tài-liệu (mẫu đính kèm).

522)- Một số trường hợp xử trí :

- a/- Tài liệu tích thu được của tù-binh, hồi chánh, phải ghi rõ chủ nhân của nó, để tiện cho việc khai thác và đánh giá trị tài liệu. Khi cần chuyển giao các tài liệu đó kèm với tù binh, hồi chánh binh sĩ áp giải, canh giữ người, còn tài liệu giao cho nhân viên Quân báo đi theo cất giữ.
- b/- Trường hợp tài liệu đó quan trọng có thể được đặc biệt ưu tiên chuyển theo hệ thống tình báo, lên BCH/HQ để bộ phận quân-báo khai thác, tù binh, hồi chánh áp giải theo sau. Nếu sau này cần phải thẩm vấn để được giải thích tài liệu, mở khóa mật mã v.v... thì lúc đó tài liệu sẽ được đưa tới chỗ nhân viên thẩm vấn làm việc. Luôn luôn tuân giữ kỷ luật bảo vệ tài liệu.
- c/- Các tài liệu tích thu cùng với quân dụng kỹ-thuật, vũ khí địch (ví dụ lạng chỉ dẫn máy móc truyền tin, sách huấn luyện tác xạ, vũ khí) thì nên di tàn tài liệu đó cùng với vũ khí dụng cụ thu được, để tiện việc khai thác và nếu cần có thể xử dụng được ngay. Trường hợp vũ khí, trang cụ nặng nề không mang theo được, hoặc tình hình bất buộc phải hủy đi, thì tài liệu cần được lấy riêng ra, chuyển theo hệ thống quân báo như những tài liệu khác, cũng phải ghi trường hợp tích thu rõ ràng.

.../-

53/- Hệ thống di tản tài-liệu :531)- Tài-liệu có giá trị về chiến-thuật :

- Di tản tài-liệu về Tiểu-khu hoặc Phân-khu nếu các đơn-vị tịch-thu là các đơn-vị trực thuộc hoặc là các đơn-vị đơn trú trong lãnh thổ như Liên-đoàn ĐPQ-NQ, NDTV, TNCĐ, DSCĐ, Giang-thuyền v.v...

Sau đó Tiểu-khu hoặc Phân-khu sẽ di tản tài-liệu tiếp lên Khu chiến thuật hoặc Biệt-khu.

- Di tản tài-liệu về Khu chiến-thuật, Biệt-khu, nếu các tài-liệu do đơn-vị của KCT, BK hoặc do các đơn-vị thuộc lực-lượng tổng trú bị (Nhảy dù, TQLC, v.v...) tấp gởi cho KCT, BK.

Thời gian di tản từ BCH/HQ đến KCT, BK được ấn định là 48 giờ, sau đó tài-liệu sẽ được chuyển tiếp lên Vùng chiến thuật.

- Di tản tài-liệu về Vùng chiến thuật nếu các đơn-vị tịch-thu được là SB.TQLC + SB.MD v.v... trong các cuộc hành quân do BTL các binh chủng này trực tiếp Chỉ-huy.
- Thời gian chuyển giao tài-liệu từ khi đơn-vị bắt được đến khi tới Bộ TTM/P2 (TT.KTTLHH) được ấn định là 07 ngày.

532)- Tài-liệu có giá trị về chiến-lược :

Đối với những tài-liệu có tầm mức quan trọng, ảnh hưởng đến An-ninh Quốc-phần hay liên quan đến các cơ sở nội-tuyến tại nhiều Cơ-quan khác nhau hoặc có giá trị đặc-biệt đến đúng lối chủ trương ta và địch, đơn-vị bắt được tài-liệu phải báo cáo bằng công-điện về Bộ TTM/P2.

Bộ TTM/P2 (TT.KTTLHH) sẽ cử chuyên viên đến tại chỗ khai thác và man-thân về TTM/P2.

Kết quả khai thác sẽ phúc-biên này bằng công-điện để các nơi có biện pháp thích-nhĩ. (Xem các phụ-ban đính-kèm).

.- QUI CHẾ VỀ TÀI-LIỆU CS ĐỐI VỚI LỰC-LƯỢNG ĐỒNG-MINH TỊCH-THU TẠI MNVN :61/- Khai thác cấp thời và chuyển giao :611)- Trong cuộc HQ độc lập riêng của LL.bạn :

- Tất cả tài-liệu do Quân-đội Đồng-Minh tịch-thu sẽ được tập-trung tại BCH hành-quan để khai-thác những tin-tức có tính cách chiến-thuật. Công-việc khai-thác này do Biệt-đội Quân-bảo Việt-Nam hoạt-động bên cạnh lực-lượng Đồng-Minh trợ-giúp.
- Trong khi khai-thác, nếu nhận thấy tài-liệu nào có liên-quan đến các Cơ-quan (Quân-sự lẫn Dân-sự) của VNCH thì đơn-vị hành-quan Đồng-Minh có thể nhiếp-sao (Photocopy) 1 bản để giữ đến các Cơ-quan này, để tùy-nghị khai-dụng.
- Sau khi khai-thác về phương-diện chiến-thuật, tài-liệu bắt-được sẽ di-tản theo hệ-thống tình-báo của Quân-đội Đồng-Minh để đưa về " Combined Document Exploitation Center " tức Trung-Tâm Khai-Thác Tài-Liệu Hồn-Hợp trong vòng 07 ngày.

.../-

612)- Trong cuộc hành quân hỗn hợp VNCH và Đồng-Minh :

Tất cả tài liệu tịch thu được trên chiến trường sẽ tập trung tại BCH hành quân hỗn hợp. Bộ phận Quân-Bao Việt Nam phối hợp với bộ phận Quân-Bao Đồng-Minh trong việc khai thác tin tức chiến thuật cấp thời cho cuộc hành quân.

Sau khi khai thác cấp thời xong, tất cả các tài liệu tịch thu được đều chuyển theo hệ thống tình báo về TT.KTTLHH (CDEC) Sài-Gòn.

62/- Khai thác và phổ biến tại TT.KTTLHH (CDEC) :

Các tài liệu tịch thu được chuyển về TT.KTTLHH thuộc P2/TTM để nơi đây khai thác và phổ biến trung vọng 24 tiếng đồng hồ sau khi tiếp nhận. Đối với những tài liệu chiến thuật quan trọng, được phổ biến cấp thời bằng công điện (SPOTREPORT) hoặc bằng những phương tiện nhanh nhất.

Song song với công việc của bộ phận Hoa-Kỳ tại TT.KTTLHH, bộ phận VN cũng thực hiện các biện pháp cấp thời như của Hoa-Kỳ như vậy một tài liệu quan trọng chỉ 24 giờ sau là các đơn vị liên hệ đã nhận được những tin tức cần thiết.

Ngoài những hình thức trên, tài liệu CS còn được bộ phận VN tại TT.KTTLHH phổ biến dưới hình thức gồm có :

- Bản tóm lược tin tức tài liệu hàng ngày
- Bản khai thác tài liệu CS (phân tích)
- Bản nhiên cứu tài liệu CS: (tổng hợp)
- Chuyển tài liệu chính cho các cơ quan liên hệ trong và ngoài quân đội theo nhu cầu.

Yểm trợ tin tức tài liệu CS cho các cơ quan, đơn vị trong quân đội (ngoài quân đội khi có lệnh).

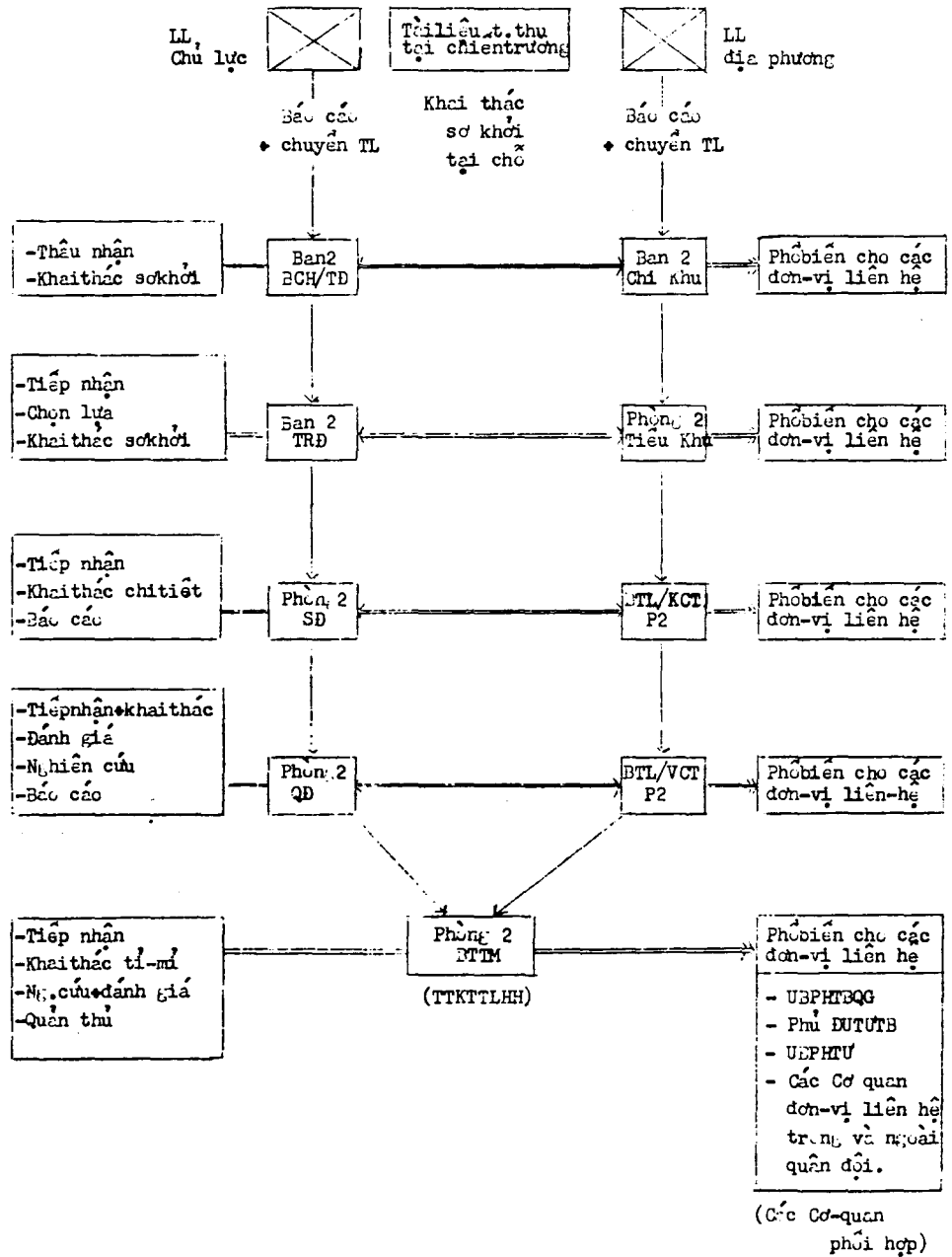
63/- Quyền sở hữu về "tài liệu CS do LL Đồng-Minh tịch thu"

Theo điều khoản 103, Bộ Quân-Luật thống nhất của quân-Lực Hoa-Kỳ, tài liệu tịch thu được của địch là một chiến lợi phẩm, nên là thuộc sở hữu của Hoa-Kỳ. (Tham chiếu Binh-thư FM 30-15/9-51).

Tuy nhiên tại MNVN hiện nay, tất cả các tài liệu tịch thu được của CS, trong bất cứ trường hợp nào, đều là tài sản quốc gia (chiến lợi phẩm). Do đó, VNCH có toàn quyền sở hữu về tài liệu CS, mặc dù do lực lượng Đồng-Minh tịch thu. Sự phổ biến, khai dụng trong và ngoài quân đội đều do thẩm quyền BTTM/QLVNCH.

PHỤ - BẢN 1

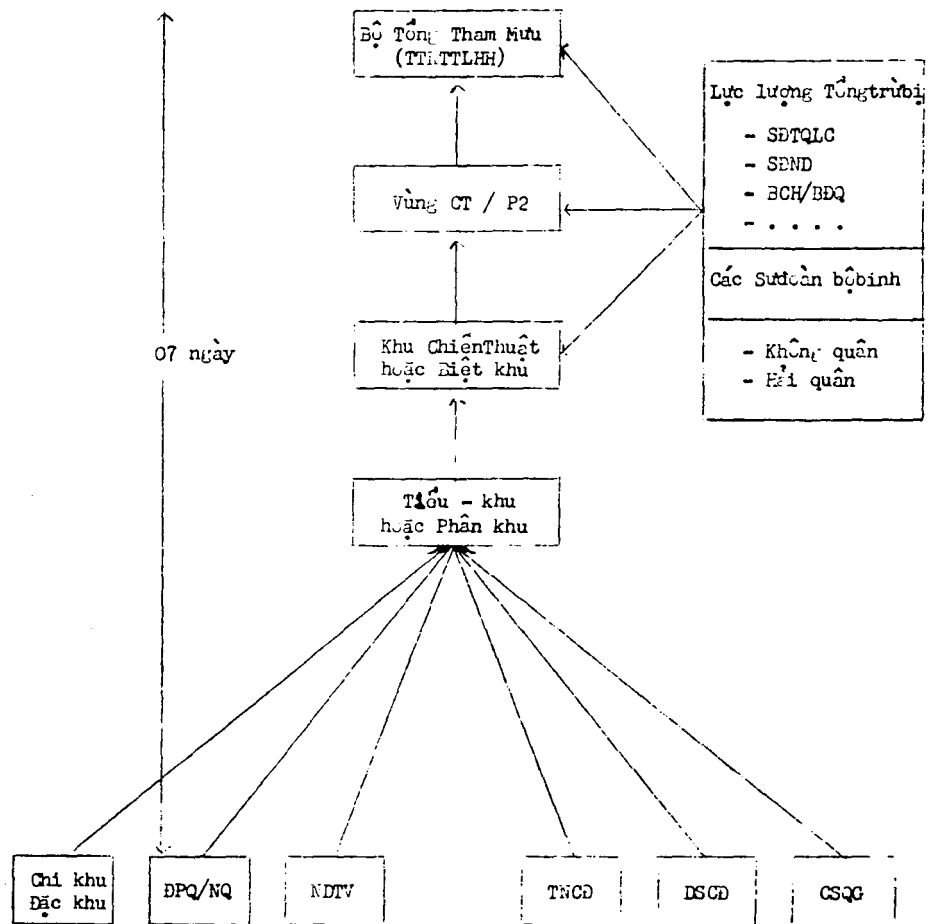
SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT VỀ HỆ-THỐNG KHAI-THÁC, ĐIỀU-KHIỂN TIN-TỨC VÀ CHUYỂN GIAO TÀI-LIỆU DO QUẢN-TRỊ - THU



PHỤ - BẢN 2

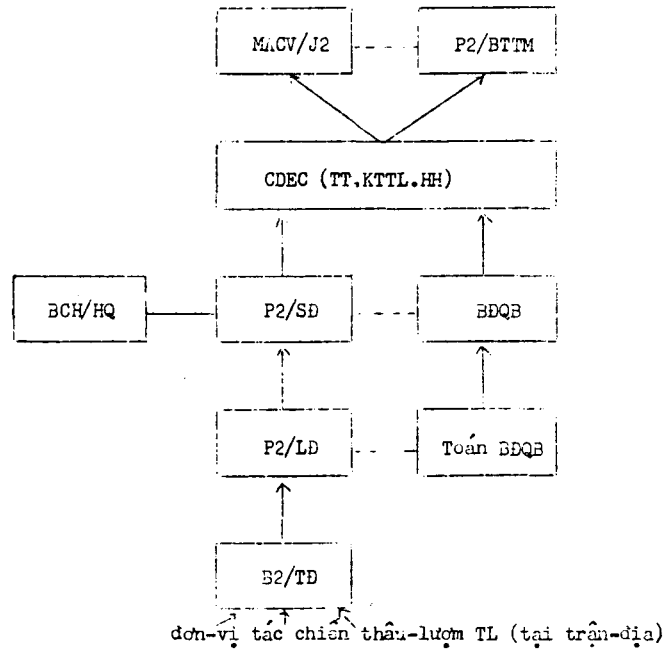
SƠ ĐỒ HỆ-THỐNG DI-TẢN VÀ CHUYỂN-GLIÃO TÀI-LIẾU  
từ chiến trường về P2/BTTM(TKKTTLH)

A/- Tài-liệu do QLVNCH và lực-lượng địa phương tích-thu

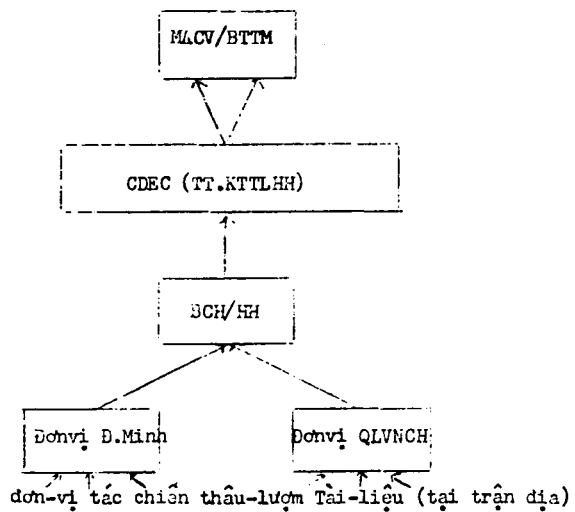


B/- Tài-liệu do lực-lượng Đồng-Minh tích-thu :

1)- Lực-lượng Đồng-Minh hành quân độc-lập :



2)- Trên cuộc hành quân hỗn-hợp :



THẺ TÀI-LIỆU

Tên họ tù binh hoặc hoi-chánh.....(1)  
Cấp bậc tù binh .....  
Loại tài-liệu .....(Huấn-luyện,  
bản đồ, sổ tay, sách báo .....)  
Tổng số bản ..... 13cm  
Ngày giờ bắt được .....  
Địa điểm .....  
Trường hợp .....  
Đơn-vị bắt được .....

← 9cm →

(1) Nếu tài-liệu tịch-thu được thì lục soát tù-binh hoặc hoi-chánh giao nộp.

## KỸ THUẬT VỀ KHAI-THÁC TÀI-LIỆU CỘNG-SẢN

PHẦN THỨ NHẤT

## TÌM HIẾU TÀI-LIỆU CS

1

I.- NGUYÊN-TẮC.

Khi khai-thác một tài-liệu CS, phải tìm hiểu rõ về tài-liệu đó. Công-tác tìm hiểu thực hiện trên 2 phương diện : hình thức và nội dung.

11/- Về hình thức :

Gồm có nhận dạng và xếp loại tài-liệu (xếp theo hình thức).

a) Nhận-dạng :

Xem thuộc loại hình thức nào : in, đánh máy, viết tay, khác, chụp ảnh, phim, băng ghi âm. v.v...

b) Xếp loại :

Tìm hiểu xem tài-liệu đó thuộc tính chất nào :

- Tài-liệu cá nhân.
- Tài-liệu công-vụ.
- Tài-liệu quân-sự.
- Tài-liệu huấn-luyện tuyên-truyền .
- Tài-liệu tổ chức Đảng Đoàn.
- Tài-liệu không phân loại được.

12/- Về nội-dung :

Mỗi loại tài-liệu có nội-dung chủ-yếu riêng của nó. Cần phải đọc và hiểu kỹ mới có thể khai-thác được.

II.- TÌM HIẾU VỀ HÌNH THỨC TRÌNH BÀY CỦA TÀI-LIỆU CS TẠI CHIẾN-TRƯỜNG MNVN.21/- Hình-thức tổng-quát :

Chia làm 4 hình-thức chính :

a) Loại in, khác :

- Gồm các loại sách báo, tuyên-truyền, giáo-khoa, huấn-luyện, điều lệ Đảng đoàn, công phiếu, giấy chứng minh, giấy sinh hoạt Đảng, đoàn, bản đồ, âm ngữ, cơ yếu, hồ-sơ công-văn, sổ tùy thân, sổ hướng dẫn kỹ thuật, (vũ khí, máy móc), bưu-thiếp, giấy khen, bằng khen, biên lai, lịch bỏ túi.v.v...
- Loại in có thể in bằng máy in thường, in typo, offset, ronéo, in thạch bản, in bản kẽm (cliché) v.v...
- Loại khác gồm có con dấu, chữ ký, danh án, huy hiệu, mặt bia, thẻ bài,

.../-

b) Loại đánh máy :

Rất phổ thông đối với tài-liệu CS : gồm các tài-liệu huấn-luyện, kế-hoạch, hồ-sơ, chỉ-thị, công-văn, quyết-định, giấy khen, bằng khen, biên-lai, bài nói chuyện (của cán-bộ chỉ huy) bản sao nghị quyết, mệnh lệnh, báo-cáo.v.v... Thường loại đánh máy nhiều hơn loại in.

c) Loại viết tay :

Thường là loại tài-liệu cá nhân. Đối với tài-liệu công-vụ, chỉ khi không có máy chủ, chúng mới cho viết tay.

Loại viết tay rất phổ biến, gồm có thư-từ, sổ tay cá nhân, báo-cáo, sổ trực, nhật-ký, quyết tâm thư, biên bản phiên họp, phương án tác chiến, sơ đồ điều nghiên, biên-lai cấp phát v.v...

Bất cứ một cán binh CS nào cũng có ít nhiều giấy tờ tùy thân in, đánh máy hoặc viết tay. Sổ tay là hình thức thông thường nhất, vì bọn chúng phải có nhiệm vụ ghi chép học-tập, huấn-luyện hàng ngày.

Nguồn tin dồi dào nhất là do loại tài-liệu viết tay này.

d) Loại phim ảnh bằng ghi âm :

Dù có tính cách kỹ-thuật, nhưng phải được liệt-kê vào loại tài-liệu chiến-thuật, vì do những loại này mà ta biết được tin tức trực tiếp về hình ảnh và âm thanh của địch quân.

Loại phim ảnh thường có tính cách tuyên-truyền, giải trí, thời-sự. Đôi khi có tính chất quân-sự. Tuy nhiên, xét theo phương diện tình-báo, loại phim ảnh không đáng tin cậy bằng "tài-liệu giấy trắng mực đen", bởi vì phim ảnh có thể ghép nối, xảo thuật, làm sai lạc sự kiện.

Loại băng ghi âm cũng vậy, cần đánh giá cho đúng mức.

22/- Nhận dạng tài-liệu CS :

Việc nhận dạng giúp cho công-tác đánh giá, phân-loại tài-liệu CS, nhất là nhận-định chân giả về tài-liệu. Công-tác nhận dạng cần chú-ý các điểm sau đây :

a) Giấy của tài-liệu CS :

Như đã trình bày ở trên, tài-liệu CS gồm đủ loại giấy tờ, hình ảnh vật dụng in khắc, con dấu.v.v... nghĩa là bất cứ cái gì có ghi bằng bút tự, khiến đọc được những tin tức về địch. Tuy nhiên, tại chiến trường MNVN hiện nay, loại tài-liệu bằng giấy tờ là phổ thông nhất và cũng đặc biệt nhất về cả hình thức lẫn phẩm chất.

Hình-thức giấy tờ của tài-liệu CS có thể nói là không quan hệ, bởi vì CS có thể dùng bất cứ loại giấy nào để viết thành tài-liệu của chúng. Từ mảnh giấy gói hàng, tờ báo cũ, bao thuốc lá vứt đi, hay có khi là những tấm giấy gửi đồ. Vì vậy, khi thu lượm những giấy tờ trên tại chiến-trường hoặc tại căn cứ địch, không nên bỏ qua. Sau đây trình bày một số loại giấy điển hình mà CS thường dùng để ghi bút tự (trở thành tài-liệu):

- Tài-liệu cá nhân: thường là những cuốn sổ tay, tập vở học trò tập giấy pelure để viết thơ, giấy carreau.v.v...
- Tài-liệu công vụ, nếu là viết tay, thường là giấy học trò, vở carreau, giấy pelure; nếu là ấn phẩm, thường trên giấy không kẻ, phẩm chất kém. Đôi khi vì thiếu giấy, CS cho in trên cả loại giấy học trò, kẻ ngang hoặc kẻ ô, nhất là các loại truyền đơn, tài-liệu tuyên-truyền nội bộ đơn vị (in hoặc quay roneo, in thạch bản) riêng trong trường hợp đánh máy, CS thường chỉ dùng loại pelure.
- Đối với loại tài-liệu xuất xứ từ Bắc-Việt, đa số là in hoặc in sẵn, rồi viết thêm, phẩm chất giấy khá hơn và hình-thức thông nhất hơn.

b) Phân biệt theo loại mực viết của tài-liệu :

Đối với tài liệu viết tay thông dụng nhất là loại mực nguyên tử, hoặc mực viết máy. Có khi viết bằng ngòi bút học trò với mực tím hoặc xanh (nhất là đối với thư từ BV gửi vào). Có khi viết bằng bút chì. Rất hiếm, hầu như từ trước tới nay chưa có, là loại bút bông gòn (magic marker). Chi tiết này cũng nên để ý để phân biệt "l tài-liệu giả" (mạo tạo).

c) Nhận dạng theo nội-dung tài-liệu :

Đây là điểm đặc biệt nhất, khiến ta có thể phân biệt được l tài-liệu CS thực sự với l tài-liệu giả tạo.

Một tài-liệu CS khác hẳn với bất cứ l tài-liệu nào của ta khác từ hình-thức đến nội-dung từ cách trình bày đến lời van, từ-nếu, chữ dùng.

Chi tiết về nội dung để nhận dạng tài-liệu CS, không có gì khó khăn (sẽ đề cập thêm trong phần "phát giác tài-liệu giả").

23/- Hình thức trình bày của tài-liệu CS :

Tài-liệu CS thường gồm 3 phần :

- Phần tiêu-đề.
- Phần trình bày.
- Phần kết.

1) Phần tiêu-đề :

Góc trên bên trái, thường có những tiêu-đề như :

a. Dân sự :

- Tài-liệu MN : Đặt trên DTGP Miền, Tỉnh, Huyện, Xã... tiếp theo là tên lãnh thổ và số công-van, ký hiệu.  
Ở giữa và trên đầu trang đầu, khẩu hiệu :  
Độc-Lập - Dân-Chủ - Hòa-Bình - Trung-Lập.  
hoặc Độc-Lập - Thống-Nhất - Dân-Chủ - Trung-Lập.
- Tài-liệu MB : VNDCCH Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Phúc. Góc trái đề Miền, Huyện, Xã, sơ-quan, số hiệu công-van.

b. Quân-Sư :

- Tài-liệu MN : QGPMNVN (Quân giải phóng MNVN) hoặc QGP + Địa phương (viết tắt) Quân-Khu, Tỉnh, Huyện ví dụ QGPMTTB (Miền Trung Trung-Bộ). Tiếp theo là bí số, mật danh, cơ quan đơn vị.
- Tài-liệu MB : QĐNDVN (QĐ Nhân-Dân Việt-Nam) đơn vị (ngụy trang bằng mật danh, bí số).

2) Phân trình bày :

Rất đặc biệt, hầu như CS không cần mạch lạc, văn hoa. Phân chia tiết mục rất ít. "Trình bày lộn xộn" có thể nói là đây chính là đặc điểm của tài-liệu CS, đó cũng là 1 yếu tố để phân biệt với tài-liệu giả tạo.

Nội dung tài-liệu CS thường gặp những đặc điểm như sau :

- Mật-danh, bí-số, hòm-thư.
- Danh từ và kiểu nói đặc thù của CS.
- Những chữ viết tắt đặc biệt, quy tắc và bất quy tắc.
- Hệ thống ngụy trang cơ yếu, ngụy hóa bằng số. v.v...

Phải quen và kinh nghiệm mới đọc và hiểu phần này của tài-liệu CS.

3) Phân kết :

Tài-liệu CS có một lối kết thúc đặc biệt. Có khi đề ngày tháng, có khi không. Chữ ký thường dưới hình thức TM (thay mặt) như TM/BCH (Bộ Chỉ-Huy hoặc Ban Chấp-nhành). Tài-liệu quân sự thường đề chung là KT (ký thay) hoặc "Thủ-trưởng". Bọn cán bộ thuộc Bộ Chỉ-Huy đều có quyền ký thay thủ-trưởng. Khi khai-thác danh bạ, phải căn cứ vào nội dung tài-liệu để biết đó là thủ-trưởng quân-sự hay chính-trị hoặc hậu-cán, vì có khi tài-liệu cũng ghi chức vụ rõ ràng kèm theo chữ ký, có khi không ghi gì cả.

Đối với công-văn, có nơi nhận. Thường ghi ở góc trái trang đầu của tài-liệu và viết tay. Cũng có khi ghi ở góc trái trang cuối cùng.

III.- TÌM HIỂU RIÊNG VỀ HÌNH-THỨC NGUY-TRANG TRONG TÀI-LIỆU CS.31/- Đặc điểm :

Đây là tính chất rất đặc biệt của tài-liệu CS. Phát xuất từ căn bản chiến tranh du kích, cần phải giấu kín mọi tin tức về mình, không để tình báo đối phương theo dõi. Mặt khác, với tổ chức đặc biệt để bảo mật và đánh lạc hướng tình báo ta, CS tại MNVN có cả một hệ thống mật danh, bí số (ám số) hòm thư và các quy ước bất thường, cần phải theo dõi liên tục và kinh nghiệm nhiều, mới khai-thác hữu hiệu được loại tài-liệu này.

32/- Đặc-tính của hệ-thống ngụy-trang trong tài-liệu CS :

Nhận xét đầu tiên là hệ thống ngụy trang CS rất rắc rối, có khi theo quy luật, có khi không theo 1 quy luật nào cả, lại thay đổi rất bất thường và bất cứ lúc nào. Lý do chính yếu tất nhiên là để đánh lạc hướng theo dõi của ta.

Sự thay đổi còn tùy ở phạm vi phổ biến và sử dụng. Tại cấp Trung-Ướng hoặc Đại Cơ-quan đơn vị của chúng, hệ thống quy trang tương đối ít thay đổi hơn. Trái lại ở cấp nhỏ hoặc địa phương, sự thay đổi hầu như "lúc nào cũng sẵn sàng". Tỉnh Bình-Dịnh là 1 trong những tỉnh mà CS có một hệ thống quy trang dồi dào nhất mà cũng rắc rối nhất.

Cũng có khi, hệ thống quy trang có thể coi như cố định, ví-dụ hệ-thống hòm thư (tương tự khu bưu chính của ta) của BCH Miền.

### 33/- Vai-cuờng về quy luật quy trang trong tài-liệu CS :

#### 1) Hệ-thống mật-danh :

- a. Về cá nhân (cán bộ) thường dùng kiểu tên gọi của Người Miền-Nam, đó là bí danh Đảng viên. Ví-dụ: 9 Vinh (Thiếu-Tướng Trần-Dộ) 6 Di (Nguyễn-chí-Tnh) 7 Hồng (Phó thủ-tướng Phạm-Hùng). Có khi gọi bằng tên thật, thêm biệt hiệu : 8 Mỹ (tức Trần-văn-Mỹ thủ-trưởng phòng TBCL/R) 2 Lâm (Nguyễn-hồng-Lâm, thủ-trưởng FK5) 5 Lê (Trần-Lê, TMT/PK1) v.v... Có khi quy trang bằng một danh từ chung, ví-dụ : Anh Hai (chỉ thủ trưởng) Trần-Nam-Trung (Trưởng ban Quân-Sự R). Có khi gọi theo đặc điểm; ví-dụ Tư-Rõ, Ôm, 5 Đen, 4 Già ... Trái lại, nhân vật chính trị của Mặt-Trần GP lại không quy trang : Nguyễn hữu Thọ, Nguyễn thị Bình v.v... càng cần phải phổ biến rộng, vì mục đích chính trị, không phải là quân sự. Hầu như tất cả mọi cán binh CS đều có những bí-danh thường gọi và tên thật của lý-lịch.
  - b. Về đơn vị : Mật danh thông thường nhất là danh từ Đoàn, đơn vị cấp nào cũng dùng Đoàn được hết. Từ Đoàn 559 tiếp vận lên lao cấp bộ nung máy Sư-Đoàn, đến Đoàn 591, Quân-đội Bến-Lức/PK.2. Những-khi còn là Quân-Thu cũng là Đoàn và khi đổi là "Đặc-Chung" cũng là "Đoàn".
- Về tên gọi đơn vị, thường theo quy luật "đồng loạt" như sau :
- Dùng tên núi : ví dụ Sư-đoàn 304 B, các Trung-đoàn có tên là Tar-bào (E.9), Yên-Tử (E.24), Hồng-Lĩnh (E.66).
  - Dùng tên sông : SD Sao-Vàng có 3 TRĐ Sông-Ba, Sông Gianh, Sông Hồng.
  - Dùng tiểu danh : PK1 có các TRĐ Bến-Tre (268), Trà-Vinh (88), Long-An (101), Gia-định (4).
  - Dùng tổ-chức lãnh-thô : Tỉnh (SD), Huyện (TD), Xã (XD).
  - Dùng chữ cái (để gọi tắt). ví dụ F (SD), E (TRĐ), D (TD), G (XD), B (trở), a (td).
  - Dùng danh từ chuyên môn để quy trang : Công-trường (SD, tại Nam-bộ, TD tại Trung-bộ) - Nông trường (SD tại Trung-bộ).
  - Dùng chữ cái làm mật tự : V, F, A : (Trung-đoàn)  
K, J, Z, H : (Tiểu đoàn)  
K, C, S : (Đại-đội)
  - Dùng bí-số để gọi đơn vị : Đơn vị 500 (BTL/QK5), Đơn vị 400 (Cư-đoàn Sao Vàng)
  - Dùng truyền thống hoặc thành tích đơn vị, ví dụ :
    - Đoàn bình Giả : TRĐ.271/CT9 (đã đánh trận Bình Giả 1964)
    - Đoàn Đông Xoài : TRĐ.272/CT9 (đã đánh Đông-Xoài 1965)
    - Đoàn Lộc Ninh : TRĐ.273/CT9 ( " " Lộc Ninh 1967)

- Đoàn Ba-Vì : TRD141/312 BV (đã đánh trận Ba-Vì 1952).
- Đoàn Thừa-Thiên : TRD101/PK1 (thành lập tại Thừa-Thiên, 1946).
- Đoàn SAPA : TRD66/B3 (hoạt-động quanh vùng Sapa 1967).

Lối nguy trang này không giống quy luật nguy trang truyền-tin hoặc cơ-yếu, mật mã.

c. Nguy trang vũ khí trang bị :

Thường dùng trong các báo cáo hoạt-động quy ước thông-tin khi chiến đấu.

- Có những Mẫu tự chung như H (Hỏa-tiến) L (Đơn súng nặng) S (đạn nhỏ) N (thuốc nổ) v.v...
- Có những ký hiệu riêng như H12 (Hỏa tiến 107 ly) ĐKB (122 ly) A12 (140 ly), DH5 và DH10 (Mìn định hướng 5 ký và 10 ký).v.v...

2) Hệ thống hòm thư CS :

Hòm thư hay hộp thư, HT, tức khu bưu chính của đơn vị hoặc cơ-quan CS, mục đích HT là để nguy trang nơi nhận cũng như nơi gửi.

a. HT kiểu CSMB (chính-quy) :

Gồm 5 số và 2 chữ cái theo sau. Ví-dụ : 68.418 US,  
57.435 RT,

b. HT kiểu CSMN biến chế :

Không có hình thức nhất định nhưng có hệ thống hãn hoi, tùy theo các cơ-quan tham-mưu ấn định.

Diễn hình thông thường gồm có :

- Loại 5 số và 2 chữ cái theo sau : (tổ chức kiểu chính quy).

Ví-dụ : 86.100 YK Phòng Giao-Bưu BCH Miền.  
86.200 YK Cục Tham-Huà " "  
86.300 YK Cục-Chính-trị " "  
86.400 YK Cục Hậu-Cần " "  
.....

Những con số 1, 2, 3, 4... là những con số gốc, rất cần để giải đoán HT các đơn vị thuộc BCH Miền. Ví-dụ : 86.406, đó là Đoàn thứ 6 của Cục Hậu-Cần H, tức Đoàn 86.  
Hòm thư thuộc BCH Miền có tính cách cố định.

- Loại 4 số và có mật danh theo sau : (HT Địa Phương)

Tùy Quy-ước mà Cục TM/Miền quy định địa phương cấp Khu, Khu lại quy định cho cấp Tỉnh, Tỉnh quy định cho Huyện, Huyện cho Xã.

Ví dụ : tại QK5 : HT.1200 Bắc-Ân.  
tại BTL : P.6000 Ấp-Bác.  
Đơn-vị : HT.5000 Ấp-Nam (SĐ Nông-Trường 2).  
Cơ-quan : HT từ 1220 đến 1400 (TM-CT-HC)

- Loại 4 số và 2 chữ cái đề sau hoặc trước :

Ví-dụ : 2403 ST, TN.4728. (TRẦN-VINH, QK3).  
2834 E , PB.601 có khi có 2 số : HM.14 (Cần-Thơ ).

Khi khai-thác tài-liệu loại này, bắt buộc phải đối chiếu mới chắc chắn.

3) Hệ-thống bí-số, (ám số) :

Thật là "muôn hình vạn trạng", không thể quy luật hóa các bí số của CS được. Lý do căn bản, là vì chúng muốn ta bị khó khăn trong vấn đề theo dõi chúng.

Tuy nhiên, có thể phân tích được 1 số quy luật, đại cương như sau :

a. Thứ tự theo số :

- Thứ tự liên tiếp, ví dụ : K.31, K.32, K.33, K.34 (4 tiểu đoàn pháo của QK. Trị-Thiên-Huế).
- Thứ tự cách số : ví dụ : 500, 502, 504, 506 (thuộc BTL/QK5).
- Thứ tự cách đều : ví dụ : F51, F55, F59 (3 TRĐ của SD/CT9).

Sự cách nhau đều đều như vậy, ta gọi là "nhảy số". Có khi nhảy 2, nhảy 3, nhảy 5.v.v... có khi chỉ nhảy số cuối ; có khi nhảy số giữa; có khi nhảy cả 2 số. Ví dụ :

C921 Cục Tham-Mưu/Miền (sau đổi thành Đoàn 129)  
 C942 " Chính-trị/ " ( " Đoàn 139)  
 C963 " Hậu-Cần/ " ( " Đoàn 149)

b. Thứ tự theo mẫu tự (ám tự):

Thường thường là 3 mẫu tự A, B, C để chỉ 3 cơ-quan Tham-Chính-Hậu, ví dụ : 70A, 70B, 70C (TM-CT-HC QUẢNG-ĐÀ).

c. Thứ-tự theo chức năng :

Ví-dụ các đơn vị tác chiến vào một nhóm bí số, các đơn vị Hậu-Cần vào 1 nhóm. Trường hợp này cũng như quy luật hòm thư. Ví dụ:  
 Tại BCH Miền : B là các Phòng B1, B2, B3, B4, B5... thuộc Cục Tham-Mưu. Hệ Hòm thư 86200.YK/B...

Cục Hậu-Cần Miền có hệ thống 8 là các Đoàn hậu-cần 81, 82, 83...  
 Hệ thống 7 là bệnh viện : K71, 72, 76...

d. Thứ tự theo hệ thống tổ chức :

Thường bọn đặt bí số căn cứ vào bảng sơ đồ tổ chức, đã liệt kê sẵn các cơ-quan đơn vị, (chỉ việc thay đổi bí số) do đó, thường các nhóm bí số có liên hệ với nhau, giúp ta giải đoán tương đối dễ dàng. Ví dụ :

Tại cấp Tỉnh, chia ra bên Tỉnh Ủy và các Cơ-quan, các bí số đi thành chuỗi liên tiếp với nhau. Bên Tỉnh đội, có đơn vị và chuyên môn, bí số cũng thuộc nhóm với nhau. Biết một vài bí số, có thể giải đoán sơ khởi được.

Thực ra, trong mọi trường hợp, sự giải đoán bí số phải phối hợp với nhiều chi tiết khác, mới đem lại kết quả mong muốn và chắc chắn.

4) Nguyên tắc nguy trang của một vài loại tài-liệu đặc biệt :

a. Trong loại giấy xâm nhập :

Trong giấy chứng minh xâm nhập, BV nguy trang như sau :

- Số hiệu : Gồm 3 số, theo quy luật 2 số đầu và cuối cộng lại thành 7. Ví dụ : 245 , 354
- Nơi đến : Gọi bằng bí số hoặc mật danh : Ví dụ S9 hoặc Hải-Yến (Nam-Bộ) Bắc-Ân (QK5) B45 (Trị-Thiên). CO2 (Cổ 2), Tây-Nguyên, Lâm-Trường 11/12 (MT.B5).
- Đơn vị : Đoàn xâm nhập thường gồm 3 số hoặc 4 số. Có khi gọi bằng 1 ám số. Ví dụ Đoàn 250 (A, B, C, D). Đoàn 8/3 Hồng-Linh A, Đoàn 9026.v.v...
- Con dấu : Con dấu nhỏ, có đề chữ CP (giải phóng) CTB (công tác B tức vào Nam (B) chiến đấu).
- Ngày tháng : Ngày, tháng, có thể đúng với ngày được lệnh xâm nhập. Kiêng năm thì luôn nguy trang là 1960. Gần đây, 1 số giấy chứng minh đề luôn là 1968, 1960.

b. Trong loại cơ yếu, mật-mã, truyền tin, thư từ đặc biệt :

Có nguyên tác riêng, phải có trình độ kỹ thuật về chuyên môn mới khai-thác được loại tài-liệu này.

c. Các mệnh lệnh chiến đấu :

Ka lệnh nổ súng, ngày, giờ và đợt được nguy trang rất kỹ, phải có "khóa" mới mở được, đôi khi cũng có thể giải đoán được.

d. Giấy giới thiệu đi đường :

Rất rắc rối. Thường có những bản chỉ dẫn chi tiết theo quy chế "tối mật" của chúng. Trong đó có quy luật đánh số (cộng, trừ, nhân, chia) cách ký tên, ngày tháng năm, giá trị trong thời hạn nào v.v...

e. Giấy sinh hoạt Đảng, Đoàn :

Ngoài quy luật ám số, ký hiệu để chỉ cấp bộ Đảng Ủy (bản chữ và bảng số, xem phụ bản) trong giấy sinh hoạt Đảng Đoàn còn có những danh từ nguy trang như :

Học sinh	: Quân chúng
Lên lớp	: Dự bị
Đậu bằng	: Chính thức
Chuyên trường	: Chuyên Đảng

Hoặc :

Thợ	: Quân chúng
Vào nghề	: Gia nhập Đảng (dự bị)
Nhập xưởng	: Vào Đảng
Đối xứng	: Chuyên Đảng

f. Ước hiệu quân sự và bản đồ (xem phụ bản) :

IV.- TÌM HIỂU NỘI-DUNG TỪNG LOẠI TÀI-LIỆU :

41/- Mục-dịch :

Đây là công tác chính yếu của việc khai-thác tài-liệu. Công-tác này đòi hỏi một sự kinh nghiệm về tài-liệu CS, để có thể thâm lượm hữu

hiệu những dữ kiện tình báo chứa đựng trong tài-liệu.

Mặc dù cùng một ngôn ngữ, một bút tự VN nhưng tài-liệu CS có kiểu riêng đặc biệt của nó, mà một người không phải chuyên viên khai-thác tài-liệu, không thể lĩnh hội mau lẹ và thấu đáo ngay được.

Chỉ riêng một khía cạnh "trình bày lộn xộn, chữ viết cầu thả, kiểu nói chuyên biệt, danh từ xa lạ" cũng đủ đòi hỏi cần phải có 1 trình độ kinh nghiệm nào rồi.

Tuy nhiên, nguyên tắc thu lượm tin tức có thể gồm tóm theo cách phân loại sau đây.

42/- Đại-cương về nội dung từng loại tài-liệu :

a) Loại tài-liệu có tính cách chiến lược :

Thường là những nghị quyết, thông cáo, chỉ thị, bài học tập, bình luận (trong báo chí) bài nói chuyện, đề cương huấn-huấn.v.v...

Trong loại tài-liệu này, CS thường đề cập rõ về "nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ mới". Riêng "nhiệm vụ mới" lại chia thành "nhiệm vụ trước mắt" và "công-tác lâu dài". Do đó, khai-thác kỹ loại tài-liệu này, nếu cần tổng hợp 1 số tài-liệu liên quan hoặc tương tự, ta có thể rút tĩa đây đủ được những âm mưu, kế hoạch về chiến lược cũng như chiến thuật của CS.

Điểm đặc biệt là loại tài-liệu chiến lược của CS ít cần phải giải đoán, nhất là tài-liệu xuất xứ ở cấp bộ cao. Các bài học tập, huấn-huấn cho cán binh được ghi trong các cuốn sổ tay, nhật ký, lại thường thiếu sót, lộn xộn, khó đọc, đôi khi tối nghĩa, khó hiểu.

Trường hợp này lại cần tới kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm giải đoán, khai-thác mới thu thập hữu hiệu tin tức chiến lược của địch.

b) Loại tài-liệu có tính cách chiến thuật :

Đòi hỏi sự chuyên môn và kiến thức quân sự về CS. Bởi vì CS đã nguy trang tới tới đa các chi tiết về chiến thuật, đơn vị, tình-trạng quân số, vũ khí, quy ước chiến trường.v.v... Mặt khác, khi phổ-biến học tập, hầu như không bao giờ chúng phổ biến đầy đủ và bọn được nghe rồi ghi lại cũng không ghi đầy đủ luôn. Điểm rắc rối nhất là cả một hệ thống mật danh, ám ngữ, bí số, hờn thù, được thay đổi luôn luôn có khi không theo 1 quy luật nào, thành ra rất cần sự giải đoán phân tích và tổng hợp, mới có thể khai-thác được 1 bản tin-tức hữu ích.

Điêng các tài-liệu huấn luyện (về chiến thuật) kể cả về vũ-khí của CS, thường có độ mật "Mật hoặc Tuyệt Mật", khai-thác lại tương đối dễ, những tài-liệu loại huấn luyện chuyên môn (truyền tin, cơ-yếu, máy móc) lại đòi hỏi một kiến thức chuyên môn về loại này. Thường các tài-liệu kỹ-thuật được gửi về các cơ-quan chuyên môn liên hệ khai-thác riêng.

c) Loại tài-liệu về sinh hoạt, tổ chức Đảng Đoàn :

Thường không chứa đựng tin tức tình-báo, nhưng đôi khi lại chứa đựng tin tức chiến lược hoặc chiến thuật, nhất là các bài học tập,

biên bản phiên họp, chính huấn về tình hình và nhiệm vụ các "quyết tâm thư" (viết trước khi hành quân hay tham gia chiến dịch thì đưa). Vì vậy, trong bất cứ trường hợp nào, cũng không nên coi thường loại tài-liệu này.

Riêng các tài-liệu thuần túy về tổ chức Đảng-Đoàn, lại cần cho công tác tìm hiểu, nghiên cứu về tổ chức CS.

d) Loại tài-liệu bích chương, báo chí tuyên truyền :

Mặc dầu chỉ là những tài liệu chủ đích về tuyên truyền, nhưng rất hữu ích để khai-thác, qua các mục thường có của báo chí CS như bình luận, tin-tức quân sự, thành tích thi đua, nhận định tình hình v.v...

Loại báo chí xuất bản tại BV mà ta thường tịch thu được như báo Nhân-Dân, Quân-đội Nhân-dân v.v... tiết lộ nhiều tin tức miền Bắc. Các loại báo chí của CS tại MN (rất nhiều loại) có thể cung cấp những tin-tức tình báo tốt. Những "thông cáo đặc biệt" của BCH Miền, phổ biến với tính cách báo chí) có thể được coi như "một nghị quyết thu hẹp" phản ảnh tình hình và nhiệm vụ cho từng giai đoạn, 1 chiến dịch hoặc sau một đợt hoạt-động quân sự. Đây là loại cung cấp tin-tức tình-báo tốt nhiều khi rất quan trọng, mặc dù chủ đích của chúng là tuyên-truyền.

e) Loại tài-liệu cá nhân linh tinh :

Thường là các sổ tay, nhật ký, lịch bỏ túi, giấy khen, giấy chứng nhận sinh-hoạt Đảng, lý lịch, thư từ, giấy tờ tùy thân.v.v...chứa đựng nhiều tin tức tốt về mọi mặt. Cần chú trọng loại tài-liệu này.

\*  
\* \*  
P H Ì N T H Ữ H A I

-----  
CÔNG-TÁC KHAI-THÁC TÀI-LIỆU CS

I.- MỤC-ĐÍCH.

Khai-thác tài-liệu địch là tìm tin tức về địch, tiết lộ trong tài-liệu tịch thu được của chúng.

II.- PHƯƠNG-PHÁP.

Tìm ra tin-tức về địch trong tài-liệu có nhiều phương pháp lược tin.

- Do tài-liệu tiết lộ trực tiếp, rõ rệt.
- Do sự giải đoán và phân tích tài-liệu.
- Do tâm kiến thức và kinh nghiệm khám phá ra.
- Do sự mở khóa về cơ yếu, mật-mã.
- Do sự giải đoán hệ thống nguy trang (mật danh, ám số).
- Do sự kiểm chứng, cung từ tù binh, hồi chánh.
- Nhất là do sự đối chiếu và tổng hợp tài-liệu.

III.- ĐIỀU-KIỆN.

- + Trừ ra những bản bạch văn mà tài-liệu tiết lộ tin tức rõ rệt, còn thường phải phân tích, giải đoán và đối chiếu mới có thể thu lượm

được 1 tin-tức trong tài-liệu của CS. Do đó, khi nói về điều kiện lược tin, yếu tố nhân sự đòi hỏi phải có những khả năng sau đây :

- Có kiến thức tình-báo.
- Có kinh nghiệm về tài-liệu CS.
- Có kiến thức căn bản về tổ chức CS.
- Có kiến thức về hình thức nguy trang trong tài-liệu CS.
- Có khả năng phân tích, giải đoán tài-liệu CS.

\* Đối với người viết bản tin, 1 số điều kiện đòi hỏi thêm gồm có :

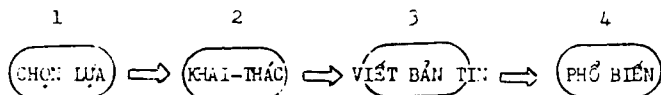
- Khả năng phán đoán và nhận xét về tin tức tài liệu.
- Khả năng tổng hợp và đối chiếu tin-tức tài-liệu.
- Khả năng trình bày một bản tin-tức tài-liệu.

Ngoài ra còn có những yếu tố phụ thuộc, nhưng rất cần thiết, thuộc yếu tố tâm lý (bình tĩnh, kiên nhẫn, tập trung, bền bỉ, yêu nghề) thuộc yếu tố chuyên môn (Cách viết văn, lối trình bày v.v...)

#### IV.- QUY TRÌNH CÔNG-TÁC KHAI-THÁC TÀI-LIỆU :

##### 41/- Chu kỳ công-tác khai-thác tài-liệu (sơ đồ tổng quát)

Chu kỳ khai-thác tài liệu gồm 4 giai đoạn theo biểu đồ như sau :



- |                                      |                         |   |   |
|--------------------------------------|-------------------------|---|---|
| Tiếp nhận +<br>Phân loại<br>tài liệu | Đánh giá +<br>Khai-thác | - Công-diện<br>- Bản tóm lược<br>- Bản tin-tức<br>- Bản khai-thác<br>- Bản nghiên-cứu | - Báo cáo<br>- Thông báo<br>- Phổ biến<br>- Các nơi<br>liên hệ. |
|--------------------------------------|-------------------------|---|---|

##### 42/- Phân-loại tài-liệu :

Căn cứ vào nội dung tài-liệu CS, để phân thành 5 loại như sau :

- Loại A gồm : Tài-liệu về chiến thuật "có tính cách cấp thời" như kế hoạch tác chiến, hành quân, bãi mìn, các khu-vực tập trung.
- Loại B : Gồm loại tài-liệu có tính cách chiến lược như chủ-trương đường lối hoạt-động v.v... tổ chức, đơn vị, tài-liệu về trận liệt địch.
- Loại C : Loại không có giá trị tình báo có thể hủy bỏ.
- Loại D : Tài-liệu tuyên truyền, báo chí, bích chương, biểu ngữ, truyền đơn v.v...
- Loại E : Tài-liệu về kỹ-thuật hoặc chuyên môn như mật-mã, truyền tin v.v...

##### 43/- Đánh giá tài-liệu :

Sau khi phân loại tài-liệu sẽ được đánh giá chỉ định các hình thức phổ biến thích hợp. Các khai-thác viên sẽ căn cứ vào kết quả đánh giá để

thi nành. Tuy nhiên, vì có phần sự khai-thác, nên các nhân viên này có thể đọc kỹ hơn, hiểu kỹ hơn, có thể đề nghị một hình thức phổ biến thích hợp.

44/- Xác định mức độ ưu tiên để khai-thác :

Căn cứ vào mức độ quan trọng và yếu tố thời gian tính của tin tức tài-liệu đó, để xác định mức độ ưu tiên và độ khẩn trong việc khai-thác và phổ biến.

45/- Chọn hình thức viết bản tin thích hợp :

Việc phổ biến tin-tức tài-liệu gồm những hình thức sau đây :

- Công điện, bưu điệp (với tính cách cấp thời).
- Phiếu đệ-trình (trường hợp không báo cáo miệng, trực tiếp).
- Bản tóm-lược tin-tức tài-liệu (Bản tin-tức).
- Bản khai-thác tài-liệu (để cập đầy đủ chi tiết).
- Bản nghiên cứu tổng hợp (1 số tài-liệu cùng đề-mục và cùng trường hợp tịch thu).

V.- THỰC-HIỂN VIỆC KHAI-THÁC.

Chia làm các giai đoạn sau đây :

51/- Giai đoạn đọc và tìm hiểu tài-liệu :

Đây là một bước khó khăn, phải hiểu được tài-liệu mới có thể khai-thác trung thực và rút tĩa được những tin tức chi-tiết tốt.

Một trong những trở ngại lớn cho việc khai-thác tài-liệu là thường gặp những hệ thống "mật-danh, ám-số, hòm thư" và những kiểu nói, danh từ đặc biệt của CS. Chính vì vậy mà khai-thác viên phải quen với tài-liệu CS, có ý niệm tổng quát về quy luật bí-số, hòm thư và cần phải đối chiếu với các tài-liệu có trước.

52/- Giai đoạn viết bản tin tức :

Một sự kiện thông thường nhưng có thể gây trở ngại là yêu cầu đòi hỏi khai thác viên phải có "khả năng viết" và trình bày theo lối văn đặc biệt (có khuôn mẫu) của ta.

Nên chú ý là "đọc và hiểu tài-liệu CS là một việc, và viết nên bản tin là một việc". Không phải bất cứ nhân viên tình báo nào cũng có thể khai-thác tài-liệu và viết bản tin với mức độ khả năng như nhau, nghĩa là 1 người có thể giỏi về tài-liệu CS chưa phải là người viết giỏi các bản khai-thác tài liệu CS.

Các khó khăn nhất là phải chuyển từ thể văn của CS sang thể văn của ta. Danh từ và Kiểu nói của CS nhiều khi cũng phải được thay thế bằng những danh từ và kiểu nói của ta, như vậy mới dễ xử dụng.

53/- Giai đoạn sửa chữa kiểm chứng :

Tự mình và cấp trên.

Để có giá trị thêm, 1 bản KTTL cần có những chú thích, nhận xét và ý kiến.

54/- Giai-đoạn phổ biến :

Ghi các nơi nhận liên hệ có thể xử dụng tin-tức khai-thác được hoặc để trao đổi tin tức.

VI.- CÔNG-TÁC SAU KHI KHAI-THÁC VÀ PHỔ BIẾN :

- Gồm có :
- Thiết lập hồ-sơ theo dõi tin-tức (để tham khảo đối chiếu sau này).
  - Ghi chú, nhật tu hồ sơ trần liệt (danh bạ).
  - Lập hồ-sơ mật-danh, bí số, hàm thư.

%

%    %

PHẦN THỨ BAPHƯƠNG-PHÁP VIẾT BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU

I

CÔNG HÌNH-THỨC CỦA BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU./- Liệt-kê :

Việc phổ-biến bản tin-tức khai-thác tài-liệu CS gồm các loại sau đây :

- Phiếu trình về tin-tức tài-liệu.
- Bản tóm-lược tin-tức tài-liệu.
- Công-diện, Bưu-diệp.
- Bản khai-thác chi-tiết (1 tài-liệu).
- Bản khai-thác tổng-hợp 1 số tài-liệu.
- Bản nghiên-cứu tổng-hợp nhiều tài-liệu.
- Bản sao, nhiếp-sao, trích sao tài-liệu.

/- Hình-thức trình-bày :

Mỗi loại bản tin-tức đều có hình-thức thích-hợp riêng của nó. Cách bố cục, trình-bày phải theo nguyên-tắc "gọn gàng, vấn tắt nhưng đầy đủ, dễ hiểu".

/- Nội-dung :

Một bản tin-tức tài-liệu đòi hỏi các yếu-tố sau đây :

- Trung thực với tài-liệu, không thêm bớt.
- Hiểu biết đúng về nội-dung tài-liệu, không hiểu sai lạc.
- Phân-tích và giải-đoán chính xác.
- Trình-bày "gọn, dễ hiểu" đúng lối hành văn quân-dội.
- Khai-thác kỹ và đủ, không bỏ sót chi-tiết quan-trọng.
- Cho nhận-xét và ý-kiến thích-hợp.

II VĂN TRÌNH-BÀY CỦA BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU./- Đặc-tính lối văn tài-liệu CS :

Tài-liệu CS được trình-bày bằng một lối văn đặc thù, rất đặc-biệt, cần phải quen về tài-liệu CS mới hiểu hết được nội-dung. Thực ra không khó về nội-dung, nhưng khó về hình-thức. CS có những kiểu nói, thành-ngữ, chữ dùng rất đặc-biệt (đây cũng là đặc tính để nhận ra tài-liệu giả tạo) khác hẳn với lối văn thường ngày ta quen dùng.

Vì vậy khi khai-thác tài-liệu, phải trình-bày lại lối văn CS, chuyển từ những kiểu nói đặc-biệt CS sang kiểu nói, lối văn của ta, bỏ những câu văn khách-sáo tuyên-truyền, lấy những chi-tiết về nội-dung có thể cho ta tin-tức tình-báo được, nếu cần phải giải-thích từng danh-từ, từng kiểu nói của tài-liệu. Trình-bày lại, nhưng không làm khác ý tài-liệu giải-thích sai lạc. Đó là điểm phải chú-ý nhất khi viết bản tin-tức tài-liệu.

.../-

22/- Phương pháp viết lại lối văn tài-liệu CS :a) Theo nội-dung :

Phải đọc kỹ tài-liệu, nếu cần, đối-chiếu so-sánh, giải-đoán, xem ý tài-liệu CS muốn nói gì. Hiểu được và hiểu đúng, việc trình bày sẽ dễ dàng.

b) Theo hình-thức :

Có 2 trường-hợp : dẫn-chúng nguyên-văn tài-liệu CS (trực tiếp) và dẫn-chúng theo ý của tài-liệu (gián tiếp).

- Khi cần dẫn-chúng nguyên-văn tài-liệu CS, phải để trong ngoặc kép, không được thêm bớt. Muốn giải-thích, sau khi trích dẫn nguyên văn xong, sẽ viết ghi-chú.
- Chỉ dẫn chúng nguyên văn tài-liệu khi thấy cần để diễn tả "sự quan-trọng nguyên gốc tài-liệu" dẫn-chúng tính cách xác-thực của tài-liệu chính, và để người đọc biết được trung thực tài-liệu. Những chỗ trích dẫn nguyên văn có giá-trị như trình-bày một "sự kiện tài-liệu", thay vì nhiếp-sao cả hay trích sao 1 phần.
- Không trích dẫn nguyên-văn tài-liệu những đoạn có tính cách tuyên-truyền, phi báng, nhận-định sai lạc của tài-liệu và tất cả những chi-tiết nào không đáng trích dẫn nguyên-văn.
- Khi dẫn chúng gián tiếp, tức tóm-lược ý chính, thu gọn nội-dung tài-liệu thì không để trong ngoặc kép. Việc dẫn-chúng phải trung thực, đúng ý tài-liệu, không xuyên-tạc... bởi vì tin-tức tài-liệu tự nó có giá-trị từ bản-chất, không thể hiểu sai lạc đi được. Nếu cần, cho dẫn-chúng nguyên-văn. Khai-thác đúng, giúp phán đoán và ước tính đúng. Khai-thác sai, sẽ ước đoán sai và phản mục-đích khai-thác tài-liệu địch.

III.- TRÌNH BÀY ĐIỂN HÌNH TỪNG LOẠI BẢN TIN-TỨC TÀI-LIỆU.31/- Nguyên-tắc chung :

Một bản tin-tức tài-liệu gồm có 3 phần :

- (1). Tiêu-đề, đề-mục, giới-thiệu.
- (2). Nội-dung trình-bày.
- (3). Kết-luận.

32/- Trình-bày bố-cục từng loại bản tin :a) Phiếu đề trình :

Phần tiêu-đề, đề-mục thường "có sẵn" về hành-chánh.

Phần nội-dung gồm 2 phần :

- Trình-bày sự kiện tài-liệu, nội-dung tin-tức khai-thác được.
- Nhận-xét, giải-đoán, ý-kiến, đề-nghị của giới-chức đề trình.

b) Bản tóm-lược tin-tức tài-liệu :

Chia làm 2 phần :

- Tóm tắt tài-liệu, nêu những ý chính và những điểm quan-trọng cần chú-ý.
- Nhận-xét, đối-chiếu, giúp cấp trên hiểu thêm về tin-tức đó.

c) Công-tiện, búi-diệp :

Hình-thức theo thủ tục hành-chánh, tham-sứ.

Nội-dung gồm có :

- Tiêu đề :

(Nơi gửi, nơi nhận, thông-báo, số bản vấn, độ mật, độ khẩn, nhóm, ngày giờ).

- Nội-dung bản vấn :

Giới-thiệu nguồn tin, trình-bày nội-dung tin-tức thông-báo, biện-pháp, đề-nghị.

d) Bản khai-thác chi-tiết :

Có nhiều trường-hợp để viết 1 bản khai-thác chi-tiết. Tài-liệu căn-cứ có thể chỉ gồm 1 tài-liệu duy nhất, nếu nhận thấy khá đầy đủ tin-tức. Thông thường phải tổng-hợp đúc kết 2 hoặc nhiều tài liệu liên-quan đến cùng 1 đề-tài, 1 đơn-vị, 1 tổ-chức.v.v...

Loại bản tin này có 2 hình-thức sau đây :

(1) Bản tin-tức tài-liệu CS :

Để báo tin về nội-dung tài-liệu. Thường chỉ căn-cứ trên 1 tài-liệu mà thôi, nội-dung gồm 4 phần :

- Phần I : Tiêu-đề

- Căn nguyên : (cơ-quan phổ-biến bản tin).

- Loại tin : quân-sự, chính-trị, kinh-tế.

- Nguồn tin : tài-liệu CS. Kể luôn trường-hợp tích-thu (do đơn-vị nào, ngày và nơi tích-thu. Trường hợp thu doat được : tại hầm hố, địa đạo, trên xác chết, tù-bình giao nạp, hồi-chánh mang về, mật-báo-viên đánh cấp, lén chụp.v.v..)

- Giá-trị : Thường là A/1, có khi A/2.

- Đề-mục : chủ đề hoặc ý chính của tài-liệu.

- Phần II : Nội-dung

Trình-bày trung thực nội-dung tin-tức khai-thác được. Cần phân chia từng tiết mục. Trình bày gọn, đầy đủ, dễ hiểu. Tránh dùng lại lối văn của Công-Sản, nhất là những danh-từ và luận điệu tuyên-truyền.

- Phần III : Nhận-xét và ý-kiến

Phần này rất hữu-ích, nếu khai-thác viên am tường các chi tiết liên-quan và đối-chiếu với các tài-liệu đã có trước hoặc tham-khảo tin-tức tình-báo.

Cuối bản tin ghi nơi nhận (theo nhu-cần thích nghi).

- Phần IV : Phụ-bản

Những chi-tiết quá dài nhưng cần-thiết, như bản liệt-kê danh sách, trích sao nguyên-văn tài-liệu, sơ-dò tổ-chức.v.v... nếu trình-bày ở phần chính (nội-dung) sẽ gây rườm rà, thì đưa xuống làm phụ-bản. Nhiều phụ-bản thì đề số thứ-tự (phải ghi dẫn-chiếu ở phần nội-dung để dễ đối-chiếu).

Phu-bản có thể là bản đánh máy, hoặc hình vẽ, hoặc là bản nhiếp-sao, phóng ảnh, in thạch-bản, in ozalid, bản-đồ.v.v...

(2) Các loại bản tin khác :

Gồm có Bản khai-thác tài-liệu (khai-thác rất chi-tiết) hoặc bản nghiên-cứu tài-liệu (tổng-hợp đúc kết). 2 loại này sẽ được trình-bày ở mục riêng dưới đây.

IV.- PHƯƠNG-PHÁP VIẾT MỘT BẢN KHAI-THÁC TÀI-LIỆU (CHI-TIẾT).

41/- Điều-kiện chuẩn-bị để có thể viết một bản KTTL :

- Tài-liệu phải khá chi tiết . Nếu có nhiều tài liệu liên quan cùng trường-hợp tích-thu càng tốt.
- Khi có nhiều tài-liệu liên-quan, phải biết chọn tài-liệu nào làm chủ-yếu, tài-liệu nào phụ thuộc.
- Phải có 1 hồ-sơ tạm đầy đủ, để có thể giúp giải-đoán những ký hiệu, mật danh, bí-số, hòm thư,danh-bạ và quy-luật nguy-trang.
- Kiến-thức và kinh-nghiệm cá-nhân trong công-tác viết bản khai-thác tài-liệu.

42/- Thực-hành :

- Đọc và tìm hiểu nội-dung.
- Thiết-lập dàn bài (theo tin-tức tài-liệu cung-cấp).
- Viết và sửa-chữa.
- Phối-kiểm lần chót.

43/- Nội-dung trình-bày bản KTTL :

Bản khai-thác tài-liệu thường dùng để trình-bày tin-tức về 1 cơ-quan, 1 đơn-vị , 1 tổ-chức, 1 kế-hoach hay 1 bản Nghị-quyết của CS. Mọi loại bản tin có dàn bài điển-hình sau đây :

431) Tiêu-đề (mẫu) :

KBC . . . . . ngày, tháng.

BẢN-KHAI-THÁC TÀI-LIỆU CS

Số : \_\_\_/năm viết

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

CƠ-QUAN THỐNG THUỘC

CƠ-QUAN TRỰC THUỘC

BỘ - PHẬN VIẾT BẢN TIN

Số : \_\_\_\_\_

I.- ĐỀ-MỤC : Chủ đề hoặc ý chính của tin-tức tài-liệu.

II.- TRƯỜNG-HỢP TÍCH-THU : (Đơn-vị, ngày tháng, nơi tích-thu, toạ-độ 6 số và ghi-chú địa danh cấp Tỉnh hoặc khu-vực, trường-hợp thu lượm tài-liệu).

III.- NỘI-DUNG :

1) Mô tả tài-liệu.

2) Trình-bày nội-dung tin-tức tài-liệu.

IV.- NHẬN-XÉT VÀ Ý-KIỆN : (Của cơ-quan viết).

NƠI-NHẬN

Giới-chức có thẩm quyền  
ký bản tin để phổ-biến.

432) Dàn bài mẫu riêng cho phần nội-dung :432a) Tin-tức về một đơn-vị CS :

Gồm có các tiết mục như sau :

A. Tổ-chức.

- 1) Thành-phần, lai lịch (cơ-quan và đơn-vị trực thuộc).
- 2) Cán-bộ chỉ-huy. Cán-bộ cấp A, B và cán-binh đưa xuống phụ-ban.
- 3) Quân-số, vũ-khí, trang-bị.
- 4) Khả-năng tác-chiến, ưu khuyết điểm.

B. Hoạt-dộng.

- 1) Kế-hoạch sắp tới (dự trừ hoặc đang thực hiện).
- 2) Hoạt-dộng đã qua (nếu địa điểm, kế-hoạch, tổn-thất).
- 3) Lộ trình di-chuyển hoặc xâm-nhập.

C. Tin-tức linh-tinh.

- 1) Tinh-thần và tư-tướng.
- 2) Sự thiếu-thốn về hậu-cần.
- 3) Tinh năng kỹ-chiến-thuật vũ-khí mới (nếu có)
- 4) Các chi-tiết thấy cần-thiết về phương-diện tình-báo như tin Miền Bắc, căn-cứ địa, đảo rã ngũ .v.v...

432b) Tin-tức về một tổ-chức CS :A. Tổ-chức.

- 1) Thành-phần cơ-quan.
- 2) Cán-bộ.
- 3) Nhiệm-vụ các bộ-phận trực thuộc.

B. Hoạt-dộng.

- 1) Thành-tích.
- 2) Sinh-hoạt cơ-quan, học tập nghị-quyết .v.v...

C. Tin-tức linh-tinh.

(Xét thấy hữu-ích và cần).

432c) Tin-tức về một kế-hoạch (chính-trị) :

- A. Nhận-định tình-hình của tài-liệu.
- B. Nêu phần tài-liệu nhận định về ta.
- C. Âm-mưu trong tương-lai.
- D. Ưu khuyết điểm nêu trong tài-liệu.

Ghi-chú : Khi khai-thác về một kế-hoạch chính-trị, người viết phải đối-chiếu với các tài-liệu liên-hệ hoặc nguồn tin đã có trước, mới có thể hiểu và trình-bày thấu đáo được.

432d) Tin-tức về một nghị-quyết (Đảng-Ủy) :

Nghị-quyết được coi là biên-bản của 1 phiên-họp của Đảng-Ủy. Bất cứ 1 cơ-quan đơn-vị nào, Đảng-Ủy cũng có thể ban hành 1 Nghị-quyết. Có Nghị-quyết có tính cách chiến

lược, có Nghị-quyết về kế-hoạch quân-sự (quyết-tâm). Tùy suất xú cấp bộ, 1 Nghị-quyết có tầm quan-trọng khác nhau. Nghị-quyết của Trung-Ương Đảng Bộ tại BV hoặc của TUC.MN dĩ-nhiên quan-trọng hơn cấp Khu-Ủy, Tỉnh-Ủy. Tuy-nhiên về chiến-thuật, Nghị-quyết của Đảng-Ủy đơn-vị nhiều khi rất quan-trọng, tiết-lộ ý-định quân-sự trước mắt, cần phải đánh giá đúng với tầm mức quan-trọng của nó.

Sau đây là những điểm chính yếu của 1 Nghị-quyết CS :

- I.- Phân nhân-dinh tình-hình (ta và địch).
- II.- Âm-mưu chiến-lược sắp tới. (Cấp cao nêu những ý định chiến-lược chung để cấp dưới triển khai học tập và thi-hành).
- III.- Những công-tác trước mắt (phần này quan-trọng cần khai-thác chi-tiết).
- IV.- Nhiệm-vụ của từng cơ-quan, đơn-vị trực thuộc (để thi-hành Nghị-quyết).
- V.- Phân kết-luận (tuyên-truyền).

Nghị-quyết thường có giá-trị trong 1 giai-đoạn nào đó, vì vậy nó làm căn bản cho mọi hoạt-động chính-trị cũng như quân-sự của chúng trong giai-đoạn ấy. Nghị-quyết 13 của TƯ Đảng nêu lên kế-hoạch TCK - TKN toàn Miền Nam và đã thực hiện hồi Tết Mậu-Thân 68. Nghị-quyết số 6 của TUC hạ lệnh đánh vào các đô-thị tại MN.VN để TCK - TKN. Nghị quyết số 9 của TUC (7/59) nêu sách lược chung cho toàn Miền, chấn chỉnh tổ-chức nội bộ bằng "5 công-tác lớn" chủ trọng giành chiếm vùng nông-thôn đồng-bằng sông Cửu-Long. Nghị-quyết 14 của TUC (11/68) chủ-trương quay về du-kích chiến, dùng du-kích chiến để TCK - TKN khắp 3 vùng, nhưng mục-tiêu chủ-yếu là vùng hạ-tầng cơ-sở nông-thôn.

Khi khai-thác 1 Nghị-quyết, phải chú-ý nêu lên những âm mưu chiến-lược trước, sau đó mới nêu chi-tiết chiến-thuật.

4.32e) Tin-tức về một Chỉ-thị, Thông-cáo :

Loại tài-liệu này thường có mục-dịch tuyên-truyền, động viên đồng bọn trong một giai-đoạn hoạt-động nào đó. Chẳng hạn sau mỗi đợt chiến-dịch Xuân, Xuân-Hè, Hè, Hè-Thu, Đông, Đông-Xuân. Các Chỉ-thị hoặc Thông-cáo của BCH Miền thường có chủ-đề về quân-sự, trong khi cùng loại của TUC (thường ký bằng mật danh Năm-Trưởng hoặc M.40 hoặc C.112) nêu lên những chủ-đề chính-trị, Đảng Đoàn.

Loại Chỉ-thị của TUC rất dễ nhận dạng qua nội-dung tài liệu. Ngay ở phần tiêu đề cũng đủ nhận ra ngay được, vì Chỉ-thị của TUC thường có 4 chữ tắt CTNT (Chỉ-thị Năm Trưởng) theo sau số. Ví-du : Chỉ-thị 13/CTNT phổ-biến ngay 4-6-68 về việc thành-lập Chính-quyền Cách-Mạng tại Nông-Thôn. Chỉ-thị 81/CTNT về ý nghĩa đợt Thu 68 .v.v...

Thông-Cáo có nhiều loại và ở nhiều cấp bộ. BCH Miền có 2 loại Thông-Cáo : Thông-Cáo thường và Thông-Cáo đặc-biệt.

Cho đến nay BCH Miền mới ra được 16 Tháng-Cáo đêc-tiệt, sau 16 đợt chiến-dịch hàng năm. Nội-dung toàn phong-dại tuyên-truyền thành-tích quân-sự của Quân-Đội ĐPMN!

V.-

PHƯƠNG-PHÁP VIẾT BÀI NGHIÊN-CỨU TÀI-LIÊN GS.

51/- Miền-không thiếu yêu khi viết bài Nghiên-Cứu :

- Phải có đủ tài-liên.
- Nghiê viết cần khá-nặng (có) tổng-hợp cũng như phân-tích, yêu nghề, thì tìm tài nghiên-cứu, khảo-sát, khảo-sát.
- Có kinh-nghiệm đời đảo trong văn-đề khai-thảo tài-liên.
- Hiểu biết về tổ-chức đôn-vị GS, cũng như đường lối, chủ-trương của chúng.

52/- Phân thực-bành :

a) Công-tác chuẩn-bị :

- Khảo-cam tin-tật.
- Sưu-tầm tài-liên.
- Tổng-hợp tài-liên.

b) Đại-donan thực-hiện :

- Đọc tổng-quát và tìm hiểu nội-dung.
- Sắp xếp đôn-thai.
- Khảo-cam tài-liên cho mỗi tiết-mục.
- Đọc thật kỹ và viết ban thảo.
- Kiểm-chung lại và sửa-chữa.

53/- Nội-dung trình bày 1 bản Nghiên-Cứu Tài-Liên GS :

Phần vi nghiên của rất bao quát, tuy theo đề tài và tùy đê kiện tài liên nghiên íy, nên không thể ban chế oái tiết mục cho 1 bản nghiên-cứu tài-liên GS đêc. Và lại, mỗi bài nghiên của nó nội đê tài khảo nhưm nào không thể đêa ra 1 khuôn mẫu tiêu chuẩn đêc. Tuy-chiên, có thể nêu lên 1 số đê tài nghiên của sau đây :

a) Nghiên-cứu về 1 tổ chức GS :

Ví dụ : Nghiên của về tổ chức và hệ thống lãnh đạo của Đảng Công-Sản Việt-Nam, phải phân làm các phần chính gồm có :

- Lịch sử quá trình thành lập Đảng (từ năm thành đến 1970)
- Hoạt-động của Đảng qua từng giai đoạn của thời cuộc (từ đêc, sang hơai, thời kỳ kháng Pháp, thời kỳ cướp chính quyền 1945. Thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp (1945-54). Thời- kỳ hiện nay.
- (1954 - 1970).
- Tổ-chức của Đảng : Bộ dân Đảng, bộ quân-sự, bộ chính-quyền.
- Sự liên-hệ giữa Đảng Bộ Miền Bắc (TƯ Đảng) với Đảng Bộ Miền Nam (TR.Đ.Đ). Sự liên-hệ giữa TR.Đ.Đ và KHU-VÙNG-ĐƠN-VỊ/ĐƠN-VỊ.
- Vai trò của Đảng trong việc đêa-khởi đêa-lập đêa-quyền, quân-đội, lãnh-thao, các hiệp hội, đôn-thao, tổ-chức quần-chúng nhân-dân.
- Phần tin-tật lịch-tình và phân-bản, giải thích-số các cơ-sở đêc đứng cốt của Đảng từ trước tới nay. Sự liên-hệ đêc ngoài với đêc đêc Công-Sản Quốc-Te.

b) Nghiên-cứu về chiến-lược CS :

Phải chia làm nhiều phần, gồm có :

- Chiến-lược quân-sự của Đảng.
- Sách-lược chiến-tranh nhân-dân của Đảng.
- Quan-niệm về chiến-lược và chiến-thuật của Đảng.
- Những tư-tưởng chỉ-dạo tác-chiến của Đảng.
- Những phương-châm, hình thái, quy luật, chiến-thuật, chiến lược quân-sự đã được áp-dụng trong 2 cuộc kháng Pháp trước đây và cuộc xâm-lăng MN.VN hiện nay.
- Chiến-thuật trong TCK - TKN hiện nay .v.v...

c) Nghiên-cứu về chiến-thuật CS :

- Các hình-thức chiến-thuật của du-kích chiến, trận địa chiến và vận-dộng chiến của CS (qua từng giai-đoạn của sách-lược chiến-tranh nhân-dân).
- Chi-tiết về từng hình-thức chiến-thuật như phục-kích, tập-kích công-kiên, bao vây vu hồi, thọc sâu chia cắt, nhất điểm lưỡng diện, nở hoa.
- Kỹ-thuật chiến-đấu đặc-công, đảo-công thành-phố, đặc-công nước (công-binh thủy) .v.v...
- Kỹ chiến-thuật tác-chiến trong thành-phố.

d) Nghiên-cứu về tổ-chức hậu-cần CS :

- Quan-niệm về tổ-chức căn cứ địa của chiến-tranh du-kích.
- Tổ-chức căn-cứ địa thành khu-vực hậu-cần.
- Các Đoàn hậu-cần, tổ-chức, hoạt-dộng và khu-vực phụ-trách.
- Tổ-chức dân-công, thanh-niên xung-phong, hội-đồng cung-cấp tiền-tuyên.
- Hệ-thống của khâu, móc, bến, trạm, đường xá, kho tàng và phương tiện vận-chuyển của CS hiện nay.
- Khả-năng tiếp-vận và tình-trạng thu mua lương-thực, vận-tải hàng (vũ-khí) của các Đoàn hậu-cần CS tại MNVN.

Nếu nói đến tổ-chức hậu-cần BV, phải đề-cập đến một tổ-chức lớn lao tiếp-vận người và vũ-khí vào Nam, đó là Đoàn 559 Vận-Tải của Tổng-Cục Hậu-Cần Tiên-Phương của BV, có cả một hệ-thống đường-xá lớn lao, có hàng ngàn xe vận-tải, hàng chục tiểu-đoan công-binh, cơ-giới, phòng-không bảo-vệ... đưa hàng chục ngàn cán-binh và hàng ngàn tấn vũ-khí đạn dược mỗi tháng tiếp-vận cho chiến-trường Miền Nam.

I

I I

Các đề-tài trên thật dồi dào, xúc-tích, đòi hỏi phải có được một số tài-liệu lớn lao, đầy đủ, giá-trị cao .v.v... Công-tác nghiên cứu đòi hỏi phải có thời-gian, khả-năng và nhiều yếu-tố khác. Vì vậy, công-tác nghiên-cứu thường chỉ có ở cấp bộ Vùng hoặc Trung-Ương mới có đủ tài-liệu xúc-tích để nghiên-cứu về một vấn đề nào đó.

.../-

54/- Lối văn của bản nghiên-cứu :

Không giống như bất cứ 1 hình thức bản tin nào khác đã đề cập ở phần trên, bởi vì một phân phái tôn trọng "sự trung thực với tài-liệu" vừa phải trình bày thật mạch lạc, khác hẳn với lối trình bày lộn xộn, lung tung thường thấy trong bất cứ 1 tài-liệu nào của CS. Mặc khác, nếu chỉ căn cứ vào 1 tài-liệu của CS, dù đầy đủ đến đâu cũng không thể thỏa mãn được cho nội dung 1 bản nghiên cứu. Vì vậy phải tổng hợp đúc kết, ghép nối và viết lại lối văn của tài-liệu (không sai ý tài-liệu) do đó, khi viết bài nghiên cứu, ngoài khả năng và kiến thức chuyên môn, người viết cần phải vừa có óc phân tích vừa có óc tổng hợp.

55/- Ưu khuyết điểm của 1 bản nghiên-cứu :a) Ưu-điểm :

Tin-tức rất dồi dào, mạch lạc, thích thú, có thể trình bày đầy đủ về một đề tài nào đó của CS; giúp cho người đọc có 1 ý niệm và kiến thức tổng quát về 1 vấn đề của CS.

b) Khuyết điểm :

Trước hết là rất khó có được đầy đủ tài liệu CS liên quan đến đề tài muốn trình bày, hoặc nếu có thì lại không có đầy đủ chi tiết như ý muốn.

Để theo chủ quan, thì người viết cần rất nhiều kiên nhẫn, cố gắng kinh nghiệm và kiến thức về tài-liệu CS, thêm vào đó phải có khả năng viết văn, bút pháp linh động để không nhầm chán người đọc, vì 1 bản nghiên cứu thường dài, có khi tới năm bảy chục trang. Nhiều đề tài cần đến sơ đồ, hình vẽ, đồ bản... rất khó thực hiện.

VI.- PHƯƠNG PHÁP KHÁM PHÁ TÀI-LIỆU GIẢ.61/- Những tiêu chuẩn căn bản :611) Gần-cứ hình thức trình bày :

Một đặc điểm của tài-liệu CS là lối trình bày vô trật tự, nhất là các tài liệu viết tay. Các tiết mục hầu như không có, chữ viết thì câu thả, vội vã, khó đọc và ghi chép lung tung.

Loại tài-liệu in, đánh máy, tuy có phân chia tiết mục, nhưng lại nặng phần nội dung hơn là bố cục văn chương ít xử dụng các tiết mục nhỏ. Đây cũng là 1 trong những đặc điểm của tài liệu CS.

Loại tài liệu giả thường là loại tài liệu đánh máy, sau đến loại viết tay. Loại in hầu như không thấy có.

Đặc biệt loại tài liệu viết tay thường có những hình thức đặc thù như chữ viết tắt, ký hiệu, hình vẽ v.v... Đây cũng là 1 chỉ tiết giúp nhận chân giả của tài-liệu.

Tuy nhiên, những tiêu chuẩn căn bản, phải để ý đến chỉ tiết trình bày trên tài-liệu gồm có :

.../-

- Tiêu-đề, số hiệu.
- Nhóm chữ ký, con dấu.
- Cách đề ngày tháng.
- Cách phân chia tiết mục.

612) Căn-cứ nội-dung tài-liệu :

a. Lối văn trình-bày :

Tài-liệu CS có một lối văn "rất đặc-biệt" khó có thể bắt chước được. Biện "rất đặc-biệt" này cũng không thể diễn-tả ra hết được. Nên cần có một kiến-thức và kinh-nghiệm về tài-liệu CS sẽ nhận ra ngay.

b. Chữ dùng và kiểu nói :

Một tài-liệu CS thường có những danh-từ và kiểu nói rất đặc biệt. Ví-dụ :

- Danh-từ thông thường :

Tranh-thủ, trước mắt, đấm-tranh, 3 mũi giáp-công, 2 chân 3 mũi, nghi-quyết, chính-tuan, hộ-ly, thu dụng, hậu-dần, anh mối, cải-thiên (kiến tương-thực), hủi-khuyh tiêu-cực, giao-dộng, đao rã ngũ, rệu rã, thưng vong, tử - sĩ, hy - sinh .v.v....

- Danh-từ quân-sự :

Phương-án tác-chiến, chỉ-tiên, phi pháo, mũi, thê đội (cánh quân), cẳng địch, co lại, đánh lén, chốt, cụm, thân sấm, con ma (để gọi các loại phi-cơ Thunderchief và Phantom) càn gáo, con ruồi, nòng nọc (3 loại trụt thẳng), đầm già (loại trính-sát), chi viên, vu hồi, thọc sâu chia cắt, tiến vào tang thêm, tổ đặc-công, bốt phá liên-tục, tổ thưng van, tổ đao nhọn, thông-tin (truyền-tin), thông-tin chạy bộ, giao bưu-vận, hành-lang, đường giây .v.v....

- Danh-từ về vũ-khí :

Hỏa pháo, mìn xóc, hóa-học (phân lửa), DK, pháo, rã tranh, cực nhanh (tiểu-liên M16), F tay (trung-liên ca-nhan), thưng-liên .v.v....

- Danh-từ và kiểu nói tuyên-truyền :

Những danh-từ như : Cả nước, Mỹ nguy, bão lửa (pháo-kích), tung tán-công và nổi dậy (TCK và TKN).

Những kiểu nói như : Xông lên, xóc tới, đập lên đầu thù, quyết-tử để tổ-quốc quyết sinh, anh-hung, dũng-sĩ, cách-mạng, nhân-dân, thành đồng, 5 xây 5 chống, h tốt .v.v....

c. Nội-dung tài-liệu :

Phần này phản ảnh kế-boạch (chiến-lược hoặc chiến-thuật, tổ chức, hoạt-dộng .v.v....) của CS nên muốn biết giả thật, cần phải có vốn kiến-thức về tài-liệu CS trước. Để có thể minh chứng những điểm phù hợp, mâu-thuận giúp phát-giác một tài-liệu mạo tạo.

613) Căn-cứ những biện-pháp mà CS không bao giờ dùng trong tài-liệu :

- Báo-cáo những tổn-thất lớn của chúng.
  - Diễn-tả sự thất-bại, kếm cỏi tinh-thần và khả-năng tác-chiến.
  - Bất tuân kỷ-luật Đảng, nói xấu cấp trên.
  - Dùng các danh-tử chuyên biệt của ta quen dùng.
  - Khen và đề cao QLVNCH và Đổng-Minh.
  - Phóng đại các thành-công của ta.
- .v.v...

614) Căn-cứ trường-hợp tích-thu :

Rất hệ-trọng, do cơ-quan ban chuyên giao hoặc do MBV, hồi-chánh, tù-binh hay tích-thu tại chiến-trường. Căn-cứ vào đó giúp nhận định chân giá.

62/- Những tiêu-chuẩn phụ thuộc khác :

Gồm có sự phối-kiểm tin-tức, thăm-vấn tù-binh hồi-chánh, đối-chiếu nội-dung tin-tức tài-liệu. Nếu có thể cho kiểm chứng kỹ-thuật bằng máy tử ngoại tuyến (Ultra Violet) hoặc hồng ngoại tuyến (Infrared).

I

I I

## P H ã N T H Ứ T Ứ

## P H ầ N H ướ N G D ẫ N T H ứ C H ằ N H K H A I - T H Ắ C T ÀI - L IỆ U

L

A/- LOẠI TÀI-LIỆU ĐÁNH MÁY.

Đa số các thư từ liên lạc của CSMN đều được đánh máy. Nhất là các tài liệu về huấn luyện quân-sự và chính-trị thường được đánh máy nhiều hơn là viết tay. Tài-liệu đánh máy gồm có :

1) Công-văn, chỉ-thị, quyết-định, mệnh-lệnh :

Các loại tài-liệu này, dùng để chỉ thị và ra lệnh cho các cấp trực thuộc thi hành các công tác về quân-sự và chính-trị, mà không phải là loại tài-liệu có tính cách chiến thuật cấp thời. Loại này có thể phân biệt một cách rõ ràng bằng cả hình thức lẫn nội dung, nhất là các tựa đề và đề mục ghi trên tài-liệu.

2) Thông-cáo, kế-hoạch hoạt-động :

Thông-cáo là những tài-liệu chứa đựng các tin tức cần thiết được gửi xuống cho các cấp trực thuộc để thông suốt, và kế-hoạch hoạt-động được phổ biến cho các bộ phận liên-hệ trước khi hành-động, tài-liệu loại này cũng được phân biệt một cách rõ ràng tùy theo đặc tính và nội-dung của nó, nhất là căn cứ vào tiêu-đề và đề-mục ghi trên tài-liệu.

3) Tài-liệu huấn-luyện :

Loại này có nội-dung và hình thức tương tự như một quyển sách hoặc tài-liệu tham-khảo liên quan đến các vấn đề huấn luyện.

CHỈ DẪN THỰC HÀNH

(xem trang sau)

.../-

Phụ lục  
326  
7-1-65

1  
Số VI 204 /L32

2  
Những số liệu cần thiết và tổng hợp chiến sự 4 tháng 8, 9, 10/65 Khu 5

Sau đây là những số liệu cần thiết, phung sát lên tổng hợp tình hình chiến sự trong Khu ta giúp các đơn vị tiếp tục theo dõi.

**I- PHẠM VI,**

1- Lực lượng cơ động quân sự (cuối 10/65)

+ Lực lượng tổng dự bị quân sự  
Thủy quân lục chiến 5D : D1 ở Thủ Mỹ, D2 Quảng Ngãi, D3 Sài Gòn, D4 Phú Mỹ, D5 Bình Định.  
Quân dù 6D : D1 ở Kontum, D2 (chưa rõ), D3 Quảng Sơn, D4 (chưa rõ), D5 Kontum, D6 Quảng Sơn, D7 Kontum, D8 Sài Gòn.

+ Lực lượng quân ở Quân đoàn 1 : (Hậu sự Huệ An tên thiếu tướng Nguyễn-chánh-thị : quân đoàn trưởng).

3 Sư đoàn 1 : hậu cứ mang cá gồm :  
E1 : hậu cứ Lữ Đoàn (D1 : thị xã Quảng Trị - 30 : Quảng Trị, D2 Ba-Lưu, D4 Phú Bài.  
E2 : hậu cứ Đông Hà (D1 Đông Hà, D2 La Bào, D3 Gielich...)  
E3 : hậu cứ An Lộ (D1 Rời ác, D2 Thuận an, D3 An Lộ, D4 Phú Hộ).

Sư đoàn 2 : hậu cứ Quảng Ngãi gồm :  
E4 : hậu cứ Quảng Ngãi (D1 Dục Mỹ, D2 Quảng Ngãi, D3 Tây Quảng - Ngãi...)  
E5 : Tuân đống gồm : (D1 Tam Kỳ, D2 Việt an, Tướng binh, D3 Bình Sơn...)  
E6 : hậu cứ Tam Kỳ (D1 Tam Kỳ, D2 Tiên Phước, D3 Tam Kỳ, D4 Tam Kỳ)

Biệt động quân : E7 biệt lập hậu cứ Hồi an, D1 Diên Hòa, D2 Gia Hòa - Nông Sơn, D3 Diên Hòa, D4 Trà Kiệu, D5 Trà Kiệu, D6 Trà Kiệu, D7 Trà Kiệu.

+ Lực lượng quân ở Quân đoàn 2 : Hậu cứ Nha Trang do tên thiếu tướng Vĩnh-Lực quân đoàn trưởng.

Sư đoàn 22 : hậu cứ ở Phú Cát gồm :  
E40 : hậu cứ ở Chèo Reo (D1 Chèo Reo, D2 Chèo Reo, D3 Chèo Reo, D4 Chèo Reo.  
E41 : hậu cứ Đông Sơn (D1 Đông Sơn, D2 Đông Sơn (Đông Sơn), D3 Đông Sơn (Đông Sơn) D4 Tây Phú Cát.  
E42 : hậu cứ Tây Sơn (Kontum) gồm :  
D1 Tây Sơn, D2 Tây Sơn, D3 Tây Sơn, D4 Tây Sơn, D5 Tây Sơn, D6 Tây Sơn, D7 Tây Sơn, D8 Tây Sơn, D9 Tây Sơn, D10 Tây Sơn.

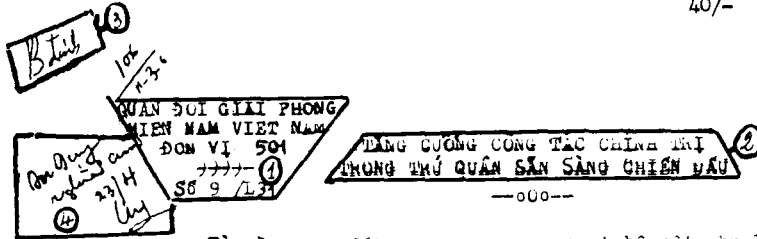
1) Loại công-văn, chỉ-thị, quyết-định, mệnh-lệnh :

a/ Công-văn : Là loại tài-liệu thường được in roneo để phân phối rộng rãi hơn là đánh máy. Đặc biệt thông dụng tại QK5.VC kể từ giữa năm 1965.

Loại này được phân biệt dễ dàng, căn cứ vào tiêu đề, đề mục, từ-ngữ, và chữ dùng trong tài-liệu.

Sau đây là hình thức một bản công-văn do Thường-vụ/QK5 phổ biến, gồm có :

1. Tiêu-đề (Đơn vị 501 tức BTL/QK5 được ghi ở góc trái tài-liệu).
2. Đề-mục (những số liệu cần-thiết và tổng hợp chiến sự 4 tháng cuối năm 1965 của QK5).
3. Mật-danh (D : Tiểu-đoàn, E : TRĐ, F : SD).
4. Đơn-vị nhận (Tài-liệu gửi cho tỉnh Bình-Định).
5. Địa danh (nơi hoạt-động của các đơn vị).



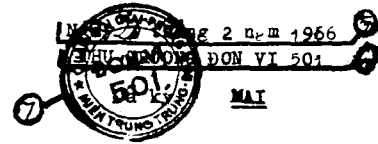
Từ đầu năm 1965 đến nay, các đơn vị bộ đội chủ lực cùng như các phương đều có sự tiến bộ, bước đầu về quân sự chiến đấu. Nhiều đơn vị ưu lương tốt, chỉ huy linh hoạt, nên đã tiêu diệt được nhiều địch, bao gồm được ta khi chúng cần vượt như ở Minh Huy, Lạc Sơn... và đã đánh bại tiêu hao năng lực quân sự trong các trận đánh vượt ở Vạn Tường, Cát Sơn, Thủy Bình... Đáng kể nhất là trận chống càn của đơn vị Quang Dũng ở Bắc Bình Sơn, đã giết 78 Mỹ thu được vũ khí.

Còn nhiều điểm yếu :

- Ý thức quân sự chiến đấu kém, còn tùy tiện chủ quan, không chấp hành đúng quy định trừ quân, chưa quan trọng tiêu diệt địch khi chúng thoát lý công sự ai cần vượt. Có đơn vị đã mất cảnh giác nghiêm trọng, địch đến không đánh được mà còn xảy ra tổn thất, tác hại đến cả nhân dân.
- Phương án tác chiến chống càn tự chế không được Đảng ủy, chỉ huy thông qua, hoặc thông qua nhưng bản không được duyệt tâm không duyệt chiến đấu không rõ ràng, không tập trung được ưu thế ngoại cỡ. Âm mưu cần vượt đánh phá hậu phương lực lượng ta của chúng rất thâm độc, nhưng chúng đang bóc lột nhiều nhược điểm phát là sự bạc nhược về tinh thần, lực chịu đựng trong mưa nắng của quân chúng rất kém. Về ta, tuy ta đã có một số kinh nghiệm, song sẽ với yêu cầu "vượt qua địch để giành thắng lợi" thì đang còn có một số mặt yếu. Do đó yêu cầu Đảng bộ các cấp và công tác chính trị phải tích cực và đi sâu lãnh đạo. Phải nắm chắc là phải có ưu lương của chỉ huy và Đảng ủy, tại đây chốt công tác chính trị tư tưởng, xây dựng chế độ đời sống cho đồng chí tích cực và vượt tâm tiêu diệt địch khi chúng cần vượt - Công tác tổ chức chỉ huy phải chặt chẽ, phải huấn luyện và diễn tập nhiều lần, thường xuyên kiểm tra bổ sung lương an - Hệ cơ sở địch đến là danh, danh là, thng gọn, không tiêu diệt được lớn cùng tiêu diệt được bộ phận nhỏ, bắt sống được tù binh, thu được vũ khí khi mà ta ít tổn thất nhất.

Có kinh nghiệm và ý kiến gì đề nghị cáo đảng chỉ để đạt về Đơn-vị 501./.

-276-  
XI ĐEM



- b/ Chỉ thị : Trên là tài-liệu liên quan đến vấn đề bổ sung cho các mặt công-tác chính-trị hoặc ra lệnh cho các đơn vị VC sẵn sàng chiến đấu khi đóng quân dã trại. Mẫu chỉ thị gồm có :
1. Tiêu đề (Quân đội GPMNVN-Đơn vị 501).
  2. Đề-mục (tăng cường công-tác chính-trị trong 3 thứ quân sẵn sàng chiến đấu).
  3. Đơn-vị nhận (Tỉnh Bình-Định).
  4. Ghi chú của đơn-vị nhận.
  5. Ngày phổ biến chỉ thị.
  6. Chữ ký (của giới chức soạn thảo).
  7. Con dấu (màu đỏ ghi : Đơn-vị 501-QĐGP Miền Trung Trung-Bộ).
  8. Số phụ bản phổ biến và tên người đánh máy.

TRIM-HAI  
Số: 05/QH. ①

TRIM-HAI ②

- Xét tình hình dân lý và dân số 2 xã Tam-quan và Đức-hữu Huyện Hoài-nhơn, phân chia chưa thật hợp lý.

- Xét yêu cầu và nguyên vọng của đông đảo 2 xã đòi tên xã Đức hữu do dịch đất trong thời kỳ bị tàn chiếm.

Xét đề nghị của Ủy-ban Mặt-tran Ban tác giải-fóng Huyện Hoài-nhơn ③

RA Q U Y N H I - N G H I

Điều 1: - Ngày đổi tên 2 xã Tam-quan và Đức hữu như sau: ④

- Xã Tam-quan nay gọi là TAM-QUAN-BẮC
- Xã Đức hữu nay gọi là xã TAM-QUAN-NAM.

Điều 2: - Địa giới của 2 xã nói trên nay phân chia lại như sau:

- Xã Tam-quan-Bắc gồm các thôn: Trưng-uyên, Phấn-chánh, Tân-thạnh, Cánh-thành, Mỹ-lộc và An-trái với tổng số 18.000 dân.
- Xã Tam-quan-Nam gồm các thôn: Cửu-lợi-Đông, Cửu-lợi-Tây, Trung-hóa, và Tăng Long với khoảng 11.000 dân.

Điều 3: - Thăm-bà, Trại-cứ, và Huyện Hoài-nhơn chiểu quyết-ngải thi hành.

Ngày 22 tháng 11 năm 1965. ⑤

TW/ TRIM-HAI

1.90 330-y 301 F.93.3.92 ⑥  
đề nghị.

NGCC

c/ Quyết-định : Là một loại tài-liệu tương đối ngắn liên qu đến các vấn đề khen thưởng, đề bạt (thăng chức), bổ nhiệm chuyển-chuyển, hoặc sửa đổi phiên hiệu, địa danh, ám số v mẫu quyết-định gồm có :

1. Tiêu-đề (ghi thêm Hai tức phiên hiệu của Tỉnh Bình-Dị)
2. Cơ-quan ra quyết-định (Thăm Hai).
3. Đề mục (Đổi tên gọi của 2 xã và phân định lại ranh gi
4. Xét theo đề nghị (Huyện Hoài-Nhơn, Bình-Dịnh).
5. Ngày ra quyết-định.
6. Chữ ký.
7. Phân phối, nơi nhận.

F-90  
Số: /CV ①

CHI CẠO CỜ VÀ .....

Đã rút sũa bên Mỹ và ngay hôm 1 chiến dịch để bắt đánh ra ven biển  
Đem 11/11cc chiến hạm không nũa hạn ở đông Tam-Quan/45 KM có 6 tuần  
dương hạn và khu trục hạm ở Đông Fu-Mỹ 70KM, có tin/LE TOLC ④ đã  
Nặng đã xuống tay. Các đơn vị biết để để fong doi fò .

Đã đean có thì ở bộ Tam-Quan: Hoai-Nương, Tân-Fung, Đe-Zi, Fu-  
Hậu. Các đơn vị chuẩn bị, tư tưởng cho du kích và bo doi tinh thần  
sẵn sàng diệt Mỹ, kiểm tra lại công sự cho du kích chiến đấu và tăng  
cường bo fong chông, hầm chông, đập lối cao xã dọc theo ven biển, ch  
châu ý những nơi dễ du kiến có thể đổ bộ, bo fong ca fía trước và sa  
sâu vào bên trong khi chúng đổ bộ ken không dám đi lung cướp đất fà .  
Vi Mỹ rất sợ chông, dùng giầy thép gai đóng cọc- bố trí dưới nước n  
những nơi hải thuyền có thể đổ bộ, hầm chông và đập lối ở bãi cát và  
rao xung quanh, để fong dân đứng, bố trí các bờ, mô đất kết hợp du  
kích nổ súng chông chạy xông tới hoặc núp la bí mật thường. To chức  
các to du kích thường trực đêm nay ( nhất là 36én. 4 giờ sáng)  
quan sát tàu ngoài biển và khi chúng đổ bộ, nổ súng chiến đấu và bao đ  
đông kịp thời, cho du kích bo doi ra chiến đấu, dân lân tranh, to  
chức lữđi nũa địch vào các vị trí vào bờ .

Lực lượng và đã kích đây mạnh hoạt động ở 36AJ-56AJ ④ và trực gia  
giao thông 74N-59, 74N-XLR ④ theo kế hoạch. Thường xuyên theo dõi và  
nũa tình hình tàu thủy và fà cơ dot ven biển bao cao về F-90 .

Ngày 15 tháng 11 năm 1965 ⑤



d/ Mệnh lệnh : Thường được gửi thẳng cho các cấp trực thuộc  
để thông báo hoặc ra lệnh để thi hành một công-tác quan  
trọng, mẫu tài-liệu này gồm có các điểm đặc biệt sau :

1. Tiêu-đề (ghi F90 tức BCH Tỉnh đội Bình-Định).
2. Đề-mục (Hoạt-động của chiến Hạm HK ở Tam-Quan).
3. Các đơn-vị được đề cập đến (1 TRĐ TQLC).
4. Mật-danh vùng hoạt-động.
5. Ngày phổ biến mệnh-lệnh.
6. Chữ ký.

Bản nghị trạng các xã, và ngành quá lâu .  
vấn đề H.150 để mới đổi lại như sau :

I. Xã :		II.- Các Ngành :	
Nghị trạng cũ :	Nghị trạng mới :	Tên cũ :	Tên mới :
L.32	Anh 2	H.150	T.10
L.31	Anh 3	Anh-trung	Chiến-thắng
L.30	Anh 4	H.151	T.11
L.29	Anh 5	H.152	T.12
L.28	Anh 6	H.153	T.13
L.27	Anh 7	H.154	T.14
L.26	Anh 8	H.155	T.15
L.25	Anh 9	H.156	T.16
L.24	Anh 10	H.157	T.17
L.23	Anh 11	H.158	T.18
L.22	Anh 12	H.159	T.19
L.21	Anh 13	H.160	T.20
L.20	Anh 14	H.161	T.21
L.19	Anh 15	H.162	T.22
L.18	Anh 16	H.163	T.23
L.17	Anh 17	H.164	T.24
L.16	Anh 18	H.165	T.25
L.15	Anh 19	H.166	T.26

III.- DẤU

Mật  **5** Hóa tốc  Gấp

IV. Chữ thay số **6**

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 00  
K, L, S, T, N, R, D, X, Y, A

Bản nghị trạng này mới được áp dụng trong toàn quận vào ngày 25-2-66  
khẩn được nghiên cứu kỹ và thiêu hủy ngay . Và có gì sửa đổi báo về  
H.150 trước ngày 25-2-66 .

Ngày 18 tháng 2 năm 1966 **8**

Anh - Trung **9**

2) Thông-cáo và kế-hoạch hoạt-dộng :

a/ Thông-cáo : Để thông tin cho các đơn vị cơ-quan biết về một  
vấn đề nào đó, như sửa đổi lại bí số, hòm thư, độ mật, độ  
khẩn v.v... các đặc điểm trong bản thông cáo gồm có :

1. Tiêu-đề.
2. Đề-mục.
3. Bí số mới của xã
4. Bí số mới của cơ-quan, và đơn vị quận.
5. Dấu Miêu để thay thế các độ mật và độ khẩn.
6. Chữ dùng thay số.
7. Ngày áp dụng.
8. Ngày phổ biến bản thông cáo.
9. Cơ-quan soạn thảo.

1- Các đơn vị cũng phải quy định phải chếm lịch xem vị trí tập kết chiến đấu. Phải tổ chức ngay vị trí quan sát, tiến hành quan sát đêm đêm và thông tin báo cáo với Hưng Đạo. ④

2- Các đơn vị vào khu vực của đơn vị nào thì đơn vị đó sẽ cùng chiến đấu hết sức. Lịch dự báo khoảng 1d vào H1 này H2 hoặc H3. ⑤ Đồng thời phải báo cáo tiêu diệt gọn địch. Thường, hợp nếu ngày chưa báo đảm tiêu diệt hết thì đơn vị phải tiếp tục tập kích. ⑥

Địch ở bên kia bờ chi địch xuống hết mỗi đêm, xuống khoảng 40 trục thúng là lúc lượng không 1d thì bắt đầu nổ súng diệt địch. Trường hợp địch xuống chưa hết có những bộ phận theo vào trên địa ta, gặp bộ phận nào thì bộ phận đó nổ súng.

Các loại vũ khí phòng không và cối không được nổ súng trước, chỉ được nổ súng khi bố binh nổ súng xuất kích địch.

Các loại súng máy phải báo đảm cả địch trên không và mặt đất, súng cối bắn vào các bộ phận địch bố binh chưa xuất kích tới.

Khoảng 10 cũng cơ động lên cao điểm 74 (7092), bích cao điểm 77 (74... ⑥ chỉ huy lực lượng của Hưng Đạo chuyên qua cầu thủy số của H1.

Cối và 12ly 7 của Hưng Đạo cơ động theo H1.

10/- Biet kích đồng trẻ - quân phục theo lên khu vực H1, H2 phải chú ý vây kín diệt gọn địch. Nếu theo lên khu vực của H3, H4 phải tổ chức vây kín diệt gọn.

11/- Cối và 12ly 7 của Hưng Đạo do Hưng Đạo chỉ huy, nhưng khi tác chiến trong phạm vi của các đơn vị các H chỉ huy phối hợp chiến đấu tại ④.

12/- H1 phải chuẩn bị tập kích địch ở trên cái tao, ở Trung Trinh, ở Hòa Lũp. H2 phải chuẩn bị tập kích địch ở trên đường số 6, Hòa Lộc và Hòa Lũp.

H3 phải chuẩn bị tập kích hòa Chùa gần chợ mới.  
H2 và H4 phải chuẩn bị tập kích chợ mới do Hưng Đạo chỉ huy.  
H3 chuẩn bị đánh theo hướng bắc và tây bắc xuống.  
H2 chuẩn bị đánh theo hướng nam và tây nam lên.

13/- Kết thúc hiệu ghi chú ③ để cơ quy định riêng. /.

Ngày tháng 6 năm 1950 ⑩

TRAM MUI THUC QUANG HUNG DAO ③



- b/ Kế-hoạch hành-quân : Là một tài-liệu soạn thảo tỉ mỉ từng chi tiết trước khi mở một đợt hoạt-dộng về quân sự, như tấn-công pháo-kích, hiệp đồng tác-chiến, tài-liệu gồm có :
1. Tiêu-đề (ghi Hưng-Đạo tức TR918B).
  2. Đề mục (kế-hoạch hiệp đồng).
  3. Độ mật (tối mật).
  4. Nội-dung
  5. Phân chia nhiệm vụ.
  6. Khu vực phối hợp.
  7. Vũ-khí sử dụng
  8. Vị-trí đặt BCH/TRĐ.
  9. Chỉ huy và truyền tin.
  10. Ngày soạn thảo kế hoạch.
  11. Chức vụ.
  12. Chữ ký.

.../-

U H I E N - D A U C O N G - X I E N

KP+20B

07.521

Số : /86

M ư ớ I

NHIỆM-VU CỦA CHIẾN-SĨ  
TRONG CHIẾN-DẤU CÔNG-XIÊN

A.- NHIỆM-VU :

Trong chiến-dấu công-kiến, chiến-sĩ hành-dộng trong  
đôi-hình của tiêu-dội, trung-dội, thường phải làm những nhiệm-vụ  
trong tổ hỏa-lựu, đt-kích, bộc-pha v.v... để tiêu-diệt địch  
trong cu-diêm, cumj cu-diêm.

B.- YÊU-CẦU :

Chiến-sĩ phải nêu cao tinh-thần tấn-công kiên - quyết,  
đúng-cam tiêu-diệt địch, mưu-tri, linh-hoạt, biết su-aung trang-

3) Loại tài-liệu huấn luyện :

- Huấn luyện chuyên môn : Đạc-công, Pháo, Công-binh, ...
- Huấn luyện chiến thuật : chiến thuật cá nhân tác chiến,  
đại-dội, tiểu-đoàn.v.v...
- Huấn luyện về lãnh đạo đơn vị : chức trách CTW, tổ-chức  
Hậu-Đàn các đơn vị, tổ chức pháo...
- Chính huấn : xây dựng chi bộ, sinh hoạt Đảng, vai trò  
Đảng viên, chi ủy viên, bí thư trong đơn vị. v.v...

Về hình thức tài-liệu huấn luyện gồm có :

1. Tiêu-đề (ghi 0521 tức Cục TM/ri)
2. Đề mục (Huấn luyện cá nhân trong chiến thuật công-kiến)
3. Độ mật (tối mật).
4. Nội dung.

Loại này dễ khai-thác, vì CS không quy trang bằng hệ-thống  
bí số, hòm thư v.v...

.../-

B/- LOẠI TÀI-LIỆU VIẾT TAY.

Loại này rất phổ biến. Số lượng tài-liệu viết tay có thể chiếm tới 70% trong mỗi cuộc hành quân ta tịch thu được. Thường thường gồm có thư từ công vụ và cá nhân, sổ tay, nhật-ký, sổ trực ban, sổ sách tài-chánh, quân-y, hậu-cần v.v... Về Đảng, có các biên bản cuộc họp, quyết tâm thư (trước khi chiến đấu) lý lịch cá nhân v.v... Về quân sự có báo cáo sau trận đánh, kế-hoạch và mệnh lệnh hành quân, sơ đồ điều nghiên tấn công, phục kích v.v... Nguồn-tin tài-liệu viết tay rất phong-phú, nhất là các sổ tay cá nhân và giấy tờ công-vụ. Loại quyết tâm thư có thể khai-thác tin tức cấp thời về chiến-thuật. Nội dung mỗi loại gồm có :

1) Báo cáo và sơ đồ :

Trong một vài trường hợp các báo cáo này chỉ là một tờ giấy nháp (thảo).

Sơ đồ thường được dùng để đính kèm vào bản báo cáo trước hoặc sau trận đánh. Khai-thác loại tài-liệu này thường được những tin tốt về chiến thuật như kế-hoạch tấn công, vị trí pháo cối, hướng tiến quân và rút lui, nhất là diễn tiến của trận đánh. Đối với tài-liệu này cần tới kiến thức về ước hiệu quân sự của CS.

2) Sổ tay và nhật ký :

Hầu như mỗi cán binh CS đều có một quyển sổ nhỏ để ghi lại những điều cần nhớ như ghi chép học tập, chính huấn các bài học huấn luyện và ghi chép linh tinh. Khai thác loại này được biết các tin tức về quân sự, chính-trị, các chính sách và đường lối của Công-sân, yêu tố trận liệt, quân số, vũ khí, tình hình, khả năng và hoạt-động của đơn vị CS.

3) Thư từ :

Gồm 2 loại : Cá nhân và công vụ. Thư từ cá nhân còn phân biệt xuất xứ : tại địa phương Miền Nam và từ Bắc gửi vào.

- Loại cá nhân, thường khai-thác được ít tin-tức tình báo, lý do trước khi gửi đều bị kiểm duyệt, ngăn chặn. Ngoại trừ một vài tiết lộ về trận liệt như bí số, hộp thư, mật danh v.v... Thư từ ở Miền Bắc gửi vào đôi khi khai-thác được tin-tức về Miền Bắc.

- Loại công-vụ, thường có giá trị tình báo hơn, vì do bọn cán bộ viết cho nhau. Nhiều khi, ta chặn bắt được bọn giao liên (đang trên đường đi chuyên) nên có những trường hợp thu công-tác rất có giá trị. Khai-thác loại này, được những chi tiết như chuyên-quan, kế hoạch hoạt-động, ý định tấn công, tình trạng khuyết-nhược điểm về tinh thần và khả năng tác chiến .v.v... tổ chức đơn vị, nơi trú đóng quân, vùng hoạt-động của chúng .v.v...

Tóm lại, không nên coi thường loại thư từ của Cộng-quân, nhất là loại thư công vụ.

- Cách gửi thư của CS rất đặc biệt luôn luôn có 2 bì thư, bì thư ngoài, để trạm giao liên, bí số trạm và đường giây, bì thư trong để nơi nhận thực sự và có những bí số mật danh (của nơi nhận) khác với bì thư ngoài. Bì thư cũng rất đặc biệt, bất cứ một thứ giấy tờ gì cũng có thể dùng được để làm bì thư : tờ báo cũ, bao thuốc lá, giấy gói đồ, bao trà.v.v... Cỡ thường nhỏ, để "gọn, nhẹ" để đi chuyên.

- Ích lợi của loại tài-liệu này rất đáng kể, khi khai-thác cần đối chiếu bí số, hòm thư mới hiểu ích.

#### 4) Loại lý lịch cá nhân (Đảng, Đoàn) :

Khai-thác loại này chỉ cần chú ý mục đơn vị và hoạt-động (thành tích) cá nhân, giúp yếu tố trận liệt

Tiểu đoàn  
① 50 \*

48/-  
Tổng kết thành tích  
Đội Đua Năm 1965 ②

ĐẶC ĐIỂM

\* Điểm đặc biệt ① của tiểu đoàn theo  
 yêu cầu nhiệm vụ của năm trước. Phải  
 phấn đấu tăng cường tay lớp chiến đấu với  
 lòng dũng cảm, mưu trí, sẵn sàng hy sinh vì  
 Tổ quốc. Trung đội diệt ác ôn, loại bỏ  
 hết hàng tá ma quỷ quân địch có kẻ  
 tay ② & ③ chiến đấu. Những kẻ thù  
 của năm 1965 thuộc địa phương  
 của binh lính và nhiệm vụ mới, đặc biệt  
 làm tốt ở đường và tại chiến trường  
 đó các đơn vị - lực lượng phải đánh  
 diệt hết kẻ thù & diệt gọn hàng tá  
 kẻ thù cho ta ma quỷ quân địch  
 trong tay. Nhiệm vụ tuy có khó khăn  
 nhưng cán bộ và chiến sĩ Tiểu Đ  
 luôn luôn - không lùi bước, cố gắng  
 hoàn thành. Nhất là cán bộ Tiểu Đ  
 đã nêu gương, sẵn sàng hy sinh vì  
 bình yên.

Ngày 19-1-65 - Tiểu Đ  
 Hoàn thành nhiệm vụ diệt gọn hàng tá kẻ thù.

HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC MỘT BÁO CÁO.

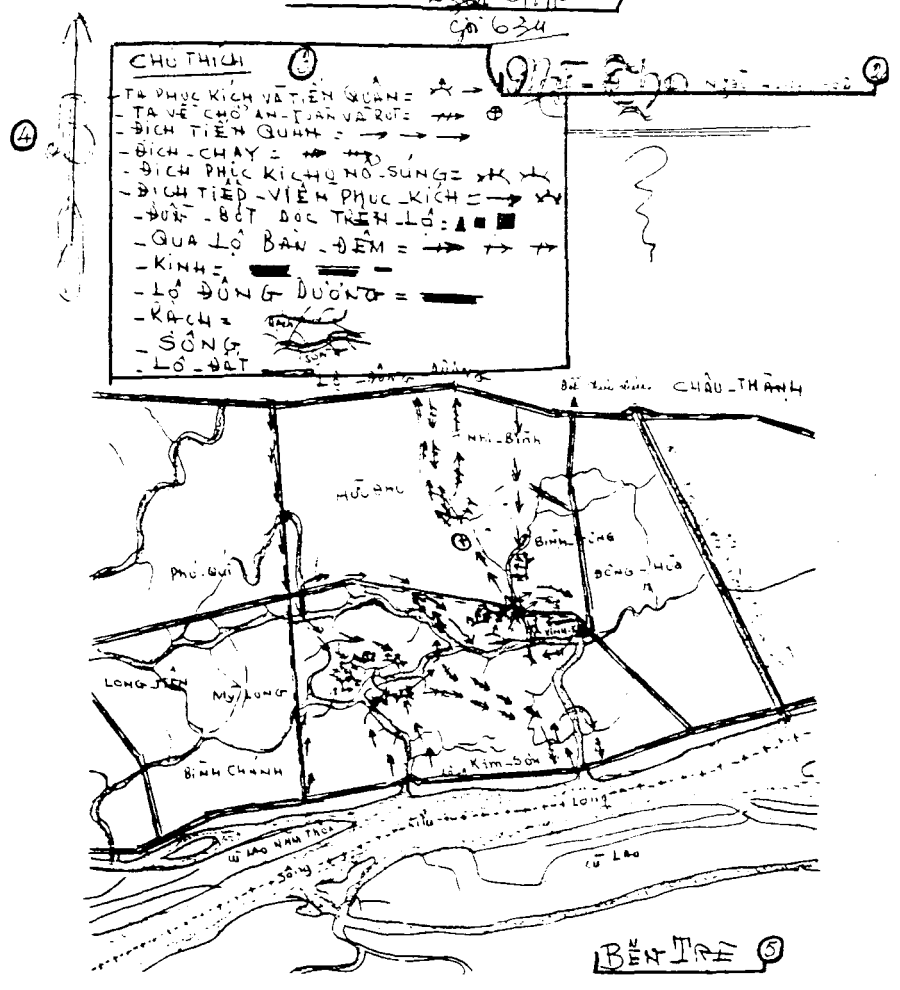
Ví dụ : Báo cáo trên đây của Tiểu-đoàn 50 thuộc  
 Tỉnh đội Bình-Định về "Tổng kết thành tích thi đua  
 năm 1965"

Nội dung khai-thác.

1. Nội dung.
2. Nhan đề.
3. Chức năng đơn vị.
4. Thành tích đầu tiên của đơn vị.

.../-

2 năm 2, Vĩnh Kim  
 Phú Phong ①  
 Ngày 24/9/62  
 Cột 634



HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC 1 SƠ-ĐỒ.

1. Xuất-xứ tài-liệu và nơi gởi.
2. Ngày tháng (thường không ghi)
3. Ước hiệu quân sự dùng trong sơ đồ.
4. Mũi tên chỉ hướng Bắc.
5. Ghi lãnh thổ ở hướng Nam.

o. Nội dung :

Đây là sơ đồ trận đánh 2 trận Vĩnh-Kim và Phù-Phong (Mý-Tho) ngày 24/9/1962.

Điểm đặc biệt là sơ đồ này ghi chú ngay các ước hiệu quân sự dùng trong sơ đồ, thường các sơ đồ khác không ghi. Đây là một trong những sơ đồ rõ rệt nhất. Khai-thác biết được diễn tiến trận đánh, lộ trình tiến quân, rút lui. Hướng nào đánh cấp bộ nào .v.v...

Thường trên các tài-liệu chính có ghi bằng màu : của chúng màu đỏ. và ta màu xanh



1

Tên Trung  
 Từ đây bắt đầu nghiên cứu kỹ thuật đánh...  
 - đánh theo hướng, đánh từ trên xuống...  
 (theo hướng)

Ngày 20 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 21 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 22 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 23 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 24 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 25 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 26 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 27 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 28 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 29 tháng 7 năm 1965.  
 Ngày 30 tháng 7 năm 1965.

2

Pleiku  
 7-2-65.  
 (Trên địa điểm của sân bay)

3

Một số vấn đề nghiên cứu về...  
 - khi đi vào địa điểm...  
 - phương pháp...  
 - đánh theo hướng...  
 - có thể...  
 4

Một số vấn đề nghiên cứu về...  
 - khi đi vào địa điểm...  
 - phương pháp...  
 - đánh theo hướng...  
 - có thể...  
 5

Một số vấn đề nghiên cứu về...  
 - khi đi vào địa điểm...  
 - phương pháp...  
 - đánh theo hướng...  
 - có thể...

HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC 1 TRANG SỔ TAY.

1. Tên của cuốn sổ tay.
- 1<sup>b</sup> Nội dung học tập kinh nghiệm của các trận đánh, Bagia, Việt-An, An-Lão (hồi 1965).
2. Riêng về trận đột nhập sân bay Pleiku (7-2-1965).
3. Tình hình "dịch" (ta).
4. Tình hình "ta" (CS).

Quan trọng nhất là nội dung số 4, theo đó, khai-thác để biết được kế-hoạch, lộ trình tiến quân, và rút ưu khuyết điểm của trận đánh.

trang!

1972  
G... 10/5/1972

- I. ...
- II. ...
- III. ...
- IV. ...
- V. ...
- VI. ...

Phần I.

...  
 ...  
 ...

Chi ...  
 ...  
 ...

Còn ...  
 ...

HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TRANG 1 SỔ TAY HỌC TẬP CHÍNH-TRỊ.

1. Ngày tháng (thời gian học tập).
2. Đề tài học tập chính huấn (2 nghị quyết).
3. Mục đích chính huấn.
4. Ý nghĩa chính (quyết chiến).
5. CS nhận định tình hình ta.

Những chi tiết trên rất quan trọng về chiến lược của CS.

I

Trang 2

Đến cuối đời là 3 đợt tổng khởi nghĩa mà ở mỗi đợt đều có một đỉnh cao của cách mạng để tạo nên sự chuyển biến về cơ bản trong đời sống xã hội. Đó là những đỉnh cao của tổng khởi nghĩa, những đỉnh cao của cách mạng Việt Nam.

Công việc của Đảng và nhân dân là phải nắm bắt các sự kiện quan trọng của Đảng để nắm bắt được những cơ hội và thách thức của thời đại.

6) Đảng và nhân dân đã nắm bắt được những cơ hội và thách thức của thời đại để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trước thời đại mới.

7) Đảng và nhân dân đã nắm bắt được những cơ hội và thách thức của thời đại để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trước thời đại mới.

8) Đảng và nhân dân đã nắm bắt được những cơ hội và thách thức của thời đại để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trước thời đại mới.

Đảng và nhân dân đã nắm bắt được những cơ hội và thách thức của thời đại để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trước thời đại mới.

HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TRANG 2 SỔ TAY HỌC TẬP CHÍNH-TRỊ (tiếp theo)

- 6. Chứng minh BV liên hệ tới cuộc chiến tại MN.
- 7. Quyết tâm chiến lược của CS.
- 8. CS chủ trương một chính phủ liên hiệp.



Đơn 1

**BIÊN BẢN LÝ LỊCH**

Họ tên Dương Văn Lành Bị danh Đảng Ten đang dùng Lành  
 Ngày tháng năm sinh 1930 Đơn vị  
 Que quán thôn Vĩnh Bình xã phố Ninh Đ. 2 phố - tỉnh Quảng Ngãi  
 Thành phần giai cấp gia đình Đ. 2 Ban thân phụ thuộc  
 Dân tộc Kinh Tôn giáo Lương Học lực 6  
 Tên cha Đình Thiệu Tên mẹ Nguyễn Thị Thiệu  
 Chi địa phương: mã tên này cũng vậy  
 Có bản thân từ từ như địa bàn chi ở như giúp việc gia đình, từ ngày 21/1/65

Thời gian	Chức vụ	Công tác ở đơn vị nào	Qua trình công tác Đảng	Ái chung nhận
5-15	Uy	Công tác tại đơn vị		Đ. 2
5-51	A. Tổng	A. 226 Quảng Ngãi		Tôn
52	Đ. 2			Thi
53-55	Đ. 2	Ban tổ chức Khu ủy	Đ. 2	Đ. 2
56	Đ. 2	Phòng Công an C. 3	Đ. 2	Đ. 2
57	Đ. 2	S. 701 K. 1	Đ. 2	Đ. 2
58-59	Đ. 2	E. 104	Đ. 2	Đ. 2
60	Đ. 2	Phòng Công an	Đ. 2	Đ. 2
61	Đ. 2	Phòng Công an	Đ. 2	Đ. 2
62	Đ. 2	Phòng Công an	Đ. 2	Đ. 2
63-65	Đ. 2	V. 52 và V. 55	Đ. 2	Đ. 2

Chỉ cần báo tin cho ai 7 ở đầu Đ. 2 cho Đình Thiệu - Viết Hải - phố Ninh -  
 phố - Quảng Ngãi

Ngày 30 tháng 8 năm 1965  
 Người làm lý lịch Đ. 2  
 Văn Lành

**HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TRANG 1 LOẠI LÝ-LỊCH (ĐẢNG, ĐOÀN).**

1. Đầu đề.
  2. Tên họ, quê quán, cha mẹ.v.v...
- Các số kế tiếp: Đầy đủ lý-lịch và thành tích của tên Dương-văn-Lành từ 1948 đến 1965.  
 Riêng số 5: Trần Liệt Bắc.

Y

**II. THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU**

Đã tham gia chiến đấu nhiều trận, tinh thần chiến đấu dũng cảm, có nhiều công tích (vì nêu) 16 năm chiến đấu, trong đó có 5 năm ở  
5 năm chiến đấu; 2 năm ở Cao Nguyên  
2 cấp bậc chiến đấu cao nhất, 1 năm ở Cao Nguyên chiến đấu

⑤

**VI. KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN**

(Được theo những công tác gì, nghề nghiệp gì, chuyên môn gì)  
Đã biết

⑥

**VI. QUEN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG CHIẾN TRƯỜNG**

(Đã những địa phương, chiến trường mà mình hiểu địa phương, dân tình như thế nào)  
Đã biết địa phương, chiến trường

⑦

**III. KHEN THƯỞNG**

Đã các công tích thường là được 500... hoặc lương dương, biết trước đến nay, vào năm nào, cấp... thành tích gì, được... bằng, giấy, bằng khen, huy chương, huân chương... người nhận khen có như thế nào, nếu có khen... cũng nói ở đây)

⑧

- 1989 Bằng khen thưởng cấp quốc gia, 1989 Bằng khen thưởng cấp quốc gia
- 1955 Bằng khen thưởng cấp quốc gia, 1955 Bằng khen thưởng cấp quốc gia
- 1950 Bằng khen thưởng cấp quốc gia, 1950 Bằng khen thưởng cấp quốc gia
- 1957 Bằng khen thưởng cấp quốc gia, 1957 Bằng khen thưởng cấp quốc gia

**III. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**

Đã từng tham gia công tác tổ chức và chỉ đạo, ở đâu, có ai biết các việc làm qua các thời kỳ đó, như bị bắt, bị tù, bị cũng nói rõ có thời báo hay không, đến việc bị bắt, đã được thả hay vượt ngục, hiện nay làm gì).

Từ năm 1948... tham gia chiến đấu và tham gia... năm 1954... năm 1955... năm 1956... năm 1957... năm 1958... năm 1959... năm 1960... năm 1961... năm 1962... năm 1963... năm 1964... năm 1965... năm 1966... năm 1967... năm 1968... năm 1969... năm 1970... năm 1971... năm 1972... năm 1973... năm 1974... năm 1975... năm 1976... năm 1977... năm 1978... năm 1979... năm 1980... năm 1981... năm 1982... năm 1983... năm 1984... năm 1985... năm 1986... năm 1987... năm 1988... năm 1989... năm 1990... năm 1991... năm 1992... năm 1993... năm 1994... năm 1995... năm 1996... năm 1997... năm 1998... năm 1999... năm 2000... năm 2001... năm 2002... năm 2003... năm 2004... năm 2005... năm 2006... năm 2007... năm 2008... năm 2009... năm 2010... năm 2011... năm 2012... năm 2013... năm 2014... năm 2015... năm 2016... năm 2017... năm 2018... năm 2019... năm 2020... năm 2021... năm 2022... năm 2023... năm 2024... năm 2025... năm 2026... năm 2027... năm 2028... năm 2029... năm 2030...

4

**HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TRANG 2 SC-YÊU LÝ-LỊCH CÁ NHÂN (tiếp theo).**

- 5. Thành tích chiến đấu (ở Cao-Nguyên)
- 6. Binh chủng đương sự (Khả năng chuyên môn).
- 7. Chiến trường quen thuộc (do lý lịch tên này mà có thể biết được đơn vị cũ của y hoạt-động tại đâu)
- 8. Thành tích cũ giúp y được khen thưởng. (Chi tiết về Trận liệt Nam).

I

.../-

C/- LOẠI TÀI-LIỆU IN.

1) Loại giấy tờ công-vụ của CS.

Mẫu A : "Giấy đi lại" (loại quân-sự) cấp cho cán binh đi công tác.

Những ô gạch chéo bên góc phải để dành cho các cơ-quan kiểm nhận, ghi dấu kiểm soát.

Con dấu có đề bí số D.2734 có nghĩa là Đoàn 2734.

Mẫu B : "Chứng minh thư" (được ghi chú rõ ràng) "không dùng để đi đường".

Có thể khai-thác được danh bạ tên 6 Danh, thủ trưởng đơn-vị có hàm thư 6200B.

Mẫu C : "Thẻ tùy thân" của CS cấp cho dân chúng vùng Giải-Phóng" (tương tự như giấy căn-cước VNCH).

Chữ ký của tên cấp thẻ, được khai-thác ghi hồ sơ trận-liệt chính-trị CS tại Phú-Yên (hồi 1965).

Mẫu A

1 số: 2 GIẤY ĐI LẠI

Họ và tên: 3  
 Xã: 4  
 Loại súng: 5  
 Số súng: 6  
 Nhân danh: 7  
 Ký tên: 8

9 2734 196 10  
 VIỆT NAM

1	2	3
4	5	6
7	8	9
10	11	12
13	14	15
16	17	18

Mẫu B

Quân giải phóng Đoàn 503 1 CHỨNG MINH THƯ 2

3 Đơn vị: 4  
 5 Chức vụ: 6  
 7  
 8 (Giấy này không có giá trị đi đường)  
 Ngày 2 tháng 1 năm 1964 9  
 Thủ trưởng: 10  
 11

Mẫu C

1 Mặt trận Dân tộc Giải phóng M.N.V.N  
 M.T.D.T.G.P. 2 THẺ TỰ THÂN 3 số 2980 4  
 Phú Yên

Họ và tên: 5  
 Tên thường gọi: 6  
 Ngày tháng năm sinh: 7  
 Chức vụ hiện tại: 8  
 Chỗ ở hiện tại: 9  
 Tôn giáo: 10  
 Nghề nghiệp: 11  
 Nhân danh chiếu cạo: 12  
 Dấu vết riêng: 13

Ảnh 4x6 14

Chữ ký hoặc dậm chỉ của người mang thẻ 15

16 DAN-T.Đ.Đ. Phú Yên ngày tháng năm 1965 17  
 18  
 19  
 20

2) Giấy thông hành :

Loại "Giấy thông hành" này được CS coi như chứng minh thư đi đường để binh vận quân nhân (ta) nào muốn đào ngũ đi vào vùng CS.

Loại tài-liệu này được nhận dạng nhờ các nét đặc biệt sau đây :

a. Loại do cấp Quân-Khu CS ấn hành :

Mặt trước :

1. Tiêu đề : "MTDTGP khu Sài-gòn, Gia-Định".
2. Chữ "Giấy thông hành" in đậm nét.
3. Đối tượng CS cấp phát.
4. Chỉ thị cho các cơ quan hoặc đơn vị CS hướng dẫn những đối tượng về Ủy-Ban MTGP Quân.
5. Cơ-quan ấn hành loại "Giấy thông hành".

Mặt sau :

Những luận điệu tuyên truyền cho quân nhân QLVNCH đào ngũ theo CS.

b. Loại do Ủy-Ban Trung-Ương MTGP ấn hành :

Mặt-trước :

1. Cờ Mặt-Trận GPMN.
2. Lời tuyên truyền kêu gọi quân nhân QLVNCH đào ngũ theo CS.

Mặt sau :

3. Chữ "Giấy thông hành" in đậm nét.
4. Hướng dẫn các quân nhân QLVNCH cách thức đào ngũ theo CS.
5. Cơ-quan ấn hành "giấy thông hành".
6. Chỉ thị cho các cơ-quan hoặc đơn-vị CS hướng dẫn hoặc giúp đỡ phương tiện cho các đối tượng đào ngũ đi vào vùng CS kiểm soát.

MẪU A

MẶT TRÁN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG KHU SAIGON- GIADINH ①

**GIẤY THÔNG-HÀNH ②**

③ CẤP CHO BINH LINH, SI QUAN QUAN BỘ ĐỘI MIỀN NAM TRỞ VỀ VỚI NHÂN DÂN

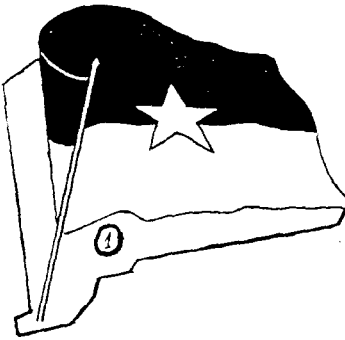
Yêu cầu các đơn vị Bộ đội, Du kích, các cơ quan hữu quyền và đồng bào hết sức giúp đỡ người cầm giấy này đến gặp ngay Ủy Ban Mặt Trận quân ④

⑤ MẶT TRÁN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG KHU SAIGON- GIADINH

MẪU B

MẶT TRƯỚC

MẶT SAU



①

Binh sĩ thuộc nguy quyền miền Nam hãy cùng nhân dân đoàn kết chiến đấu dưới ngọn cờ chính nghĩa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đánh bại xâm lược Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam.

**GIẤY THÔNG HÀNH ③**

Si quan, binh lính thuộc nguy quyền miền ④ cầm giấy này đến trình Ủy Ban Mặt trận hoặc đơn vị Ủy Ban Giải phóng sẽ được đơn tiếp và đối xử ⑤

⑥ Ủy Ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

Anh chị em cần báo cáo đơn Giải phóng và đóng ⑥ đúng ý  
— Đối xử t ⑥ dân người cầm giấy này đến Ủy Ban Mặt trận hoặc đơn vị Ủy Ban Giải phóng

3) Thẻ cử tri CS tại MV :

"Thẻ cử tri" là loại thẻ của CS địa phương cấp phát cho dân chúng vùng chúng kiểm soát để bắt buộc họ bầu những người "tiêu biểu" tức đúng đường lối CS vào "chính quyền cách mạng" (CS). Thẻ cử tri được nhận dạng nhờ các chữ ghi trên thẻ như :

1. Số thẻ.
2. Tiêu-đề "Hòa-Bình - Độc-Lập - Dân-Chủ".
3. Chữ "Thẻ cử-tri"
4. Tên họ cử-tri được cấp thẻ.
5. Nơi sinh của cử-tri.
6. Trú quán của cử-tri.
7. Chỉ dẫn cách xử dụng "Thẻ cử tri này không được cho người khác mượn và khi mất phải báo cáo".
8. Ngày cấp.
9. Cơ-quan cấp phát.
10. Chữ ký và chức vụ cán bộ cấp phát.
11. Chữ ký hoặc điểm chỉ của người có thẻ.

Trên phương diện khai-thác tình-báo, thẻ cử-tri này cho biết Chủ-tịch UBMTCP xã Ta-Pang huyện Châu-Thành Tây-Ninh hồi 1963 là tên HỒNG.

2

④ Số : 135	HÒA-BÌNH ĐỘC-LẬP DÂN-CHỦ ②
KIỂM CỬ-TRI 13-7-63 ⑤	THẺ CỬ-TRI ③
Ông, Bà <u>Đinh Thị Bích</u> tuổi <u>24</u> ④	
Sinh quán . . . . . ⑤	
Trú quán tại xã <u>Ta-Pang</u> huyện <u>Châu-Đánh</u> (Tây-Ninh) ⑥	
Thẻ cử tri này không được cho người khác mượn và khi mất phải báo cáo ⑦	
Ngày cấp ⑧	Ngày tháng năm 1963 ⑧
Người cấp ⑩	Ủy-Tân <u>Hà</u> Trần Đán-Độc Giới Phong, Xã <u>Đa-Pang</u> r.M. Dương vụ ủy ban Chủ tịch ⑨
	<u>Hồng</u> ⑩

4) Loại giấy tờ chứng nhận việc cướp thu nhân tài vật lực dân chúng của CS.

a/ "Công phiếu nuôi quân"

"Công phiếu nuôi quân" cũng là hình thức "lạc quyền", nhưng với hình thức "cho mượn để khi Hòa-Bình nhà nước sẽ trả". Giá tiền mặt tính bằng giá 10 ký gạo để làm tiêu chuẩn. Dân chúng phải "mua" bằng tiền VNCH

Công phiếu do MTGPMN (kinh tài Trung-Ương) phát hành. Trên công phiếu có chữ ký của Ủy-viên tài-chánh MTGPMN, tên Võ-thanh-Cài.

Có 3 loại công phiếu : 5.000\$, 1.000\$ và 500\$. Ban kinh-tài được giao từng tập (quyển) 25 phiếu, đánh số thứ tự. Ví dụ : dưới đây là tập (bìa) số 00028, có 25 phiếu loại 5.000\$. Đây là 1 công phiếu đầy đủ, còn cả cuốn (củi) để làm bằng (đối chiếu) sau này.

Phiếu sẽ do người mua giữ. Cuống do cơ-quan kinh tài giữ.

**CÔNG PHIẾU NUÔI QUÂN** ① MẪU A

QUYỂN SỐ 00028

SỐ HIỆU: A ②

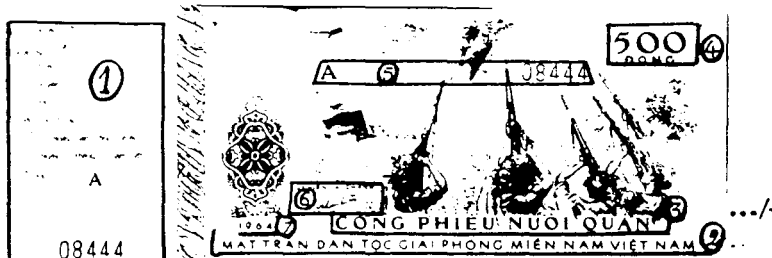
Loại: 5.000đ ③

Có 25 phiếu ④

MẪU B



MẪU C



b/ Phiếu nhận tiền của dân chúng dưới hình thức "lạc quyền"

Phiếu này thường được các Ủy-Ban MTGP cấp Tỉnh hoặc cấp Khu an hành, để cấp phát cho những người bị chúng "lạc quyền". Phiếu thường được in thành 2 phần : 1 phần cuống lưu ở cơ-quan "lạc quyền" và 1 phần giao cho người bị "lạc quyền", có loại phiếu in sẵn số tiền (Mẫu A) và có loại phải điền vào sau (Mẫu C).

Đây là một số tượng trưng về hình thức biên lai lạc quyền của CS tại Khu 5 Miền Trung-Trung Bộ.

Y

.../-

MẪU A

50

Mặt trận dân tộc giải phóng  
Miền nam Việt - Nam

Số. L176  
NĂM MƯƠI ĐỒNG

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT - NAM

PHIẾU LẠC QUYỀN  
Số 1576

NAM MƯỜI ĐỒNG

Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng  
Tỉnh Biên - Hòa

50

MẪU B

Mặt trận dân tộc giải phóng  
miền Nam Khu V

TIỀN ỨNG HỘ CÁCH MẠNG

Mặt trận dân tộc giải phóng v.N.K.V  
có nhân của Ông. Bà  
ở tại Xã Huyện  
Tỉnh

Số tiền ứng hộ cách mạng  
một trăm đồng  
ngày tháng năm 1963  
Mặt trận dân tộc  
giải phóng miền nam  
Khu V

Số 1963

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM KHU V

PHIẾU NHẬN TIỀN ỨNG HỘ CÁCH MẠNG

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Khu V  
có nhân của Ông. Bà  
ở tại Xã Huyện  
Tỉnh

Số tiền ứng hộ Cách mạng là  
MỘT TRĂM ĐỒNG

Ngày tháng năm 1963  
M.T.D.T.G.P. MIỀN NAM

MẪU C

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM KHU V

PHIẾU NHẬN TIỀN ỨNG HỘ CÁCH MẠNG

Mặt trận dân tộc giải phóng MN Khu 5  
có nhân của Ông. Bà  
ở tại Xã Huyện  
Tỉnh

Số tiền Ứng hộ Cách mạng là

Ngày tháng năm 1963

Số 038367

ỦY BAN MẶT TRẬN  
K. 5

5) "Thẻ Nghĩa-Vụ dân công" :

"Thẻ Nghĩa-Vụ Dân-Công" là loại thẻ cho "Hội-Đồng Cung-Cấp Tiên-Tuyên" cấp Tỉnh của CS cấp cho những người dân từ 16 đến 50 tuổi đã có 3 tháng làm "Nghĩa-vụ trong năm" (thường là tiếp vận chiến trường) theo như điều 2 của chính sách Dân-Công CS quy định, về hình thức, thẻ này thay đổi tùy theo địa phương nhưng rất dễ được nhận dạng nhờ các chữ ghi trên thẻ.

Ví-dụ : Thẻ Nghĩa-Vụ Dân-Công của HDCCTT tỉnh Bà-Rịa cấp (kèm bên) gồm có :

Mặt trước :

1. Chữ "Thẻ Nghĩa-Vụ Dân-Công" in đậm nét.
2. Số thẻ.
- 3.4.5. Tên, tuổi, trú quán của người đi dân công.
6. Đoạn trích "trong điều 2 chính-sách Dân-công".
7. Lời chứng nhận của cơ-quan cấp phát.
8. Ngày cấp "thẻ Nghĩa-Vụ Dân Công"
9. Cán bộ đại diện HDCCTT Tỉnh ký tên.

Mặt-sau : (Ghi công nghĩa vụ)

Thống kê theo dõi tình trạng phục vụ của dân công trong suốt thời gian công-tác (ghi theo cột).

MẶT TRƯỚC

**THẺ NGHĨA VỤ** ①  
 số: 002886 ②

③  
 ④ tuổi

⑤ / trước Hội đồng  
 ⑥ tháng năm 1.96 ⑦

⑧  
 ⑨

**THẺ** ①  
**NGHĨA VỤ DÂN CÔNG**

③  
 ⑤

MẶT SAU

**GHI CÔNG NGHĨA - VỤ** ①  
 1.965

Thứ	Số công phục vụ	Phục vụ ở hậu- phương	Phục vụ ở tiền- tuyến	Biểu dương	Khen thưởng	Huân chương	Kỷ l luật	Chữ ký của vơ quan
②	③	②	⑥	④	⑤	⑥	⑦	⑧

6) Loại giấy tờ liên quan đến Tư-Pháp CS.a/ Lệnh bắt :

Đôi khi trong số tài-liệu CS tịch thu được ta còn thấy một số văn-kiện tư-pháp như lệnh bắt giữ người, giấy chứng nhận an xá.v.v... Do các Ủy-Ban MTGP địa phương cấp. Các Văn-kiện "Tư-Pháp" này được nhận dạng nhờ tiêu đề và nội dung.

Thường 1 lệnh bắt gồm có những chi tiết như sau :

1. Tiêu đề.
2. Ngày ký.
3. Chữ "lệnh bắt số ....." in đậm nét.
4. Cơ-quan ra lệnh bắt.
5. 6. 7. Lý-lịch người bị bắt.
8. "Tội" của người bị lệnh bắt.
9. Cơ-quan có nhiệm vụ thi hành lệnh bắt giữ.
10. Con dấu của cơ-quan ra lệnh bắt.

Y

The diagram shows a form for an arrest order with the following fields and annotations:

- 1. Tiêu đề: MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG ĐỨC PHỐ
- 2. Ngày ký: NGÀY / / 1968
- 3. Nội dung: LỆNH BẮT số ... NCT
- 4. Địa điểm: Mặt trận dân tộc giải phóng Huyện Đức-phố ra lệnh bắt giữ công tử tên
- 5. 6. 7. Lý lịch: (Blank fields for name, age, etc.)
- 8. Cơ quan: (Blank field for the issuing authority)
- 9. Chức vụ: (Blank field for the official's position)
- 10. Con dấu: T.M. Mặt trận dân tộc giải phóng Huyện Đức-phố (with a circular stamp from Ủy Ban Mattran DTGP Huyện Đức-phố)

.../-

## b/ Giấy ân xá :

Một loại tài-liệu thuộc loại án lệnh là "Giấy ân xá" do cơ quan hoặc "trại tù hàng binh" của CS cấp phát. Loại giấy này nhận dạng như :

1. Tiêu-đề.
2. Chữ "Giấy ân xá".
3. Họ tên tù binh được "ân xá".
4. Tuổi, tù binh được "ân xá".
5. Quê-quán tù binh được "ân xá".
6. Nơi và ngày bị bắt của tù binh được "ân xá".
7. Được lệnh ân xá của UBMTCP Tỉnh, Khu...
8. Nội dung lệnh phóng thích (tóm lược).
9. Ngày phóng thích.
10. Chữ ký, tên của giám đốc trại tù binh.
11. Thời gian có hiệu lực của lệnh ân xá.

Y

MẬT LƯU Dân-Vộc Giải-phóng MIỀN-NAM VIỆT NAM TRẠI TÙ BINH SỐ	<b>GIẤY AN XÁ</b> ② Họ và tên tù binh ③ Tuổi ④ Quê quán ⑤ Ngày bị bắt ⑥ Được lệnh ân xá của Mật-Trại Dân-Vộc Giải-phóng Miền Việt-Nam này cho phép ⑦ trở về quê quán làm ăn ⑧ Yêu cầu các lực lượng vũ-trang tự-vệ ⑧ dân-dân giúp đỡ anh về vận-quả-quân Ngày tháng năm ⑨ Giám-đốc trại tù binh ⑩
Có giá trị đến hết ngày ①	

7) Loại truyền đơn, báo chí :

- Truyền-đơn là loại tài-liệu CS dùng để tuyên truyền rộng rãi trong nội bộ CS đến dân chúng và cả những người trong hàng ngũ quốc gia. Thông thường loại này ít có giá trị tình báo, tuy nhiên cũng giúp ta nghiên cứu để hiểu biết được về kỹ thuật tuyên-truyền của CS. Đôi khi loại này cũng cho ta 1 số dữ kiện để đối chiếu và khai-thác với một số tài-liệu khác tịch thu cùng trường hợp.
- Báo chí có nhiều loại : nội-san, tuần báo, nhật báo (Bác nguyệt-san, bán nguyệt san, tạp san văn-nghệ, tờ báo nội bộ cơ quan đơn vị, bích báo. v.v... Thường loại sách báo này được in hoặc quay ronéo.

Khai-thác loại báo chí CS rất hữu ích tìm biết được những nội dung chiến lược, chi tiết về chiến thuật, lai lịch, thành tích hoạt-động của cơ-quan đơn vị, đặc biệt là loại sách báo phổ biến sau các dịp thi đua. Nhiều khi do những bài báo nội san của đơn vị, giúp phát giác những đơn vị mới, hệ thống bí số, thống thuộc tổ chức, thành tích hoạt động, khu vực trú đóng quan. v.v...

Mặc dù chủ đích là tuyên truyền, nhưng nội dung căn bản dựa trên sự kiện có thể khai-thác về tình-báo được, nhiều khi lại tiết lộ những tin tức rất tốt.

Tờ truyền đơn "lời kêu gọi cùng toàn thể đồng bào" bên đây, để lộ âm mưu xách động quần chúng của CS nhân dịp kỷ niệm ngày Nam bộ kháng chiến (hồi 1965).

### *Lịch toàn thể đồng bào.*

1) Lễ thiết thực kỷ niệm ngày Nam  
Độc lập 23-9, Ủy ban Mặt  
trần Dân-tộc Giải-phóng tỉnh kêu  
gọi:

Thành thể: Công nhân, nông dân,  
các nhà buôn bán, tiểu  
thương, tiểu chủ, các nhân sĩ yêu  
nước, các nhà trí thức học sinh, sinh  
viên trong toàn tỉnh hỡi:

5) Đồng tình công, đồng bãi thị,  
từ 0 giờ đến 2 giờ ngày  
22 tháng 9 năm 1964

biểu dương sức đại đoàn kết  
toàn dân trên khắp:

- Chống hành động rạch rứt  
độc hóa học, phi hoại mùa màng  
của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.
- Chống bán phi pháo giết  
hại đồng bào của đế quốc Mỹ.
- Chống âm mưu mở rộng chiến

tranh của cái gọi là 'bộ chỉ huy  
liên quân Việt-Mỹ'.

- Chống âm mưu bắt lính,  
bắt xâu của đế quốc Mỹ và tay sai.
- Đòi đế quốc Mỹ và tay sai  
phải bồi thường thiệt hại vụ rã  
chất độc hóa học ngày 20 và 24-8  
năm 1964 của đế quốc Mỹ.

- Đòi đế quốc Mỹ rút khỏi  
miền Nam Việt-nam.

4) Bà con Lý-Khánh không bỏ  
đồng bào công nhân, học sinh, sinh  
viên, Phật giáo ở các đô - thị  
miền Nam Việt-nam.

Ngày diệt vong của đế quốc  
Mỹ và tay sai sắp đến. Toàn thể  
đồng bào anh dũng tiến lên!

MẶT TRẦN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG  
Tỉnh Bà Rịa

Nhà in GIẢI PHÓNG Tỉnh Bà - Rịa  
Phát hành 5000b. ngày 15-9-1964

8) Loại báo địa phương, nội san :

Loại này thường được tịch thu trong các cuộc hành quân của QLVNCH và Đồng-Minh. Đó là những bích báo xuất bản hàng tuần, hàng tháng của Ủy-Ban MTGP từ cấp tỉnh đến cấp Trung-Ưng. Loại tài-liệu này thường ít có giá trị tình báo, tuy nhiên có nội dung phong phú, nhất là bích báo của các đơn vị tiếp vận, có thể tiết lộ sự hoạt-động tổ chức, tinh thần cán binh, kỹ thuật chuyên môn.v.v...

Bên đây là hình thức của báo Giải-Phóng của MTGPVN và tờ Tiên-Phong.

# GIẢI PHÓNG

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA MẶT TRÁN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG M.N.V.N. ②  
Năm thứ ba Số 1 Ra ngày 1-7-1965 ③ H. T. 1965 ④

Xả luận

PHÁT HUY THẾ CHỦ ĐỘNG, LIÊN TỤC TẤN  
CÔNG ĐỊCH VỀ QUÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ,  
ĐÈ BÈP Ý CHÍ XÂM LƯỢC CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

## tiên phong

(NHỮNG BÀI HỌC CỦA TÌNH HÌNH LÀO  
ĐỐI VỚI CHÚNG TA) ⑤

TRẦN-QUANG

Việc ba phải ở Lào  
thuận thành lập chính  
sự việc phân phối có  
trong Hội đồng nội  
mười rất rõ tháng 19  
Lào đã giành được là  
đầu đại đồng của mình  
chỉ mới là thắng lợi

**THÔNG BÁO** ⑥

CÁC ĐỒNG CHÍ CHÚ Ý !

- Theo chỉ thị của cấp ủy thì tờ **TIÊN PHONG** nói san  
bút tại lưu tại một và chỉ lưu  
tương huyện ủy trở lên.  
Chỉ nào giữ, đồng chí phụ  
tra việc báo quán.  
theo trona lúc đi công tác.

Giới thiệu hình thức của tờ Nội-san cờ Giải-Phóng của Khu 5 Miền-Trung Trung-Bộ và tờ "Ngọn cờ Gia-Định"

Nội dung trình bày làm mẫu bên đây, đều là những bài có nội dung tuyên truyền và công-việc nội bộ chung. Tuy nhiên, có những bài báo đề lộ hoạt-động các đơn vị, tổ chức 1 cơ quan và thành tích các trận đánh.v.v...

Thành tích nêu trong báo chí toàn là phóng đại để tuyên truyền, nhưng các đơn vị, ngày tháng của trận đánh, địa điểm.v.v... Có thể có thật không nên bỏ qua.

**SỐ 4**  
**THÁNG**  
**3-1963**

# CỜ GIẢI PHÓNG

**CƠ QUAN CỦA MẶT TRÁN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG KHU 5**

**DẠI HỘI ĐOÀN KẾT NHÂN DÂN Á PHI LẦN THỨ BA RA NGHỊ QUYẾT ỦNG HỘ MẶT TRÁN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG QUÂN-DÂN TA-QUYẾT-TÂM ĐẨY MẠNH 3 PHONG-TRAO LON**

Trong tháng 1-1963, có 50 tên lực lượng Mỹ bị trừng trị, 27 máy bay Mỹ bị hạ và bị bắn hỏng ở miền Nam Việt-nam.



**Số 21** **Ngày 15-6-1966**  
**CƠ QUAN TRANH ĐẤU CỦA NHÂN DÂN GIADINH**

*Đi trước*

## VƯỢT MỌI TÍCH CỰC SẢN XUẤT

**M**ỘT chân lý phổ biến mà ai cũng đã biết đó là: « thực túc bình cương, an lạc đánh thắng ». Nhưng đối với nông thôn tỉnh ta, vấn đề sản xuất lương thực lại có một nghĩa đặc biệt là còn nhằm giải quyết khó khăn của nhân dân lao động miền Bắc, đánh bại kẻ thù chính của dân tộc ta là đế quốc Mỹ.

Tất nhiên, việc sản xuất lương thực trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt hiện nay, sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng bà con nông thôn Gia định cần sản xuất nhiều lương thực để

chống khuynh hướng sống tạm bợ chờ thời hoặc tâm trạng sợ có làm không có ăn. Giáo dục và động viên một tinh thần tích cực sản xuất lương thực bất kỳ ở đâu và bất kỳ trong tình huống chiến tranh nào. Ra sức phục hồi và đẩy mạnh sản xuất lương thực ở vùng giải phóng, vượt tranh chấp và cả ở vùng yêu đảng hoặc sắp chuyển lên, để có nhiều lương thực bồi dưỡng sức dân và đẩy mạnh kháng chiến.

2. Phải gấp rút có những biện pháp bảo vệ thật chu đáo cho người đi sản xuất và cả sức kéo. Đào nhiều loại công sự

ruộng có sản lượng cao. Nhân công và vốn là hai vấn đề quan trọng cần phải được gấp rút giải quyết. Tích cực vận động phụ nữ tham gia sản xuất. Dù kích, bộ đội, cơ quan đều phải tham gia sản xuất lương thực và hoa màu.

4. Song song với việc chăm bón lúa ba trắng, trồng thủ cấy lúa mùa thuận, cần nghiên cứu mở rộng diện trồng hoa màu phụ như mì, lang, bắp, đậu, chuối nước, huỳnh linh... Nhưng thứ này trồng phân tán khắp các vườn lược rừng số, nên địch khó bề phá hoại hàng loạt.

5. Việc đẩy mạnh sản xuất

9) Loại truyền đơn bí mật (ngụy trang) :

Thường là loại in. Đa số thuộc loại tuyên truyền phổ biến chính-sách MİGPMN hoặc chủ nghĩa CS, được ngụy trang tờ bìa, 1 vài tờ đầu và tờ bìa cuối để tránh sự tò mò của người khác.

Tài-liệu dưới đây phổ biến "lời tuyên bố của MİGPMN nhân ngày 20-07-1964" nhưng ngụy trang bằng tập truyện "Bạch Trần-Nường và con Rồng-Lửa".

Bắt đầu từ giữa trang 2, là tài-liệu CS thực sự : Một số tài liệu ngụy trang khác, được in trình bày như cuốn tiểu thuyết "Đoạn Tuyệt" của Nhất-Linh, 1 tài-liệu khác như cuốn toán đại số, hoặc cuốn "Giáo lý trẻ em" của Công-giáo.v.v...

1

TRUYỆN CỔ TRUNG HOA ①

BẠCH TRẦN NƯỜNG  
② và  
CON RỒNG LỬA

Nhà in NGUYEN-DỨC xuất bản  
③ -CL. Grimond - SAI-GON-

trước các đẹp mê hồn của 2 nàng. chàng trai nào lịch sự đến đâu cũng phải kinh đảo hắc nhìn 2 nàng.

Nàng áo trắng có vẻ dài các, qui phái hơn có lẽ là một tiểu thư.

④ Cô nàng áo xanh in mặc giông như nữ sĩ (xin chú ý đọc tiếp đoạn này) Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt-nam nhân ngày 20-7-64.

Trong thời gian gần đây, dư luận khắp nơi trên thế giới đều đặc biệt quan tâm và lo lắng theo dõi tình hình miền Nam Việt-nam, chẳng những vì ở đây đang diễn ra một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc, một cuộc chiến tranh đẫm máu lớn nhất hiện nay trên quả đất mà còn vì những kẻ tổ chức và điều khiển cuộc chiến tranh ấy, giới cầm quyền hiếu chiến Mỹ & Hoa thịnh đôn, đang ráo riết chuẩn bị mở rộng chiến tranh trên phạm vi toàn Đông dương và khu vực Đông Nam Á, một mưu đồ bị

## 10) Loại giấy tờ quân sự cá nhân :

## a/ Quyết-định đề-bạt (thăng cấp) :

Quyết định đề-bạt có nhiều hình thái khác nhau (về khổ giấy nét chữ, cách trình bày) nhưng có những điểm tương đồng là mẫu giấy in sẵn có chừa khoảng trống để điền vào bằng chữ viết tay hoặc đánh máy và có chữ "Quyết-định" in đậm nét. Thông thường 1 quyết định đề-bạt có nội dung giúp ta hiểu biết được các tin tức sau đây :

1. Xuất xứ của quyết-định đề-bạt (đơn vị cấp phát).  
Đơn-vị 500 tức BTL QK5.
2. Số đăng bộ của quyết-định đề-bạt.
3. Ngày ra quyết-định đề-bạt
4. Cấp bộ chỉ huy ký cấp phát. (TL.QK5).
5. Những lý do đề-bạt (chung).
6. Chữ "Quyết-Định".
7. - Tên, cấp bậc và đơn vị của cán binh được đề-bạt.  
- Ngày có hiệu lực của quyết-định đề-bạt.  
- Cá nhân và đơn-vị có nhiệm vụ thi hành quyết-định đề-bạt. Các cơ-quan 501 (Phòng Chính-trị), 502 (P. Tham-Mưu), 503 (Phòng Hậu-Cần). Đó là các bí số cũ hồi 1967.  
Hiện 501 là Cục Chính-trị, 502 Cục Tham-Mưu và 503 Cục HC.
8. Cấp chức của cán bộ ký quyết định đề-bạt.
9. CHỮ ký và tên của cán bộ ký quyết-định đề-bạt. Trình tước Lê-Trình, thủ trưởng Phòng Tham-Mưu/QK5, nhân danh BTL.QK5 hồi đó.
10. Cơ-quan, đơn vị sao lại quyết-định gởi cán binh được đề-bạt. (502 là bí số của Phòng TM hồi đó).

1

BON VI 500 (1)	Ngày 1 tháng 10 năm 1967 (2)
Số 100/10 (3)	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 500 (4)
(5) Xét như cũ công tác. Xét đạo đức và năng lực cao độ. Theo đề nghị của thủ trưởng đơn vị	
<b>QUYẾT ĐỊNH (6)</b>	
Đề 1: Đề-bạt đề. <u>Conin Cường</u> Đơn vị 500	
(7)	Từ cấp tiểu đoàn biên phòng lên Cấp tiểu đoàn biên trưởng
Đề 2: Quyết định này thi hành kể từ ngày ký	
Đề 3: Thủ trưởng đơn vị 101, 102, 103 đồng chí có tên trên chiếu Quyết định thi hành.	
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ 500 (8)	
Số 502 y 3 no phò 7c Cường chức 1 nguyệt Trình tức Cường	(10) và ký (9) Trình (7)
.../-	

b/ Giấy khen :

"Giấy khen" là một hình thức thưởng cấp thứ nhì (thứ nhất là "Bằng Khen" và thứ ba là khen miệng trước hàng quân). Những giấy khen cũng có nhiều hình thái như quyết-định đề bạt, nhưng thông thường là mẫu in sẵn có chừa khoảng trống để điền vào khi cần thiết. Thường các phần chữ điền vào trong giấy khen được viết tay.

Những cơ quan, đơn-vị không có mẫu in sẵn có thể đánh máy lấy hoặc vẽ tay. Loại giấy khen rất dễ được nhận dạng nhờ các đặc tính của nó về hình thức, tiêu-đề, chủ-đề, nhóm chữ ký, chữ dùng và nội dung như loại giấy thường, rẻ tiền, trên cùng ở phần giữa giấy khen đôi khi có in chữ MTGP hoặc chữ CSBV hay chữ "liêm bứa" và rõ nhất là có chữ "Giấy khen" in đậm nét.

Tuy nhiên, hình thức của giấy khen thường thay đổi theo giá trị của thành tích và cấp bộ của đơn vị cấp phát.

Bên đây là mẫu giấy khen của QK.TL Saigon - Gia-Định cũ cấp cho Nguyễn-van-Dùm thuộc ĐĐ2/TĐ2/Cách Đĩ-An (cũ).

Thành tích quân sự cho biết, đơn vị này đã phục kích tại Phú-Hòa-Đông ngày 9/11/1965.

Một số loại giấy khen khác (xem các trang kế tiếp).

GIẢI PHÓNG QUÂN  
KHU  
SAIGON - GIADINH

GIẤY KHEN

Đồng chí Nguyễn Văn Dùm  
 Cấp bậc Thức vụ Tiểu đội trưởng  
 Đơn vị Đại đội 2 Tiểu đoàn 2  
 Quê quán: Sân Thành Đông Cư chú Tân Bình  
 Đã có nhiều thành tích trung tâm đánh phá địch  
tại Thủ Khoa Huân ngày 9/11/65 thành lập

Ghi vào số khen thưởng  
Theo quyết định số 15/TĐ

Ngày 24 tháng 11 năm 1965  
Thư Quân số 92



Phan Văn  
Thư Quân số 92

## c/ Giấy khen do đơn vị cấp phát cấp Trung-đoàn :

Trên giấy khen loại này có :

1. Cờ GP.
2. Chữ "Giấy-Khen"
3. Tên họ của cán binh được khen thưởng.
4. Chức vụ
5. Đơn vị. (Đại-đội 251).
6. Quê-quan.
7. Thành tích (tóm lược).
8. Ngày cấp giấy khen.
9. Chức vụ cán bộ ký cấp giấy khen.
10. Chữ ký cán bộ ký cấp giấy-khen.
11. Tên họ (Lê-Phong, thủ trưởng TRĐ.274 Đông-Nai cũ).
12. Số quyết định cấp giấy khen.

Khai-thác loại giấy khen này được những chi tiết về Trần Liệt, danh bạ.

Chi chú : Trường hợp tịch thu rất quan hệ, vì biết được vùng hoạt-dộng của đơn vị, giúp ta giải đoán dễ dàng đơn vị đó.

1

①

GIẤY KHEN ②

Đông chi Huỳnh Văn Vàng ③

Chức vụ Chiến sĩ ④ Đơn vị Đại đội 251 ⑤

⑥ Quê quán: Xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh  
Đã có nhiều thành tích trong 2 trận chiến đấu ở Tây  
- 10 và 16 tháng 7 năm 1965 tại Phước Bình ⑦

Số 079P-KI ⑫ Ngày 10 tháng 8 năm 1965 ⑧

Thủ trưởng trung đoàn ⑨

⑩ Lê Phong ⑪

d/ Giấy khen do cơ-quan cấp phát cấp UBMTGP Huyện :

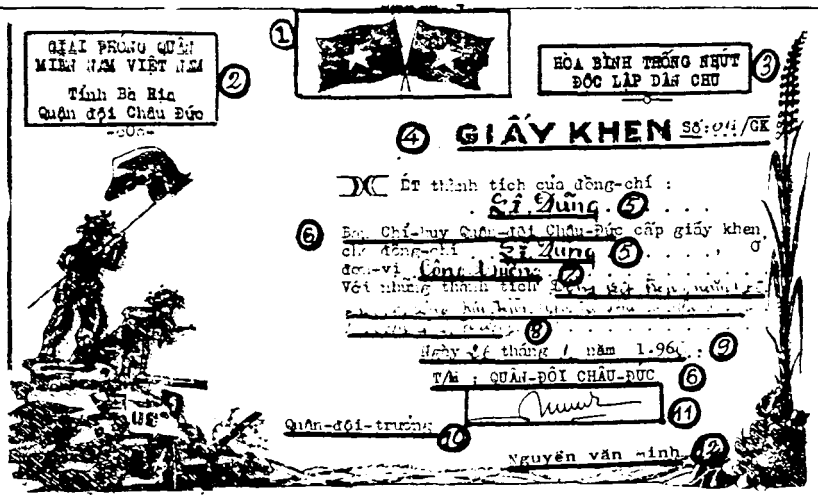
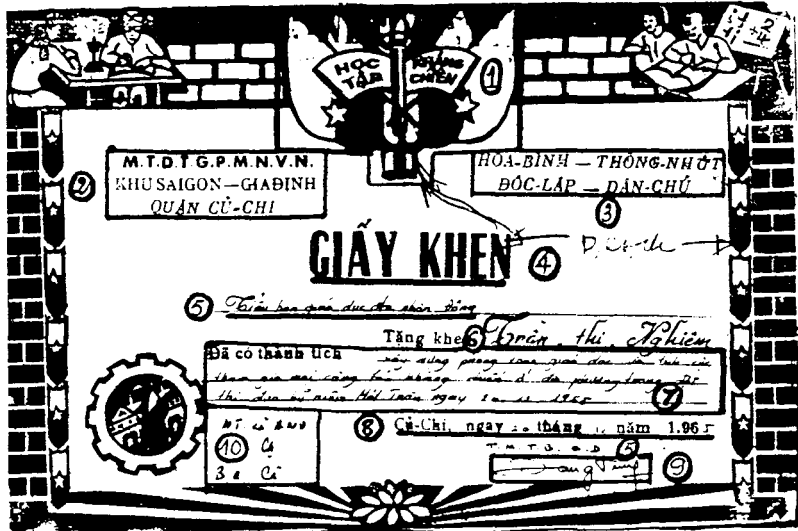
Nội dung giấy khen loại này (xem mẫu dưới đây).  
Khai-thác loại này cần chú ý những chi tiết :

- Cơ-quan cấp phát giấy khen.
- Tên cán binh được cấp giấy khen.
- Tóm lược thành tích
- Ngày cấp giấy khen.
- Chữ ký của cán bộ ký cấp giấy khen.
- Chữ ký và cơ-quan của cán binh được khen thưởng.

e/ Giấy khen do đơn vị cấp phát cấp Quận đội :

Nội dung khai-thác đại ý như giấy khen nêu trên.

1



f/ Bằng khen :

"Bằng khen" là 1 loại tưởng lực cao cấp của CS (cấp thứ 2 là "Giấy-khen" và cấp thứ ba là lời khen (khen miệng). Bằng khen do các cơ-quan Quân-sự hoặc Chính-trị CS cấp phát cho những cán binh có thành tích cao, do đó số lượng cấp phát thường ít hơn loại giấy khen. Hình thức của Bằng khen cũng tương tự như giấy khen nhưng thường được trình bày trên giấy tốt hơn. Khai-thác Bằng khen thường chú ý các chi tiết :

- Tên họ cán binh được khen thưởng.
- Cấp bậc " "
- Chức vụ " "
- Đơn-vị " "
- Quê-quan " "
- Thành tích (tấn công ACL Cây-Trôm ngày 16-12-1965).
- Ngày cấp Bằng khen.
- Cơ-quan cấp phát Bằng khen.
- Chữ ký của cán bộ cấp phát bằng khen (2 Phụng, hồi đó là TMT/QKT4 (cũ) hiện là Thượng-Tá Tư-lệnh PK6).
- Con dấu (ấn triệu) của cơ-quan cấp phát.

I

.../-



## g/ Giấy chứng nhận khen thưởng :

Giấy chứng nhận khen thưởng là 1 loại giấy do cơ-quan Quân-sự hoặc Chính-trị CS cấp phát cho cán binh đã được giấy khen hoặc bằng khen.

Loại giấy này được nhận dạng nhờ các đặc điểm ghi trên tài liệu sau đây :

1. Tiêu-đề (Phân khu Bắc QK5 cũ tức QK Trị-Thiên-Huế bây giờ).
2. Chữ "Giấy chứng nhận khen thưởng in đậm nét".
3. Tên họ của cán binh được cấp.
4. Chức vụ.
5. Cấp bậc.
6. Đơn vị (C2/K1 tức ĐĐ2/TĐ801 hồi đó).
7. Ngày và nơi sinh của cán binh được cấp.
8. Loại khen thưởng.
9. Thành tích của cán binh được cấp (tóm lược).
10. Ngày cấp.
11. Cơ-quan cấp phát.
12. Chữ ký của cán bộ cấp phát.
13. Tên họ Tiến-Long (Chính-trị viên TD.K1 hồi đó).
14. Văn-thư tham-khảo.

1

QGPMN PHÂN KHU BẮC	<b>GIẤY CHỨNG NHẬN KHEN THƯỞNG</b>
- ★ -	
Họ và tên: Nguyễn Thành Bình	Chức vụ: Chính trị
Cấp bậc: 5	Đơn vị: C2-K1
Ngày và năm sinh:	
Quê quán xã: Thuận Lâm Huyện Thuận Hóa Tỉnh Hà Tĩnh	
Đã được cấp: Giấy Khen	cấp: Tiểu đoàn
Vì đã lập được thành tích: Chăm sóc và công tác khu Trung 3 tháng đầu năm 1966	
Theo quyết định số: 3	ngày 15 tháng 4 năm 1966 của Thủ
Trưởng Tiểu đoàn	Ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số lưu trữ: S. / C1	Trưởng Tiểu đoàn
	(12) Nguyễn Long
	- Tiến Long -

n/ Một hình thức giấy chứng nhận Huân-Chương khác để cấp cho cán binh được quyết định tặng thưởng Huân-chương có hình thức như sau :

1. Tiêu-đề "Quân Giải-Phóng MNVN"
2. Chữ "Giấy chứng nhận Huân-Chương chiến sĩ giải-Phóng"
3. Số của giấy chứng nhận.
4. Tên họ của cán binh được cấp.
5. Đơn-vị " "
6. Hạng và loại Huân-chương được cấp phát.
7. Số quyết-định cấp phát.
8. Ngày cấp phát "giấy chứng nhận".
9. Chức vụ của cán bộ ký (thủ-trưởng tỉnh đội An-Giang).
10. Chữ ký của cán bộ ký cấp.
11. Tên họ Nguyễn-Siêu .

Y

QUÂN GIẢI PHÒNG MIỀN NAM VIỆT-NAM	GIẤY CHỨNG NHẬN HUÂN CHƯƠNG CHIẾN SĨ GIẢI PHÒNG
Số <u>                    </u>	
Chứng nhận rằng chỉ <u>Võ Văn Đức</u>	
được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng <u>                    </u>	
do <u>                    </u> ngày <u>                    </u> tháng <u>                    </u> năm <u>                    </u>	
Thủ trưởng Tỉnh đội <u>                    </u>	
<u>                    </u>	

1/ Giấy chứng nhận Huân-Chương :

"Giấy chứng nhận Huân-Chương" là loại giấy chứng nhận do cơ-quan Quân-Sự hoặc Chính-trị CS cấp phát cho toàn thể đơn-vị hoặc cho từng cán binh được thưởng bất kỳ 1 loại huy chương gì của CS.

Loại giấy chứng nhận Huân-Chương in 2 mặt .

Mặt-trước :

1. Tiêu-đề (MTDTGPMN).
2. Chữ "Giấy chứng nhận Huân-Chương" in đậm nét.
3. Tên họ. (ở đây cấp cho cả tiểu đoàn 334).
4. Ngày và nơi sinh { Trường hợp cấp phát cho cá nhân.
5. Quê quán {
6. Ngày cấp "Giấy chứng nhận Huân-Chương".
7. Con dấu (ấn triện) của cơ-quan cấp. (BTL QK5).

Mặt sau :

8. Loại Huân-chương được cấp phát.
9. Số quyết-định cấp phát Huân-Chương.
10. Ngày " " "
11. Chứng thực của cán bộ thủ-trưởng.
12. Ghi chú : về việc xử dụng thẻ. Khai-thác được biết, thủ trưởng đơn vị 673 hồi 1966 là tên Nguyễn-Chức.

Mặt trước

Mặt tiền của các nước MIỀN NAM ①

GIẤY CHỮA KHUẨN VÀO CHỮNG ②



Họ tên: ③

Ngày sinh: ④

Quê quán: ⑤

Đã được chữa bệnh: ⑥

⑦

Mặt sau

Mẫu chứng	Số hiệu ghi định số	Ngày tháng năm	Chứng thư
⑧	⑨	25-1-1955	⑩ H. Chanh Phong Chai
⑪			

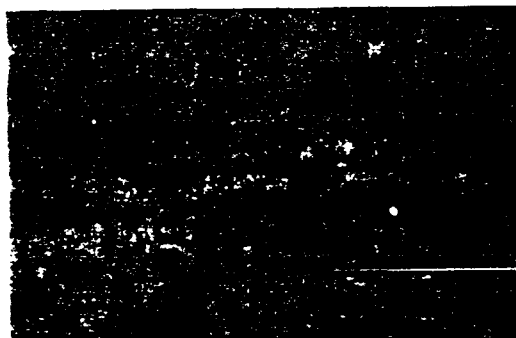
j/ Giấy "Chứng minh thư" :

Chứng minh thư là loại giấy tờ cá nhân của cán binh CS do cơ-quan Quân-sự hoặc Chính-trị CS cấp phát. Giấy này như tên gọi dùng cho cán binh lưu trú hoặc đi lại trong vùng CS kiểm soát và rất dễ được nhận dạng nhờ các đặc điểm sau :

1. Số giấy chứng minh (có loại không ghi số chỉ ghi tiêu đề cơ-quan, đơn vị).
2. Tiêu-đề.
3. Chữ "Giấy chứng minh" in đậm nét.
4. Tên họ cán binh được cấp phát.
5. Ngày sinh.
6. Nơi sinh.
7. Nghề nghiệp.
8. Địa chỉ hiện tại.
9. Có giá trị đến ngày (thời gian có hiệu lực).
10. Dấu vết riêng của cán binh được cấp phát.
11. Ngày cấp.
12. Đơn vị cấp.
13. Chữ ký và tên của cán bộ ký cấp phát.
14. Con dấu (ấn triện) của đơn vị cấp phát.
15. Dấu lấn tẩy của cán binh được cấp phát (có loại không ghi dấu lấn tẩy thì có chữ ký của cán binh được cấp phát).

Khai-thác loại này chỉ được danh bạ Trần Liệt .

MẪU A



SỐ QUÂN 010. QUÂN BỘI GIẢI PHÓNG MIỀN TRUNG TRUNG BỘ (2)  
**GIẤY CHỨNG MINH** (3)  
 Họ và tên: Hồ Minh Khoa (4)  
 Ngày tháng năm sinh: 1950 (5)  
 Nơi sinh: ... (6)  
 Nghề nghiệp: ... (7)  
 Chỗ ở hiện nay: ... (8)  
 Có giá trị đến hết ngày: ... (9)  
 Dấu vết riêng: ... (10)

LÀN TAY  
 NGÓN TRỎ TRÁI NGÓN TRỎ PHẢI (15)

(1) Năm 19 tháng 1950  
 (2) Chi bộ Quận Thủ Đức  
 (11) Nguyễn Văn Văn (13)

MẪU B

(1) Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng M N V N  
 M T D T G P / CHỨNG MINH THƯ (3) / SỐ: ... CTM (5)  
 Phụ-gián  
 Họ và tên: ... (4) Bì danh: ... (5)  
 Sinh ngày: ... tháng ... năm ... (6)  
 Thuộc cơ quan: ... (7)  
 Được mang súng loại: ... (8)  
 Nhiệm vụ: ... (9)  
 Dấu vết đặc biệt: ... (10)

Giấy này có giá trị từ năm: ... (11)

Người mang thẻ (13) ký tên: ...  
 Phụ-gián (11) ... năm 196...  
 Ban an ninh Phụ-gián (12)

MẪU C

k/ Các phiếu xuất và nhập thực phẩm (gạo) :

Các phiếu xuất và nhập thực phẩm do các cơ-quan phụ trách lương thực hoặc Hội-đồng cung cấp tiền tuyến (Hậu-cần CS) để chuyển nhận gạo xuất nhập kho hoặc cấp phát cho đơn vị thụ hưởng.

Thường gặp là các phiếu xuất và nhập gạo. Số lượng gạo xuất và nhập của mỗi phiếu khác nhau, thường từ 500 gram đến 1.000 ký (kilogram). Đơn vị đo lường về gạo, CS thường dùng là lít, ký, lon (lon sữa bò tương đương 250 gram), gạ (40 lít), ang....

Bên đây trình bày 1 số phiếu mẫu những ô nhỏ được coi như là những phiếu lãnh gạo. (coupon, ticket).

1

.../-

MẪU A

<p align="center"><b>PHIẾU NHẬP KHO</b></p> <p>BAN KINH-TÀI GIA-LAI          NHẬP CUA O. B.          TÊN HÀNG:          SỐ LƯỢNG:          VÉ KHOẢN:          NGÀY THÁNG NĂM 196          Người giao: Nguyễn Văn...</p>	<p align="center"><b>PHIẾU NHẬP KHO</b></p> <p>BAN KINH-TÀI GIA-LAI          NHẬP CUA O. B.          TÊN HÀNG:          SỐ LƯỢNG:          VÉ KHOẢN:          NGÀY THÁNG NĂM 196          Người giao: Nguyễn Văn...</p>
---	---

MẪU B

<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1964          Thành phố Q. 32</p>	<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1964          Thành phố Q. 32</p>
<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1964          Thành phố Q. 32</p>	<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1964          Thành phố Q. 32</p>

<p><b>PHIẾU ĐỒNG THỰC</b></p> <p>MÀU 65          Một ký          LTKV</p>	<p><b>PHIẾU LƯƠNG THỰC</b></p> <p>GẠO          500 gram          LTKV</p>
<p><b>PHIẾU LƯƠNG THỰC</b></p> <p>MÀU 65          2 ký 500 gram          LTKV</p>	<p><b>PHIẾU LƯƠNG THỰC</b></p> <p>GẠO          Năm ký          LTKV</p>
<p><b>PHIẾU LƯƠNG THỰC</b></p> <p>MÀU 65          2 ký 500 gram          LTKV</p>	<p><b>PHIẾU LƯƠNG THỰC</b></p> <p>GẠO          Năm ký          LTKV</p> <p align="right">CQ 09/253          15-2-66</p>

<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1963          Thành phố Q. 300</p>	<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1963          Thành phố Q. 300</p>
<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1963          Thành phố Q. 300</p>	<p><b>PHIẾU GẠO</b></p> <p>Loại 2          Giá trị 1963          Thành phố Q. 300</p>

MẪU C

MẪU D

1/ Phiếu chuyển thương :

Phiếu chuyển thương là loại phiếu của 1 trạm xá cấp dưới, thiếu phương tiện thuộc hệ quân y hoặc dân y cấp cho I hoặc nhiều cán binh để được đến điều trị tại bệnh xá cao cấp hơn có nhiều phương tiện điều trị hơn.

Một phiếu chuyển thương thường có ghi :

1. Chữ "Phiếu chuyển thương"
2. Loại thương tích (CS chia thương tích ra làm 3 loại "trọng thương" tức vết thương nặng, "trung thương" tức vết thương trung bình, "khinh thương" tức vết thương nhẹ.
3. Trạm phẫu tiếp nhận sơ cứu để giới thiệu lên bệnh xá cấp cao hơn.
4. Tên họ thương binh được giới thiệu.
5. Chức vụ "
6. Đơn vị TĐ, D2 (phải đối chiếu với tài-liệu cùng trường hợp tịch thu mới biết được TĐ2 thuộc TRĐ nào, có khi chỉ căn cứ trường hợp tịch thu cũng có thể biết).
7. Ngày giờ bị thương.
8. Nơi bị thương
9. Phần cơ thể bị thương.
10. Loại vũ khí, đạn dược gây thương tích (mảnh cà nông).
11. Trường hợp bị thương (tác chiến).
12. Ngày đến trạm sơ cứu.
13. Tình trạng vết thương và toàn thân lúc đến trạm sơ cứu.
14. Đã xử lý (giải quyết) về phẫu thuật thuốc men : băng bó, chích ngừa, thay băng.v.v...

7

1 Dân-y.....

2  
Minh

PHIẾU CHUYỂN THƯƠNG SỐ 63. ①

③ Trạm fân Dân-y (BHX). Xin giới thiệu cùng bệnh-xa .....

Đông chí: Phan Văn Hùng ④ tuổi. 20

⑤ Chức vụ: A trưởng

Đơn vị: 72 ⑥ Bị thương lúc: 11 giờ, ngày: 5-5-1968

⑦ Tại: Bả Màng

⑧ Phần cơ thể bị thương: đùi cẳng chân phải ⑨

⑩ Do loại vũ khí: mìn cáng

Trong trường hợp: chiến đấu ⑪

Đến trạm chúng tôi lúc: 9 giờ, ngày: 25-6-1968

⑫ Tình trạng vết thương và toàn thân lúc đến

Đình Nhân Khỏe V.T. Khỏe không mìn. ⑬

⑭ Đã xử lý: (Fẫu thuật, thuốc men).

Thầy Bàng

①

Bệnh xá. 12  
 Dân-y Q.Đà

206 ... TT  
 GIẤY THANH TOÁN ③

4 Họ và tên Nguyễn Lương

5 Chức vụ ...

6 Đơn vị ... 5.6.7

7 Ngày vào viện ... 22.6.68

8 Ngày ra viện ... 30.6.68

9 Tổng cộng ngày ăn ... 7.7

10 Chi phí : Tiền thuốc ...

11 Bồi dưỡng : -IIđ x ...  
 -Iđ x ... 4.50 đ ...  
 -I7đ x ...

Cộng ...

12 Tiền ăn ... 1.80 đ

13 Gạo ăn ... 6.43

14 Ngày tháng năm 196...

15 PHỤ TRÁCH ĐIỀU TRỊ. BỆNH NHÂN

16

D/- PHÂN HƯỚNG DẪN KHAI-THÁC TÀI-LIỆU MIỀN BẮC DO BOM XÂM NHẬP MANG THEO VÀO MIỀN NAM.

I)- TỔNG QUÁT :

Trước đây các tài-liệu xuất xứ từ Miền Bắc chỉ tịch thu được rất ít tại MĐVN, nhưng từ năm 1965 trở về sau khi làn sóng xâm nhập trở nên ồ ạt thì các tài-liệu Miền Bắc bị QLVNCH và Đổng-Minh tịch thu càng ngày càng nhiều. Đa số các tài liệu này thường là các giấy tờ do các cơ quan quân-sự, chính-trị, tài-liệu Đảng-Đoàn do CSBV cấp phát cho cán binh trước khi xâm nhập và một số giấy tờ cá nhân sổ tay, thư từ của cán binh mang từ Miền Bắc vào. Các loại tài-liệu này nhận dạng được rất dễ dàng nhờ nội dung con dấu của nhà sản xuất, hoặc con dấu của cơ-quan đơn-vị tại BV.

Cũng như, các tài-liệu CS tại Miền Nam, những tài-liệu CS xuất xứ từ Miền Bắc cũng gồm 3 loại chính : in (kể cả in roneo), đánh máy và viết tay... Tuy nhiên loại tài-liệu đánh máy rất hiếm, nhiều nhất là các loại in, sau đó đến loại viết tay.

Thông thường nội dung 1 tài-liệu xuất xứ từ Miền Bắc để khai-thác nhờ 2 yếu tố hình thức trình bày và nội dung.

1/ Hình thức trình bày :

a. Tiêu-đề : Hầu hết các tài liệu chính-thức của quân đội CSBV có tiêu đề tiết lộ rõ đó là tài-liệu của "Quân đội Nhân-Dân Việt-Nam" hoặc "Bộ Quốc-Phòng" tại hàng đầu góc trái, đặc biệt là tiêu ngữ "Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa Độc-Lập tự-do Hạnh-Phúc" trên hàng đầu tiếp theo chữ "Quân-đội Nhân-dân" là bí-danh hoặc phiên hiệu của đơn vị (ít khi ngay trang) và số của tài-liệu là chữ QĐ (số \_\_\_\_/QĐ) chữ QĐ, chỉ loại tài-liệu là giấy Quyết-Định. Tiếp theo tiêu đề là tựa đề của tài-liệu.

b. Nhóm chữ ký : Nhóm chữ ký thường gồm có chữ ký, tên, cấp bậc chức vụ của cán bộ ký tài-liệu và ấn dấu của đơn vị ký cấp phát.

Thí dụ : nhóm chữ ký của tài liệu quân sự thuộc SD.316 CSBV trình bày như sau :

Chính Ủy Sư-Đoàn 316  
(ký tên và ấn dấu)

Đại-Tá NGUYỄN-KIẾN

.../-

Nhóm chữ ký của cơ-quan chính-trị (hành chánh) CSBV  
chỉ ghi :

Giám-Đốc Công-Kỹ-Nghệ Hải-Phòng  
( ký tên và ấn dấu)

VANH

c. Ấn dấu đơn vị và độ mật của tài-liệu CSBV :

Ấn dấu được in trên hầu hết các tài-liệu CSBV dù là loại  
xuất xứ từ các cơ-quan quân-sự, chính-trị hay các tổ chức  
hành chánh BV.

Đa số các ấn dấu về hành chánh và quân sự đều có chữ  
"Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa" hoặc "Quân-Đội Nhân-Dân  
Việt-Nam" giữa ấn dấu là danh hiệu hoặc bí danh đơn  
vị cấp phát tài-liệu. Đôi khi các sản phẩm sản xuất  
tại Miền Bắc cũng có ấn dấu cơ-quan sản xuất (Hợp tác  
xã, nhà in "Giải-Phóng", nhà xuất bản Sự-thật v.v...) ấn  
dấu độ mật của tài-liệu CS do cán binh xâm nhập  
mang vào Miền Nam bị ta tịch thu đôi khi có ấn dấu  
"Mật" hoặc "Tối Mật".

Tài-liệu "Tuyệt-Mật" của CSBV từ trước tới nay rất  
ít bị tịch thu tại MNVN.

Thông thường các tài-liệu "Mật" hoặc "Tuyệt-Mật"  
do các cơ-quan quân sự BV như tài-liệu Huấn luyện,  
sổ tay dã chiến (loại sách khổ nhỏ hướng dẫn cách  
làm việc cho cán bộ thí dụ "Sổ tay công tác cán bộ  
Đại-đội", "Sổ tay quân y sĩ" v.v...) được in chữ  
"Mật" hoặc "Tối mật" chứ không ấn dấu.

d. Cách dùng chữ nguy hóa trong tài-liệu :

Các văn thư chính thức của Quân-Đội CSBV thường không  
viết tắt, tuy nhiên những ký hiệu cấp bộ đơn-vị của  
chúng vẫn thường thấy dùng (như a : tiểu-đội ; b :  
trung-đội ; c : đại-đội ; D : tiểu-đoàn ; E : trung  
đoàn ; F : Sư-đoàn).

Trong sổ tay hoặc nhật-ký của các cán binh xâm nhập  
thỉnh thoảng ta cũng gặp lối viết chữ mật nhưng đây  
là lối ký hiệu cá nhân của cán binh (không thống nhất).  
Đôi khi dùng cả chữ Hán hoặc ký hiệu. Thông dụng nhất  
là chữ 大 (Đại), 中 (Trung). Ký hiệu 0 hoặc Ø (để  
thay chữ không) rất phổ thông.

Riêng về cơ-yếu truyền tin, quy ước dùng chữ để thay đầu được CSBV dùng như sau :

AW	:	A	
AA	:	Â	
J hoặc Z	:	Gi	
DD hoặc D	:	Đ	
EE	:	Ê	
OO	:	Ô	
OW	:	Ơ	
W hoặc UW	:	Ư	
F hoặc PH	:	PH	
Q hoặc QU	:	QU	
S	:	/	(sắc)
F	:	\	(Huyền)
R	:	?	(hỏi)
X	:	~	(ngã)
J	:	•	(nặng)

Thí dụ : Traanf lee Nguyeeqx = Trần-Lê-Nguyễn.  
Hair Fongf = Hải-Phòng.

## 2/ Phần nội dung tài-liệu :

Chỉ cần đọc thoáng qua các tiêu đề hoặc đầu đề của tài liệu, ta có thể phân loại ngay được tài-liệu ấy, nhờ yếu tố đặc biệt là chữ dùng bên trong.

### a. Tựa đề và tiêu-đề :

Tựa đề hoặc tiêu đề trên các tài liệu CSBV thường được để lên phần đầu của bài.

### b. Chữ dùng và cách đặt câu :

Nói một cách tổng quát, tài-liệu CSBV để đọc hơn tài-liệu của bọn CSMN về kiểu nói, chữ dùng và cách đặt câu, dĩ nhiên đều giống nhau. Tuy nhiên có 1 số kiểu nói và danh từ chuyên biệt là khác nhau. Thí dụ :

- Nông Trường là trung tâm canh tác quốc doanh ở Bắc-Việt nhưng tại QK5 (Miền Trung Trung-Bộ) bọn CS dùng danh từ "Nông-Trường" để làm mặt danh chỉ đơn-vị cấp Sư-đoàn (thí dụ : Nông-Trường 2, Nông-Trường 3 tức SD2, SD3 của QK5).

- "Công-Trường" là trung-tâm công kỹ nghệ quốc doanh trung tâm xây cất hoặc chỗ đất công cộng ở thành phố (thí dụ : Công-Trường gang thép Thái-Nguyên, Công-Trường Ba-Đình (vườn hoa củ) tại Hà-Nội) nhưng tại Miền Nam danh từ "Công-Trường" được CS dùng làm mặt danh để chỉ đơn vị cấp Trung-Đoàn (ở QK5) hoặc Sư-Đoàn (ở Miền Đông Nam-Bộ).

Ví-dụ : Công-Trường 9, Công-trường 7 v.v...

CSBV còn có danh từ "Lâm-Trường" (Công-trường Miền Núi). Danh từ này được ngụy trang để chỉ nơi đến trong giấy chứng minh xâm nhập vào Cục Bắc lãnh thổ VNCH.

Ví-dụ : Lâm-Trường 10/12 tức MT Khe-Sanh (Tây QL9)  
Lâm-Trường 20/12 (Bắc QL9) v.v...

Thêm vào đó có những chữ dùng đặc biệt của tài-liệu giúp ta phân biệt ngay được xuất xứ tài-liệu của CS BV hoặc của bọn CSMN, thí-dụ :

- "Hội nghị Trung-Ương Đảng" (tức Trung-Ương-Đảng CS BV cơ-quan Trung-Ương của Đảng CS Việt-Nam. Còn cơ quan trung ương của Đảng CS Miền Nam gọi là Trung-Ương-Cục tức 1 cục bộ của Trung-Ương-Đảng CSVN).
- "Quân-Ủy Trung-Ương" (tức cơ-quan trung ương của Đảng CSVN trong hệ quân sự, cơ-quan trung ương của Đảng CS Miền Nam trong hệ quân sự là Quân-Ủy Miền).
- "Bộ Chính-trị" (tức cơ quan chuyên trách về chính trị, đường lối chính-sách cai-trị và đối ngoại của Trung-Ương-Đảng CSBV, bọn CS Miền Nam không có cơ quan này).
- "Công-tác A" (tức công-tác "cung có Miền Bắc") ;  
"Công-tác B" (tức công-tác "giải phóng Miền Nam")  
"Công-tác C" (tức công-tác giúp đỡ nước anh em Lào và Cam-Bốt).

c. Các đặc điểm khác :

Đôi khi ngoài các đặc điểm đề cập ở tiểu mục a và b trên đây, ta còn nhận được các tài-liệu xuất xứ từ Miền Bắc nhờ các tin-tức liên quan đến tài liệu như trường hợp tịch thu và các tin-tức liên quan đến bộ đội CSBV. Thí-dụ như bản đồ ấn hành tại Bắc Việt, sách hướng dẫn xử dụng xe cộ.v.v...

II)- PHÂN LOẠI :

Cũng như tài-liệu CSMN, tài-liệu xuất xứ từ Miền Bắc cũng gồm 3 loại, in (kể cả in ronéo), đánh máy và viết tay; nhưng tài-liệu đánh máy ít được tịch thu tại MNVN, tài-liệu viết tay thường là thư từ liên lạc với gia-đình ở Miền Bắc, sổ tay, nhật ký .v.v...

Riêng loại tài-liệu in của CSBV đa số là các loại giấy tờ quân sự cá nhân có tính cách hành chánh (như giấy chứng minh xâm nhập, bằng tặng thưởng huân chương, thẻ Đoàn viên Đoàn Thanh-Niên Lao-Động, phiếu sức khỏe cá nhân, sổ quân trang v.v...) kể đó là các loại sách hướng dẫn về kỹ thuật lãnh đạo, quản trị, chiến thuật, lề lối làm việc Đảng, Đoàn v.v... sau cùng là các loại báo chí và bản đồ quân sự.

Một vài tài-liệu xuất xứ từ Miền Bắc điển hình được đề cập trong các trang tiếp sau đây :

Y

1/ Giấy chứng minh xâm nhập :

Giấy chứng minh xâm nhập là loại thẻ cá nhân do cấp lãnh đạo CSBV cấp cho từng cán binh trước khi xâm nhập MMVN.

Giấy này có khổ 6 x 10 Cm và rất dễ nhận dạng nhờ các đặc điểm sau :


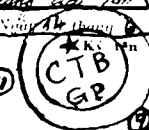

1. Tựa "Giấy chứng minh".
2. Số giấy chứng minh (Nhóm số này là số nguy trang gồm 3 con số trong đó con số đầu cộng với con số cuối luôn luôn bằng 7. Tận cùng của nhóm số là nhóm 3 chữ "TBA" nếu là trước năm 1968 hoặc "CTB" nếu là từ năm 1968 trở về sau).
3. Tên của cán binh xâm nhập.
4. Bí số Đoàn xâm nhập ("Đoàn" viết tắt Đ) tiếp theo là nhóm số gồm 3 hoặc 4 số. Đôi khi có 2 mẫu tự đứng đầu. Đọc nhóm số này có thể phỏng đoán được thời gian xâm nhập căn cứ vào thứ tự ghi nhận được.
5. Số quân của cán binh xâm nhập.
6. Nơi đến : Thường ghi bí danh nhưng căn cứ những bí danh của nơi đến và trường hợp tịch thu được biết các nơi đến chính là :

- Bắc Ân (B45 + B47)	: Đến trạm thuộc Bắc QK5.
- Bắc Kế (B46)	: Đến trạm thuộc QK6.
- Hải-Yến (S8)	: Đến Nam Cao-Nguyên.
- Hải-Yến (S9)	: Đến Đông-Bàng Nam-Bộ.
- B2/S9	: Đến Đông-Bàng Nam Bộ.
- Ông Cù	: Hậu-Cứ Trung-Ương-Cục.

.../-

7. Nhận dạng của cán binh được cấp thẻ. (dấu vết riêng)
8. Ngày cấp (Ngày và tháng không quy hóa nhưng năm thường chỉ ghi đồng loạt 1960. Nhưng từ 1968 trở về sau, giấy chứng minh xâm nhập có ghi rõ các năm 1968, 1969).
- 9 và 10. Tên và chữ ký của cán bộ ký cấp phát từ 1968 trở về trước chỉ có chữ ký của tên Căn. Sau này có nhiều tên khác ký như Nguyễn Xuân-Rục, Dương-ích-Tràng, Chu-Manh-Trường, Đỗ-đức-Yên.v.v...
11. Ấn dấu đỏ CTB-GP (Công tác B Giải-Phóng).
12. Dấu in ngón tay (từ 1968 trở về sau mới có). Thường ở mặt sau, có khi in ngay ở mặt trước.

1

Số 522CTB (2)	<b>GIẤY CHỨNG MINH</b> (1)
Họ và tên Nguyễn ba Dũng (3)	
Đơn vị Đ. 2443 (4)	
Được đến tại JLT-B (5)	
Nhân dạng B2 (6)	
mặt khác: Xa thàng đại 100 (7)	
Ngày 14 tháng 6 năm 1968 (8)	
 (13)	(10)  (11) (12) 

2/ Giấy chứng nhận đeo Huân-Chương :

Loại tài-liệu này do "Bộ Quốc-Phòng" của CSBV dùng để cấp cho cán binh CS được tặng thưởng Huân-chương hình thức trình bày gồm có :

1. Tiêu đề cơ-quan cấp phát.
2. Nhóm số của giấy chứng nhận.
3. Tiêu ngữ "VNDCCH Độc-Lập, Tự-Do, Hạnh-Phúc".
4. Chữ "Giấy chứng nhận đeo Huân Chương" in đậm nét.
5. Tên của cán binh được cấp phát.
6. Ngày và nơi sinh (của cán binh được cấp phát).
7. Loại Huân-chương được cấp phát.
8. Ngày cấp.
9. Nhóm chữ ký của cán bộ ký cấp phát.
10. Con dấu của cơ-quan cấp phát (Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa Bộ Quốc-Phòng).
11. Ảnh hoặc chữ ký của cán binh được cấp phát.

Y

Quân Đội Nhân Dân Việt Nam BỘ QUỐC - PHÒNG	VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Số 338.T-P.331	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐEO HUÂN CHƯƠNG
Đông chi	Lê - Trung
Sinh năm	Năm 1927
Quê quán	Hải Thành - Hải Bè, Nghệ
Đã được thưởng	một Huân chương
chiến đấu	hạng Ba
12 hoặc chữ ký	tháng 4 năm 1958
11	Quốc Phòng

## 3/ Giấy chứng nhận đeo Huân-Chương :

Loại giấy này do Phủ Thủ-Tướng CSBV cấp phát để tặng thưởng cán binh CS, hình thức trình bày như sau :

1. Cơ-quan cấp phát.
2. Số vào sổ của giấy chứng nhận đeo Huân-Chương.
3. Tiêu ngữ : VNDCCH Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Phúc.
4. Chữ "Giấy chứng nhận đeo Huân-Chương" in đậm nét.
5. Tên và họ của cán binh được cấp phát.
6. Năm sinh -nt-
7. Quê quán -nt-
8. Loại huy chương được cấp phát.
9. Ngày cấp phát giấy chứng nhận.
10. Cơ-quan cấp phát giấy chứng nhận.
11. Ấn dấu (triện) "VNDCCH - Phủ Thủ-Tướng".

1

PHỦ THỦ TƯỚNG Số.....	VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐEO HUY CHƯƠNG	
Đồng chí: <u>Nguyễn Tiên Bội</u>	
Sinh năm: <u>1930</u>	
Xã: <u>Quảng Hòa - Quảng Yên - Hải Phòng</u>	
được thưởng Huy chương Chiến Sĩ Vô Danh	
Hà-Nội, nước Việt, tháng 10 năm 1957.	
VĂN PHÒNG CHẾ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐEO HUY CHƯƠNG	
VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA	

4/ Giấy chứng nhận đeo (Huy hiệu Điện-Biên-Phủ) :

Loại giấy này đầu tiên dùng cấp phát cho các cán binh đã từng tham gia chiến dịch "Điện-Biên-Phủ" (1954) :

Hình thức và nội dung khai-thác :

1. Tiêu-đề (QĐNDVN - QK Hữu-Ngan - Đội 23).
2. Số vào sổ của giấy chứng nhận.
3. Tiêu ngữ "VNDCCH - Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc".
4. Chữ "Giấy chứng nhận đeo huy hiệu Điện-Biên-Phủ".
5. Họ, tên của cán binh được cấp giấy chứng nhận.
6. Ngày và nơi sinh -*út*-
7. Loại huy hiệu được hưởng.
8. Ngày cấp giấy chứng nhận.
9. và 10. Chữ ký và tên của cán bộ ký giấy chứng nhận.
11. Ấn dấu của "Đội 23/QK Hữu-Ngan Quân-đội NDVN".
12. Nhận dạng cán binh được cấp phát và ghi chú.

1

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM  
QUÂN KHU HỮU NGÂN  
ĐỘI 23 (1)

VIỆT NAM DAN CHÊ CÔNG HÒA (3)  
độc lập tự do hạnh phúc

Số (2)

GIẤY CHỨNG NHẬN (4)  
( Đeo Huy Hiệu Điện Biên Phủ )

Đang ở (5)  
*Logan's Linn B.T.*

Sinh năm (6)  
Tài (7)  
*1950*  
*Đang ở Logans Linn B.T. H. Langens Coi Bhai Bui*  
Trang Huy Hiệu Điện Biên Phủ (8)

Nhận dạng (12)  
*lo 1 rang huy hiệu*  
*huy hiệu Điện Biên Phủ*  
Ghi chú : Máy này chứng nhận thay (12)  
Máy chứng nhận trước

19 tháng 12 năm 1957 (9)  
ĐỘI 23 (11)  
*THB THOAN*

*Ki. Thoan* (10)

## 5/ Sơ-yếu lý lịch Đảng viên.

Đây loại lý lịch thu gọn do cơ-quan 616/Ban Chấp-Hành Trung-Ương-Đảng CSBV cấp cho các Đảng viên CSBV. Thẻ lý lịch này có giá trị như thẻ Đảng viên vì nó được cơ-quan 616/BCH T.Ư. Đảng (CSBV) cứu xét và cấp. Cán binh mang thẻ này có thể được tham gia sinh hoạt Đảng trong các tổ chức "Đảng Nhân-Dân Cách-Mạng VN". Ngụy trang của Đảng bộ CS tại Miền-Nam.. Hình thức loại sơ yếu lý lịch này là loại thẻ giấy cứng khổ 6 x 10 Cm có ghi rõ lý lịch của Đảng viên được cấp phát.

Nội dung khai-thác gồm có :

Mặt-trước :

- Số hiệu (Số danh bộ Đảng viên) Ya-454.
- Ngày sinh, cấp bậc, chức vụ (2 : Trung-Ủy; CT : ĐĐT).
- Ngày nhập ngũ, nhập Đảng và ngày được trở thành Đảng viên chính thức (nhập Đảng chính thức).
- Chức vụ cao nhất trong tổ chức Đảng : Ủy viên (Ủy viên Đảng ủy Tiểu-Đoàn).

Mặt sau :

- Tình trạng quân ngũ của đương sự.
- Đề nghị bố trí công tác.
- Ghi chú (thêm về lý lịch)
- Ngày cấp thẻ sơ yếu lý lịch.
- Ấn dấu của cơ-quan 616/BCH T.Ư Đảng.
- Nhận dạng (dấu vết riêng).

MẶT TRƯỚC

SƠ YẾU LÝ LỊCH ĐẢNG VIÊN ① 50454-01 ②	
Số hiệu	Ya-454 (Ya-454) ③
Ngày sinh	1926 Cấp bậc CT Chức vụ ĐĐT ④
Nhập ngũ	15 Nhập Đảng 2-48 Chính thức 3-48 ⑤
Chức vụ Đảng cao nhất	Ủy viên ⑥
Khát thân	Đã Bật thân ⑦
Gia đình có vợ 4 người 2 con Tôn giáo không	
Quê quán Tây Ninh, Tân Hiệp, Tân Bình ⑧	
Quan hệ xã hội	
Đã học qua	3 lớp quân sự ⑨
Khen thưởng	2 huân chương chiến công ⑩
Xử luật	⑪

MẶT SAU

Nhận xét	⑫
Đề nghị bố trí công tác	⑬
Ghi chú	khát thân 4-68. Tuổi 4-65 ⑭
Nhận dạng	⑮ Ngày 2 tháng 9 năm 1965
4,56 Cơ 1.100 - -Điền ký hiệu -Điền tên	CƠ QUAN 616 ⑯
⑰	

6/ Giấy giới thiệu sinh hoạt-Đảng :

Dùng cấp cho cán binh trước khi bổ sung cho đơn vị mới (Để tham gia sinh hoạt Đảng tại Đảng bộ của đơn vị được bổ sung). Đây là hình thức giấy giới thiệu sinh hoạt Đảng dùng cho nhiều đơn vị liên tiếp theo hàng dọc thuộc 1 Đại đơn vị hoặc theo hàng ngang hoặc trả về Đảng bộ cũ. Giấy giới thiệu loại này gồm 4 trang khổ 15 x 20 phân. Trang đầu dùng ghi tin-tức liên quan đến Đảng (Đảng tịch) của cán binh được cấp giấy GTSHD, các trang sau dùng cho Đảng bộ nơi đến giới thiệu đến Đảng bộ khác khi đương sự được điều động đi.

Nội dung khai-thác :

- Nơi đến (nơi cán binh mang giấy GTSHD đến trình diện).
- Tên và bí danh của cán binh được cấp giấy GTSHD.
- Chi tiết cần biết về lý lịch của cán binh được cấp giấy.
- Nơi đương sự đã công tác tức đơn vị gốc (BCH Đảng Bộ Phòng Nông-Nghiệp QC).
- Ngày cấp giấy GTSHD.
- Cán bộ Đảng (thuộc Đảng Bộ của đơn vị gốc) ký cấp phát.
- Tên và chữ ký của tên cán bộ ký cấp phát.
- Ấn dấu (BCH Đảng Ủy Phòng Nông-Nghiệp Huyện Quỳnh-Côi, Tỉnh Thái-Bình/ Đảng Lao-Động VN).
- Nhân dạng của cán bộ được cấp phát giấy giới thiệu SHĐ.
- Phần giới thiệu tiếp (trường hợp đương sự được Đảng bộ đơn vị mới đến điều động đi 1 lần nữa sang Đảng bộ của đơn vị khác).

Y

.../-

105/-

**ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**  
 Cơ sở.....  
 Số.....GT/SHĐ

**GIẤY GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG**

Kính gửi.....  
 Đảng chi.....  
 Ngày, tháng, năm sinh.....  
 Được kết nạp vào Đảng ngày.....  
 Được tuyên bố chính thức ngày.....  
 Hiện công tác ở.....  
 Nay đến công tác ở.....  
 Đã đóng Đảng phí hết tháng..... năm 1965  
 Đề nghị giới thiệu cho đồng chí..... được tiếp tục tham gia sinh hoạt Đảng.  
 Kèm theo.....  
 ngày 5 tháng 4 năm 1965

**NIÊN ĐẢNG**  
 Cao.....  
 Dấu vết đặc biệt.....

T.M. Ban.....

Lời dặn: Phải ghi đầy đủ và rõ ràng vào các dòng cần điền. Không gạch xóa, không viết bù trừ mực, nếu chưa phải có xác nhận và đóng dấu.

Số.....GT.SHD      **Kính chuyển**.....

Đề nghị giới thiệu cho đồng chí.....  
 được tiếp tục tham gia sinh hoạt Đảng tại.....  
 ....., ngày tháng năm 196...  
 T.M. Ban.....

Số.....GT.SHD      **Kính chuyển**.....

Đề nghị giới thiệu cho đồng chí.....  
 được tiếp tục tham gia sinh hoạt Đảng tại.....  
 ....., ngày tháng năm 196...  
 T.M. Ban.....

Số.....GT.SHD      **Kính chuyển**.....

Đề nghị giới thiệu cho đồng chí.....  
 được tiếp tục tham gia sinh hoạt Đảng tại.....  
 ....., ngày tháng năm 196...  
 T.M. Ban.....

17

6 bis/ Giấy giới thiệu sinh hoạt-Đảng :

Các Đảng viên CS khi được điều động (thuyên chuyển) từ 1 Đảng Bộ của đơn vị này đến 1 Đảng bộ của đơn vị khác đều được cấp 1 giấy giới thiệu sinh hoạt Đảng để đương sự xuất trình với Đảng bộ đơn vị mới nhận và được Đảng bộ đơn vị mới này nhận cho tham gia sinh hoạt Đảng.

Nội dung khai-thác :

1. Cơ-quan cấp và số thứ tự của giấy giới thiệu (Đảng Lao-Động VN - Ban Chấp Hành Huyện Ủy Quỳnh-Côi; Số : \_\_\_\_\_/GGT.(tận cùng bằng chữ GGT tức chữ tắt của Giấy giới thiệu)
2. Tiêu-Đề.
3. Tựa đề.
4. Thời gian có hiệu lực của giấy GTSHD.
5. Nơi đến.
6. Nơi cấp phát.
7. Tên, cấp bộ đảng của Đảng viên được cấp phát giấy giới thiệu để đi đến đơn vị mới.
8. Đảng bộ đơn vị nơi đến (Đảng Bộ Nhà-trưởng, Sĩ-quan dự bị).
9. Ngày cấp giấy giới thiệu.
10. Nhóm chữ ký.
11. Tên và chức vụ của cán bộ thuộc cơ-quan cấp giấy giới thiệu.
12. Ấn dấu (Ban Chấp hành Huyện Đảng bộ Quỳnh-Côi).

1

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT-NAM BAN CHẤP HÀNH Quỳnh-Côi Số 291 GGT	VIỆT-NAM DÂN CHỦ CÔNG HOA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
<b>Giấy giới thiệu</b>	
(Có giá trị đến hết ngày 15 tháng 7 năm 1964)	
Kính gửi: Ủy ban Chấp hành Huyện Ủy Quỳnh-Côi	
Ban Chấp hành Huyện Đảng bộ Quỳnh-Côi	
Tôi trọng giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn Đức là Đảng viên Việt Đảng bộ Quỳnh-Côi để liên lạc để thảo luận về việc đi... Đảng bộ Quỳnh-Côi... Hệ nghị... chi...	
(Quỳnh-Côi ngày 15 tháng 7 năm 1964)	
BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY CHANH VĂN PHƯỚC Bùi Xuân...	

7/ Thẻ Đoàn viên Đoàn Thanh-Niên Lao-Động Việt-Nam.

Thẻ này dùng cấp cho các cá nhân đã gia nhập "Đoàn Thanh-Niên Lao-Động VN" (Đoàn viên). Thẻ đoàn viên là 1 tập khổ 3 in x 4 in gồm 16 trang chữ in có chừa chỗ trống để điền vào các tin tức liên quan đến đoàn viên.

Khai-thác loại này cần trích ra những chi tiết liên quan đến lý lịch cá nhân; danh bạ, đơn vị, ngày tháng con dấu v.v... để giúp ích tin tức cho trận liệt.

Y

ĐOÀN THANH NIÊN LAO ĐỘNG VIỆT NAM ①

THẺ ĐOÀN VIÊN ④

SỐ ⑤

Họ tên ⑥

Bí danh ⑦

Ngày sinh ⑧

Tên Chi Đoàn ⑨

②

③

⑩

Nhân dạng Cao ⑬

⑭

Ngày cấp thẻ ⑮

Ảnh hay chữ ký ⑯

⑰

⑱


⑲

8/ Sổ lý lịch Sĩ-quan trừ bị của CSBV :

Sổ này được dùng cấp cho các sĩ-quan trừ bị của Quân đội CSBV cả cuốn số gồm 21 trang cỡ 6 x 10 phân.

Khai thác loại sổ lý lịch này cần ghi nhận các trường quan sự đã theo học, sự thay đổi đơn vị, địa chỉ và sự thăng cấp liên tiếp, cán bộ chỉ huy đơn vị của sĩ quan đó.

1

<p><b>QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT-NAM</b></p>  <p>Hân danh</p> <p>Cao : 1m 61</p> <p>Dấu vết đặc biệt : 1 sẹo bên tay phải trái</p> <p>03-1204-66</p>	<p>Họ tên <u>Lê - Trung</u></p> <p>Cấp bậc <u>Thiếu úy</u></p> <p>Chức vụ <u>Trưởng đội trưởng</u></p> <p>Ngày nhập ngũ <u>9-1954</u></p> <p>Ngày xuất ngũ <u>7-9-1960</u></p> <p>Ngày sinh <u>8-1927</u></p> <p>Nguyên quán <u>Hải Lặc - Hải Lặc - Nghệ An</u></p> <p>Ngày 11 tháng 11 năm 1960 SỞ QUẢN LÝ QUÂN QUỐC PHÒNG</p>
--	---

Quân chủng	<u>Luộc quân</u> (12)
Bình chủng	<u>B.B. Bình</u> (13)
Loại sĩ quan	<u>Thiếu tá</u> (14)
Đợt hí hàng	<u>L</u> (15)
Ngày 11 tháng 11 năm 1960 Ký THỦ TRƯỞNG	
F. CHƯỞNG QUẢN LÝ QUÂN QUỐC PHÒNG	
<p>Phan (16) Đ. Văn Phấn</p>	

## 9/ Giấy chứng minh chiến sĩ :

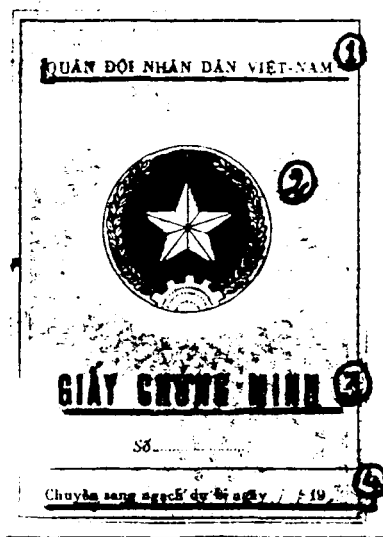
- Loại giấy này được coi như thẻ căn-cước chiến sĩ và được dùng để cấp cho binh sĩ thuộc quân đội CSBV. Đây là một loại sổ nhỏ 22 trang khổ 6 x 10 phân 3 trang đầu ghi tiêu đề, chi tiết liên quan đến lý lịch binh sĩ được cấp giấy và nhóm chữ ký (tên, chữ ký, cấp bậc, chức vụ của cán bộ ký cấp phát) của đơn vị đầu tiên cấp phát các trang kế tiếp dùng để ghi các ngày tháng cấp và chuyển chuyển đi các đơn vị liên tiếp hoặc giải ngũ, thay đổi địa chỉ.

Trang 2 và 22 dùng ghi các thành tích hoạt-động cá nhân (kỹ thuật, khen thưởng), trang 12 dùng ghi các điểm về hạnh kiểm.

- Khi khai-thác thẻ căn cước trên đây chi tiết cần phải ghi :

1. Tên họ của binh sĩ được cấp phát thẻ.
2. Ngày, nơi sinh. -nt-
3. Ngày và cơ quan nhập ngũ. -nt-
4. Ngày và nơi tái ngũ -nt-
5. Ngày cấp thẻ (giấy chứng minh).

1



Họ tên:	<i>Nguyễn Văn...</i>	5
Ngày và nơi sinh:	<i>...</i>	6
Quê quán hiện nay:	<i>...</i>	7
Dân tộc:	<i>...</i>	8
Ngày và nơi nhập ngũ:	<i>...</i>	9
Tái ngũ:	<i>...</i>	10
Cấp phát ngày... tháng... năm 196...	<i>...</i>	11

10/ Sổ sức khỏe :

Sổ sức khỏe dùng cấp cho cán binh thuộc quân đội CSBV, để cơ-quan quân y của đơn vị đương sự ghi và theo dõi tình trạng sức khỏe. Sổ này gồm 47 trang, khổ 12 x 18 phân do Cục Quân-y/Tổng Cục Hậu-Cần/Bộ TTM/CSBV ấn hành và phân phát cho cơ-quan quân y các đơn vị chủ lực CSBV.

Khai-thác loại này cần để ý đến các chi tiết sau đây :

1. Tiêu-đề. (Bộ Quốc-Phòng, TTL Quân-đội NDVN).
2. Chiêu-bài (VNDCCH - ĐL - TD - HP).
3. Chữ "Sổ sức khỏe".
4. Tên họ của cán binh được cấp phát sổ và ngày lập sổ.
5. Vần (chữ đứng đầu của tên).
6. Cơ-quan ấn hành (Cục Quân-Y năm 1963).
7. Phần sơ yếu lý lịch ghi các tin tức liên quan đến cán binh được cấp sổ sức khỏe.
8. Họ và tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh.
9. Quân hàm (cấp bậc).
10. Chức vụ.
11. Đơn vị.
12. Nguyên quán, trú quán.
13. Trình độ văn hóa,
14. Nghề nghiệp cũ (khi còn là dân chính).
15. Ngày nhập ngũ.
16. Gia cảnh, địa chỉ.

Y

BỘ QUỐC PHÒNG - P.T.L. Quân đội nhân dân Việt-Nam	VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Quân lực - P.T.L.
---	--

### SỔ SỨC KHỎE ③

HỌ VÀ TÊN <u>Nguyễn Văn Khoa</u> Ngày bắt đầu ghi...
---

⑦  
 Huyện Văn Yên ⑧  
 sinh 2 năm 1930 ⑨  
 Khu Đông, huyện Văn Yên ⑩  
 địa chỉ 17 ⑪

⑤
---

⑥ CỤC QUẢN LÝ 1967
-----------------------

Huyện Văn Yên, Quốc lộ 12 Cầu Quan, xã Văn Yên, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Đông huyện Yên Bái ⑬ xã Văn Yên ⑭ 6.10.69

- Trước tuổi giờ sinh 1 mẹ già bệnh  
 1 vợ 2 con nhỏ, vì đến 10 giờ chiều về  
 mới nhận được tin s. hàng

⑫

Nguyễn Văn Khoa, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái  
 Văn Yên, Yên Bái

11/ Phiếu theo dõi bệnh trạng của bệnh binh :

Ngoài số sức khỏe, các cán binh đau ốm lâu ngày còn được lập hồ sơ về bệnh trạng để theo dõi cách điều trị của bệnh binh ấy. Thí dụ : "Phiếu theo dõi bệnh nhân sốt rét" cấp cho 1 cán binh thuộc ĐĐ.304 BV :

1. Chữ "Phiếu theo dõi bệnh nhân sốt rét" và số của phiếu.
2. Họ và tên bệnh nhân được lập phiếu.
3. Địa chỉ (đơn vị).
4. Cơ-quan có trách nhiệm theo dõi điều trị.  
(Bộ phận Quân-y/TĐ.D7).
5. Tình trạng trị liệu hàng tháng.
6. và 7. Ngày tháng thử máu và kết quả thử máu.
8. Phương pháp điều trị sau mỗi lần lấy kết quả thử máu.

1

<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;"> <p style="text-align: center;"><b>PHIẾU THEO DÕI</b> <b>BỆNH NHÂN SỐT RẾT</b></p> <p style="text-align: center;">① SỐ 127</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>HỌ VÀ TÊN <i>Trần Văn Bình</i> ②</p> <p>ĐỊA CHỈ <i>ĐĐ.304 BV</i> ③</p> <p>CƠ QUAN THEO DÕI <i>ĐĐ.304 BV</i> ④</p> </div>	<p>⑤ THEO ⑥ ⑦ ⑧</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Tháng theo dõi</th> <th>Ngày lấy máu</th> <th>Kết quả xét nghiệm</th> <th>Điều trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>Tháng thứ 1</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 2</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 3</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 4</td><td></td><td></td><td><i>10 ngày kháng</i></td></tr> <tr><td>-- 5</td><td></td><td></td><td><i>Kháng 6 ngày</i></td></tr> <tr><td>-- 6</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 7</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 8</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 9</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 10</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 11</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 12</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 13</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 14</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 15</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 16</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 17</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>-- 18</td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	Tháng theo dõi	Ngày lấy máu	Kết quả xét nghiệm	Điều trị	Tháng thứ 1				-- 2				-- 3				-- 4			<i>10 ngày kháng</i>	-- 5			<i>Kháng 6 ngày</i>	-- 6				-- 7				-- 8				-- 9				-- 10				-- 11				-- 12				-- 13				-- 14				-- 15				-- 16				-- 17				-- 18			
Tháng theo dõi	Ngày lấy máu	Kết quả xét nghiệm	Điều trị																																																																										
Tháng thứ 1																																																																													
-- 2																																																																													
-- 3																																																																													
-- 4			<i>10 ngày kháng</i>																																																																										
-- 5			<i>Kháng 6 ngày</i>																																																																										
-- 6																																																																													
-- 7																																																																													
-- 8																																																																													
-- 9																																																																													
-- 10																																																																													
-- 11																																																																													
-- 12																																																																													
-- 13																																																																													
-- 14																																																																													
-- 15																																																																													
-- 16																																																																													
-- 17																																																																													
-- 18																																																																													



13/ Biên lai bưu điện :

Biên lai này dùng để gửi tiền hoặc quà biếu cho gia đình và bạn bè của cán binh CSBV bằng hệ thống bưu điện (khi còn ở ngoài Bắc) loại tài-liệu này có thể cung cấp cho ta các tin tức giá trị tình báo về đơn vị xâm nhập và cơ quan hành pháp BV căn cứ trên con dấu bưu điện, hòm thư ghi trên biên lai bưu điện. v.v...

a) Tài-liệu dẫn chứng 1 : (Mẫu A)

1. Ấn dấu của Bưu-điện.
2. Xuất xứ ("Tổng Cục Bưu-điện và Truyền thanh").
3. Tên của tài-liệu ("Biên lai bưu phẩm ghi số").
4. Tên địa chỉ của cán binh.

b) Tài-liệu dẫn chứng 2 : (Mẫu B)

1. Xuất xứ (như trên).
2. Tiêu ngữ BV.
3. Tên tài liệu ("Biên lai nhận chuyển tiền bằng thư chuyển tiền").
4. Tên và địa chỉ của cán binh.
5. Tên và địa chỉ của người nhận.
6. Số tiền được gửi.
7. Cuộc phí bưu điện.
8. Ngày gửi tiền. (1965)
9. Ấn dấu bưu điện.

I

.../-

MẪU A

BD. 32

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN  
 VÀ TRUYỀN THANH  
**BIÊN LAI**  
 BƯU PHẨM GHI SỐ

Họ tên người nhận (1): Nguyễn Văn Cảnh  
 Số nhà: 123 Đường: Trần Hưng Đạo  
 Chủ ở: Tên này ở địa chỉ này

Phần này do nhân viên viết:
 

Loại bưu phẩm	<u>1</u>
Tổng số cước phí	<u>2</u>

1. Người gửi cần ghi rõ họ tên, chủ của người nhận.
2. Khi các bưu cục gửi gói tiếp cho nhau thì phải điền thêm số tiền và trong lương của gói. Nhân dân tuyệt đối không được gửi tiền trong bưu phẩm, mà gửi bằng thư chuyên tiền.
3. Khi gửi chất lỏng, chất mỡ, chất dễ cháy nước, vật dễ vỡ cần hỏi cách gói bọc tại Bưu điện.

MẪU B

VIỆT - NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN LAI**  
 Nhân chứng tiền bằng thư chuyên tiền

Số số 9771 Biên lai số 102

Nhân của Ông, Bà: Nguyễn Văn Cảnh  
51.85

Số tiền (bằng số) 200

Để chuyển cho Ông, Bà: Nguyễn Văn Cảnh

Cước phí của thư: Tỷ lệ

Thư chuyên tiền chỉ được lĩnh trong 1 năm kể từ ngày phát hành, quá hạn do người có sung vào công.

Bưu phí: \_\_\_\_\_  
 TBT, BBT: \_\_\_\_\_  
 Công... 74

Ngày 22 tháng 7 năm 1966  
 KT. Trưởng Nguyễn Văn Cảnh

## 14/ Thẻ cử tri BV :

Loại tài-liệu này có hình thức duy nhất. Mẫu in sẵn có chừa khoảng trống để điền vào bằng chữ viết tay. Loại thẻ này do cán binh CSBV xâm nhập đem vào MN, do đó có thể khai-thác được tin-tức về quân sự hoặc về hành chính BV.

Nội dung thẻ cử tri gồm có :

1. Xuất xứ (UEHC Tỉnh Hà-Tĩnh, Huyện Thanh-Hà).
2. Tiêu ngữ CSMB (VMDCCH-Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc).
3. Nhan đề (thẻ cử tri).
4. 5, 6, 7, 8 (in sẵn).

Chú ý số 7 (nghề nghiệp), nếu là bộ đội thì có đơn vị tiếp theo. Thẻ cử tri bên là của tên Lê-Trọng-Phiến thuộc đơn vị 3200 tức TRĐ.95A/325 xâm nhập vào Phú-Yên hồi 1966. Chính con dấu có chữ QĐNDVN - SD325 - TRĐ95).  
 Xác nhận bí số trên.

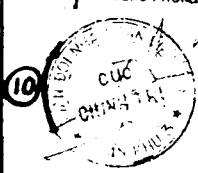
U.B.H.C. HÀ-TĨNH	VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Huyện <u>Thanh Hà</u>	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
XX	<b>THẺ CỬ TRI</b>
Số _____	tuổi <u>24</u>
Họ và tên cử tri <u>Lê Trọng Phiến</u>	nam hay là nữ <u>nam</u>
Dân tộc <u>Việt</u>	Nghề nghiệp <u>Phân công</u>
Chức tước _____	Chức vụ _____
Chữ ký của cử tri _____	Ngày tháng năm _____

## 15/ Quyết-định : (Đề bạt - thăng cấp).

Mẫu tài-liệu bên đây là mẫu điển hình về quyết-định thăng cấp cho sĩ quan thuộc bộ đội CSMB do Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Phòng BV ký. Đối với cấp Hạ-sĩ-quan và binh-sĩ CS cũng dùng các quyết-định nội dung tương tự, nhưng hình thức có 1 vài chi tiết khác nhau.

Nội dung 1 quyết định thăng cấp gồm :

1. Xuất xứ (Bộ Quốc-Phòng).
  2. Số thứ tự của quyết-định.
  3. Tiêu ngữ MB.
  4. Các văn kiện sắc luật tham chiếu.
  5. Cấp bậc mới.
  6. Số quân.
  7. Đơn vị phục vụ.
  8. Chữ ký của Bộ Trưởng Quốc-Phòng hoặc Thứ Trưởng Quốc-Phòng hoặc 1 sĩ quan cấp Tướng thừa-lệnh ký. Ở đây là Trung-Tướng Song-Hào.
  9. Sao y do cán bộ cao cấp (Phó Trưởng Phòng cán bộ QK3 ký).
  10. Cor dấu (Quân đội Nhân-dân QK3/Cục Chính-trị).
- Trung-Tá NGUYỄN-QUANG-VÂN.

<b>BỘ QUỐC PHÒNG</b> ①	<b>VIỆT - NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA</b> ② <small>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</small>
Số 1315 1085 ③	
<b>BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG</b>	
Căn cứ luật số 109/SL - Lit ngày 31-5-58 quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt - nam. Căn cứ Nghị định số 306/TTg ngày 20-6-58 quy định cấp bậc quân hàm biên chế chính thức của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo đề nghị của đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.	
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>	
Điều 1 - Nay thăng quân hàm từ cấp <u>Thiếu tá</u> ④ cho đồng chí: <u>Nguyễn Văn Đồi</u> ⑤ Số hiệu <u>111478</u> ⑥ thuộc <u>Đoàn Địch Bính, Luân Khu 3</u> ⑦	
Điều 2 - Các đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị có trách nhiệm thi hành quyết định này.	
SAC TRƯỞNG PHÒNG CÁN BỘ QK	Ngày 14 tháng 7 năm 1961 <b>BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG</b> Thủ trưởng đơn vị Trung tướng: Song-Hào
	TRUNG TÁ NGUYỄN-QUANG-VÂN

## 16/ Sơ-yếu lý lịch BV (của cán binh xâm nhập) :

Loại tài-liệu này được in tại Miền Bắc do cán binh xâm nhập mang theo vào Miền Nam, gồm 3 trang giấy in với khổ 14 x 19 phân trong đó chia làm 3 phần : Tiểu-sử, quá trình hoạt-động và tình trạng gia đình.

Tài-liệu dẫn chúng dưới đây làm mẫu, để trống, chưa điền chữ.

Xem nội dung, có thể khai-thác được những chi tiết về danh bạ và trận liệt, nhất là của bọn sĩ-quan hoặc cán bộ chính-trị trong quân đội CS.

Y

<b><u>ISO YẾU LÝ LỊCH</u> ①</b>		
Đơn vị:	vào:	
Họ tên đang dùng ②	Họ tên khai sinh	
Bí danh:	ngày sinh	
Cấp bậc:	ngày nhận cấp	
Chức vụ	ngày nhận chức	ngày vào M. N. ③
Ngày nhập ngũ	xuất ngũ	tái đảng: ④
Ngày nhập Đảng, Hoàn	ngày chính thức:	
Chức vụ Đảng cao nhất	chức vụ Đảng hiện nay ⑤	
Dân tộc	Tôn giáo	Văn hóa
Biết ngoại ngữ gì:		
Thành phần xuất thân:		bản thân:
Chiến đấu mấy trận? (tính chất trận đánh, ở cương vị nào? nơi tổng quát)		
Khe thương mấy lần? (tính chất chiến đấu hay công tác (tính từ E trở lên)		
Kỷ luật: (thờ, gian, hình thức, lý do)		
Những lớp huấn luyện đã qua: (quản sự, chỉ huy, chuyên môn, tính từ 6 tháng trở lên)		
Sức khỏe, thương tật:		
Sinh quán:		
Trụ quán:		
Tên cha mẹ và chỗ ở hiện nay:		
Tên vợ, con và chỗ ở hiện nay:		

TỔNG - HẾT

Trên đây chỉ là những loại tài-liệu điển hình và thông thường mà QLVNCH và Đồng-Minh hay tịch thu được, tại chiến-trường Miền-Nam từ trước tới nay.

Còn vài tài-liệu cá biệt của BV hoặc của CSMN như tem thư (cò), huy chương, huy-hiệu, nhãn thuốc v.v..... không được trích dẫn ở đây, vì loại này không có giá trị về tình-báo.

H E T

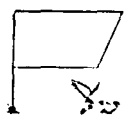
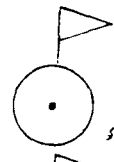

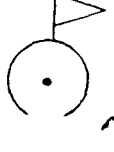














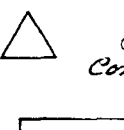
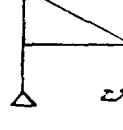
វិធីសាស្ត្រសញ្ញាសម្រាប់ផែនទីកុម្មុយនិស្ត  
PHU-BAN 1 UOC-HIEU QUAN-SU CUA CONG-SAN.

(vẽ lại tài-liệu CS)

Appendix I  
Communist Maps Symbols

	Tổ <i>Cell</i> ក្រុមគ្រួសារ		Tiểu-đội <i>Squad</i> គ្រុឌ
	Đội <i>Platoon</i> គ្រុឌ		Trung-đội <i>Platoon</i> កងត្រីកុល
	Đại-đội <i>Company</i> កងហ្វាន		Tiểu-đoàn <i>Battalion</i> កងហ្វាន
	Trung-đoàn <i>Regiment</i> កងហ្វាន		Lữ-đoàn <i>Brigade</i> កងហ្វាន
	Sư-đoàn <i>Division</i> កងហ្វាន		Chiến-sĩ <i>Soldier</i> យុទ្ធជន
	A Trưởng <i>Squad Leader</i> នាយកគ្រុឌ		A Phó <i>Assistant Squad Leader</i> នាយកគ្រុឌ
	B Trưởng <i>Platoon Leader</i> នាយកកងត្រីកុល		B Phó <i>Assistant Platoon Leader</i> នាយកកងត្រីកុល
	C Trưởng <i>Company CO</i> នាយកកងហ្វាន		C Phó <i>Company Ex O</i> នាយកកងហ្វាន
	D Trưởng <i>Battalion CO</i> នាយកកងហ្វាន		Tiểu-đoàn bộ <i>Battalion CP</i> នាយកកងហ្វាន
	D Phó <i>Battalion Ex O</i> នាយកកងហ្វាន		E Trưởng <i>Regiment CO</i> នាយកកងហ្វាន
	Trung-đoàn bộ <i>Regiment CP</i> នាយកកងហ្វាន		E Phó <i>Regiment Ex O</i> នាយកកងហ្វាន

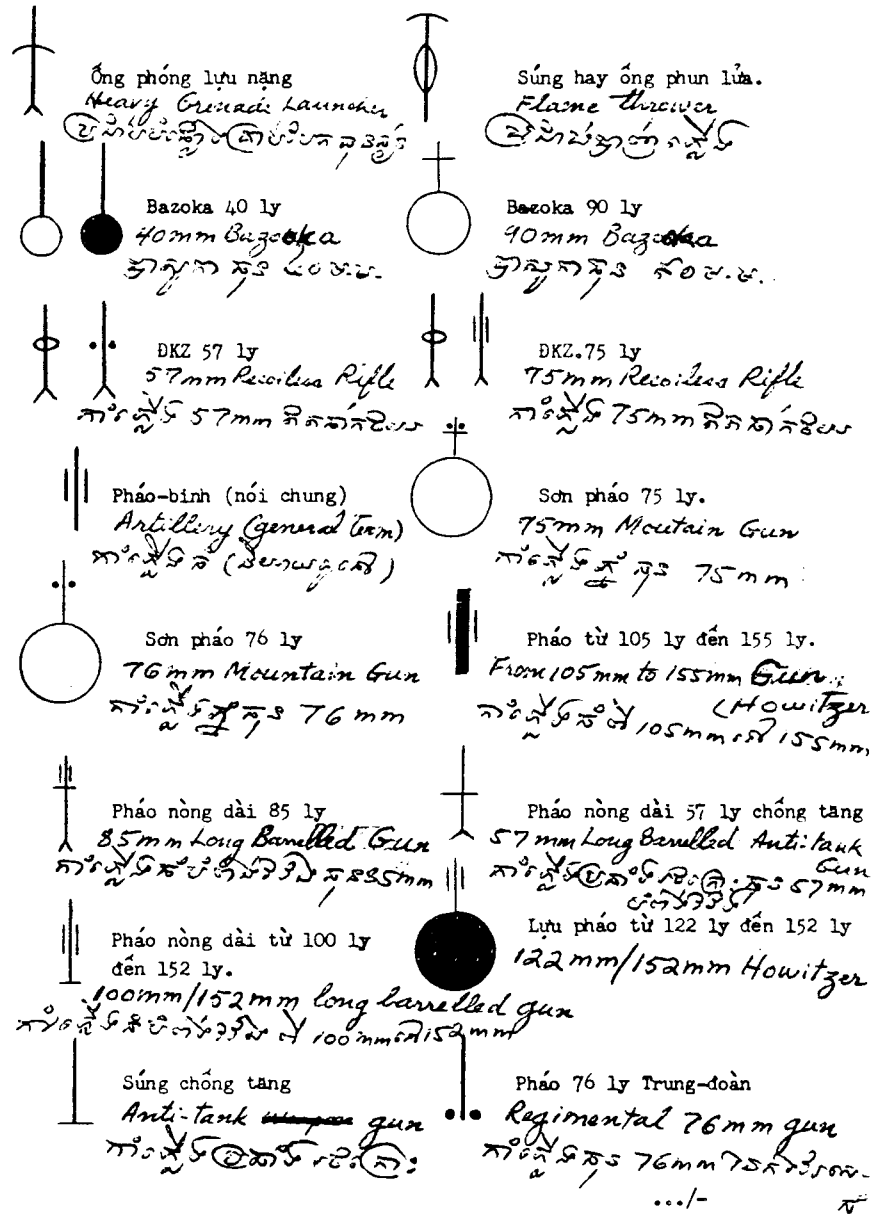
.../-


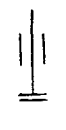
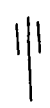
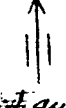






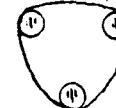

- |   |   |
|---|---|
|  <p>Lữ-đoàn bộ<br/>Brigade CP<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                                   |  <p>F Trưởng<br/>Division CO<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                                      |
|  <p>Sư-đoàn bộ<br/>Division CP<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                                  |  <p>F Phó<br/>Division E &amp; O<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                                  |
|  <p>Chánh-trì-viên (CTV)<br/>Political Cadre<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                    |  <p>Chánh-trì-viên C (CV)<br/>Company Political Cadre<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>             |
|  <p>Phó chánh-trì-viên C (CVF)<br/>Assistant Co Polt. Cadre<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>     |  <p>Chánh-trì-viên D (DV)<br/>Battalion Political Cadre<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>           |
|  <p>Chánh-Ủy E (EV)<br/>Rgt. Political Officer<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                 |  <p>Phó chánh-trì-viên D (DVF)<br/>Assistant Div Political Cadre<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p> |
|  <p>Phó Chánh-Ủy E (EVF)<br/>Assistant Rgt. Political Officer<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p> |  <p>Chánh-Ủy F<br/>Division Political Officer<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                   |
|  <p>Phó Chánh-Ủy F<br/>Assistant Div Pol Officer<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>              |  <p>Quản-lý C<br/>Company Adjutant<br/>Adjutant de Compagnie</p>                         |
|  <p>Tham-Mưu-Trưởng D<br/>Battalion C of S<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                    |  <p>Tham-Mưu-Trưởng E<br/>Regiment C of S<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                       |
|  <p>Quan-Sát Sở C<br/>Company Observation Post</p>                                     |  <p>Chỉ-Huy Sở D<br/>Battalion HQS<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                              |
|  <p>Chỉ-Huy Sở E<br/>Regiment HQS<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                             |  <p>Chỉ-Huy Sở F<br/>Division HQS<br/>လွှဲသောကားကိရိယာ</p>                               |

○	Chiến sĩ <i>Warrior</i> မာရ်တီ	○	Người bán súng trường <i>Rifleman</i> ပုဂ္ဂိုလ်ကိုင်သော မာရ်တီ
○	Người bán tiểu-liên <i>Submachinegunner</i> ပုဂ္ဂိုလ်ကိုင်သော အတုတ်	◁	Thiên xạ <i>Marksman</i> ပုဂ္ဂိုလ်ကိုင်
↑	Người bán trung-liên <i>Automatic rifleman</i> ပုဂ္ဂိုလ်ကိုင်သော အတုတ်	!	Người bán B40 <i>B.40, gunner</i> ပုဂ္ဂိုလ်ကိုင် B.40







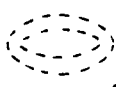

U U - KHÍ WEAPONS မာရ်တီ

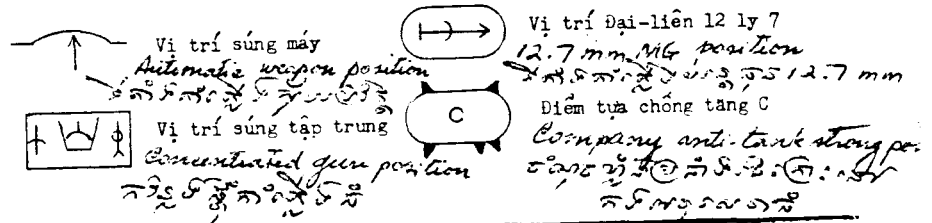
↑	Trung-liên <i>Automatic rifle</i> ကိုင်သော အတုတ်	↑	Súng máy của C <i>Company Automatic weapon</i> ကိုင်သော အတုတ်
↑	Dai-liên <i>Machinegun</i> ကိုင်သော အတုတ်	↑	Trọng liên. <i>Heavy machinegun</i> ကိုင်သော အတုတ်
↑	Trọng liên cao-xa <i>AA Heavy Machinegun</i> ကိုင်သော အတုတ်	☐	Có 60 ly. <i>60mm Mortar</i> ကိုင်သော အတုတ်
☐	Có 81 ly <i>81mm Mortar</i> ကိုင်သော အတုတ်	☐	Có 120 ly. <i>120mm Mortar</i> ကိုင်သော အတုတ်
☐	Ống phóng lựu. <i>Grenade Launcher</i> ပစ်ခတ်စက်	☐	Ống phóng lựu nhẹ. <i>Light Grenade Launcher</i> ပစ်ခတ်စက်



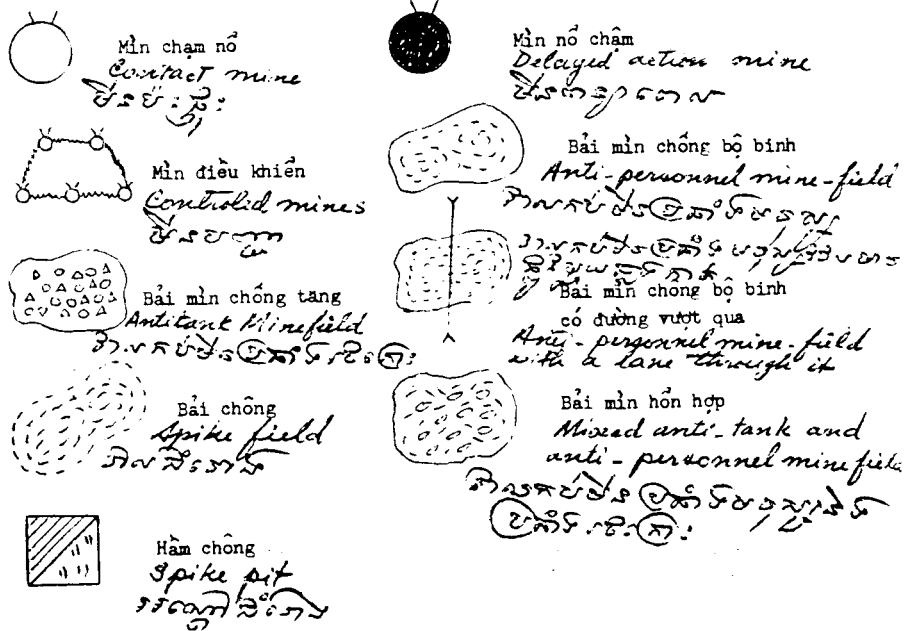
 <p>Pháo 152 ly 152mm <del>field</del> gun כ"מ 152</p>	 <p>Pháo (trên 152 ly) Gun (of a caliber of ...) over 152mm כ"מ (על 152mm) (152)</p>
 <p>Pháo nòng dài từ 85 đến 100 ly. From 85mm to 100mm Long Barrellet gun כ"מ 85 עד 100</p>	 <p>Pháo phòng không AA Gun כ"מ</p>
 <p>Dạn hỏa tiễn Rocket כ"מ</p>	 <p>Mìn Mine כ"מ</p>
 <p>Thủy lôi Water mine כ"מ</p>	 <p>Trung đội súng máy cao xa AA Automatic weapon platoon כ"מ</p>
 <p>Đại-đội súng máy cao xa AA Automatic weapon platoon כ"מ</p>	 <p>Đại-đội pháo 105 ly. Howitzer Company 105mm כ"מ 105</p>
 <p>Tiểu-đoàn pháo 105 ly 105mm Howitzer Battalion כ"מ 105</p>	 <p>Tổ bắn máy bay. AAA Cell כ"מ</p>

וְיָרִי שִׁנְיָ  
Gun Emplacements

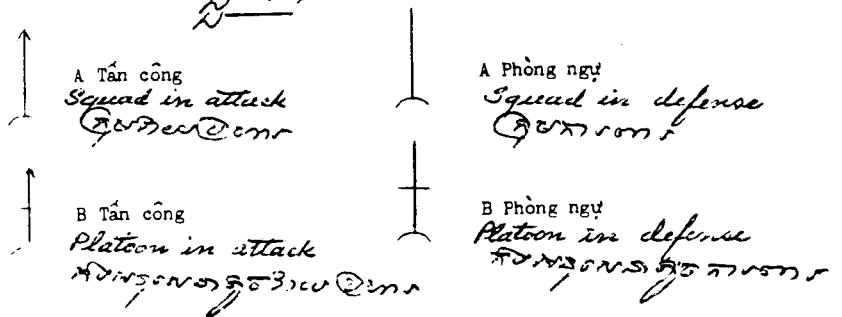
 <p>Vị trí súng cối Mortar position כ"מ</p>	 <p>Trận địa dự bị cối Alternate mortar position כ"מ</p>
 <p>Vị trí pháo từ 105 đến 155 ly 105mm to 155mm howitzer position כ"מ 105 עד 155</p>	 <p>Vị trí pháo Artillery position כ"מ</p>
 <p>Vị-trí pháo dự bị Alternate artillery position כ"מ</p>	 <p>Vị trí pháo tạm thời Temporary Artillery position כ"מ</p>
 <p>Vị-trí dự bị cho 2 khẩu Sơn-pháo Alternate position for two pack howitzers כ"מ</p>	 <p>Vị trí dự bị cho 3 khẩu Sơn-pháo Alternate position for three pack howitzers כ"מ</p>

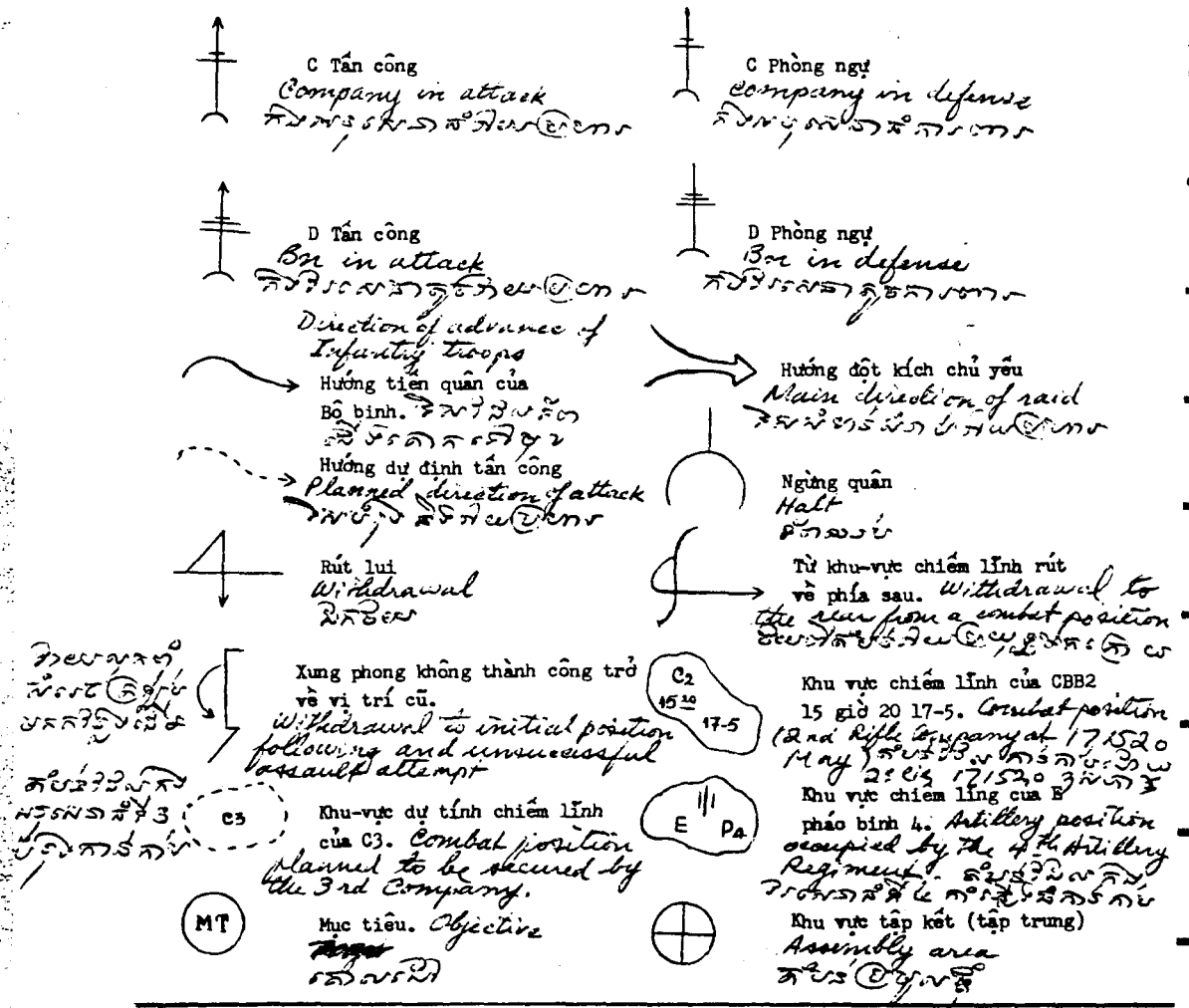


**Mìn, Chông**

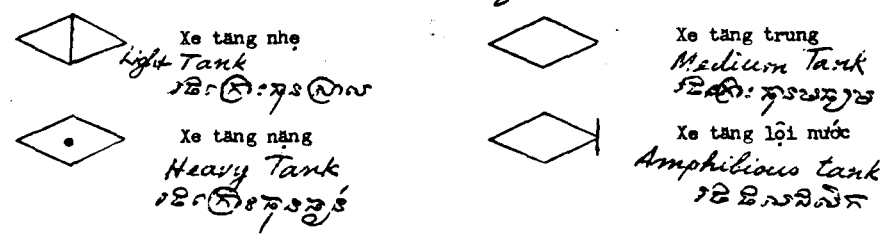


**Formation**  
**ĐỘI - HÌNH**





**THIỆT-GIÁP XA VÀ CÁC LOẠI XE KHÁC**  
**ARMORED VEHICLES and OTHER TYPES OF VEHICLES**  
חזית



	Pháo tự hành Self-propelled gun ကုန်ပစ္စည်းများ		Xe thiết giáp Armored vehi. ကုန်ပစ္စည်းများ
	Xe vận tải thiết giáp Armored transport vehicle ကုန်ပစ္စည်းများ		Automobile Xe hơi ကုန်ပစ္စည်းများ
	Xe cứu thương Ambulance ကုန်ပစ္စည်းများ		Xe hơi lội nước. Amphibious Automobile
	Xe kéo Trug ကုန်ပစ္စည်းများ		Mô tô Motorcycle ကုန်ပစ္စည်းများ
	Máy bay trực thăng Helicopter ကုန်ပစ္စည်းများ		Máy bay cánh quạt (oanh tạc) Fixed-wing aircraft (bomber) ကုန်ပစ္စည်းများ
	Khu thả dù DZ (Drop Zone) ကုန်ပစ္စည်းများ		Sân bay oanh tạc Bomber airfield ကုန်ပစ္စည်းများ
	Không chiến Air battle ကုန်ပစ္စည်းများ		Máy bay phản lực Jet aircraft ကုန်ပစ္စည်းများ
	Máy bay oanh tạc Air bombing ကုန်ပစ္စည်းများ		Tàu đổ bộ Landing craft ကုန်ပစ္စည်းများ
	Tàu tuần tra Patrol ship ကုန်ပစ္စည်းများ		Tàu vận tải Troop-carrier ကုန်ပစ္စည်းများ

DẤU HIỆU LINH TINH MISCELLANEOUS SYMBOLS

	Đường đã mở qua khu nhiễm độc. Way cut through a contaminated area ကုန်ပစ္စည်းများ		Trạm cứu thương Đại-đội Company first-aid station ကုန်ပစ္စည်းများ
	Trạm cứu thương Tiểu đoàn Bn first-aid station ကုန်ပစ္စည်းများ		Trạm đạn dược C Company ammunition point ကုန်ပစ္စည်းများ
	Trạm quân giới D Bn ordnance station ကုန်ပစ္စည်းများ		Trạm quân nhu D Bn Quartermaster station ကုန်ပစ္စည်းများ
	Thương binh WIA ကုန်ပစ္စည်းများ		Trạm tập trung Medical thương binh collecting station ကုန်ပစ္စည်းများ

Pow's of the 4th Company  
2nd Regiment captured by  
us on 3 May

C9/E2  
3-5

Tù binh thuộc C9-E2  
bị ta bắt ngày 3-5



Trại giam  
POW camp  
Trại giam của người Mỹ  
ở vùng này



Lô cốt  
Blockhouse  
Lô cốt



Quan sát số  
Observation Post  
Quan sát số



Nhà máy  
Plant (Factory)  
Nhà máy



Chùa  
Monastery  
Chùa



Nhà  
Tomb  
Nhà



Nơi đã phá  
Destroyed area  
Nơi đã phá



Cột điện  
Electric pole  
Cột điện



Vòng quan sát hóa học  
Chemical Observation Post  
Vòng quan sát hóa học



Nhà ngói  
Tile-roofed house  
Nhà ngói



Đường quốc lộ.  
Road, National Road  
Đường quốc lộ



Trạm thu dụng tù binh  
POW clearing station  
Trạm thu dụng tù binh



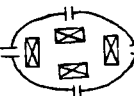
Trạm đạn dược  
Ammunition Depot  
Trạm đạn dược



Chỉ huy sở  
Headquarters  
Chỉ huy sở



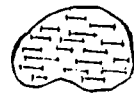
Vòng quan sát bộ binh  
Infantry Observation Post  
Vòng quan sát bộ binh



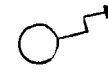
Khu trú mật  
Agroville  
Khu trú mật



Nhà thờ  
Church  
Nhà thờ



Nghĩa địa  
Cemetery  
Nghĩa địa



Trạm thông tin  
Signal Station  
Trạm thông tin



Vòng quan sát công binh  
Engineer Observation post  
Vòng quan sát công binh



Nhà lá  
Thatched house  
Nhà lá



Thành phố  
Town, City  
Thành phố

## PHỤ - BẢN 2

## I.- NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT THƯỜNG GẶP TRÊN TÀI-LIỆU CS.

<b>A</b>	
A, a	1. Chỉ-danh cấp tiểu đội thí-dụ : A5 : tiểu-đội 5 at, a1 (ap), tiểu đội trưởng, tiểu đội phó. 2. Am tự chỉ Miền Bắc thí dụ công-tác A : tức công tác cũng cố Miền Bắc, chiến trường A : tại Miền Bắc.
A160	Đảng viên chính-thức.
A161	Đảng viên dự bị.
ACL	Áp chiến lược.
AD	An đường.
AD	Áp đội.
AN	1. An-ninh. 2. Ăn nuôi (người nấu ăn trong đơn vị).
ATK	An toàn khu.
AT	Chống tăng (Anti-tank). Súng AT tức súng trường K44 có gắn ống phóng lựu chống xe tăng.
<b>B</b>	
B	1. Chỉ danh cấp trung đội. 2. Am tự chỉ Miền Nam thí dụ : Công-tác B tức hành quân chiến đấu tại Miền Nam, chiến trường B tức chiến trường MNVN. 3. Bắc. 4. Ban.
B120	Tổ-trưởng Đảng (tất cả các Đảng viên trong 1 trung đội đều tập trung thành 1 tổ Đảng gồm từ 3 đến 7 tên).
BA	Bảo An (danh từ CS gọi Địa-Phương-Quân của QLVNCH).
BB hoặc B2	Bộ binh.
BF hoặc BBP	B bậc phó tức trung đội phó.
BT hoặc BBT	B bậc trưởng tức trung đội trưởng.
B. BV	1. Ban binh-vận. 2. Ban bảo-vệ (tức An-Ninh).
B.	1. Báo cáo. 2. Biệt-chính (danh từ CS chỉ danh hiệu lực lượng BC/QLVNCH). 3. Biệt-cách.
BH	1. Ban chỉ huy. 2. Bộ chỉ-huy. 3. Ban chấp-hành.
BCHFN	Ban Chấp Hành Phụ-Nữ tức BCH Hội Phụ Nữ Giải-Phóng
BCK	Bán công khai.
CS	Ban cán sự.
BCH HK	Ban cán sự Hoa-Kiều.

.../-

BCT	1. Ban Chính-trị (của 1 BCH đơn vị võ trang cấp TD hoặc TRĐ). 2. Bộ Chính-trị (cơ quan quyết-định về chính-sách đường lối của Đảng, thuộc BCH Trung-Ương Đảng tại Bắc-Việt).
BCV	Ban công-vận tức tuyên truyền vận động công nhân các hãng xưởng.
BD	Bí danh.
BD	1. Bộ đội. 2. Bả dỏ, tức súng trường K44 báng gỗ dỏ.
BDDF hoặc EDDP	Bộ đội địa phương.
BM	Bí mật.
BFR	Bọc phá rào (Bangalore).
B/h	Bí hiệu, biệt hiệu.
BHC	Ban Hậu-cần.
BHL	1. Binh hỏa lực. 2. Ban Huân luyện.
BHP	Bất hợp pháp hoặc bán hợp pháp.
BK	1. Biệt-kích. 2. Biệt-Khu.
BKP	Bích kích pháo.
B.KT	Ban Kinh tài.
BKT TC	Ban Kinh-tế tài chánh (như BKT).
BL	Binh lực.
BMFG	Bảo mật phòng gian.
BN	Bản nóng, bệnh nhân.
b/A	Bệnh nhân.
BQS	Ban Quan-sự.
b/s	Bí số.
BS	1. Binh sĩ. 2. Bổ sung. 3. Bác sĩ.
BT	1. B trưởng tức trung đội trưởng. 2. Bí thư.
B ta	Bê ta, thủ pháo (Pétard).
BT CB	Bí thư chi bộ.
BT Cối	B trưởng cối (tức trung đội trưởng trung đội súng cối).
BTĐU	Bí thư Đảng ủy.
BTHU	Bí thư Huyện ủy.
BTLC	Bí thư Liên chi. thí-dụ : Bí thư Liên chi Tham-Chính tức Bí thư 2 Chi bộ Đảng tại 2 cơ-quan Tham-Mưu và Chính Trị của BCH 1 đơn vị võ trang cấp TRĐ.
BTM	Ban Tham-Mưu.
BTS	1. Ban Trị-sự 2. Ban Trinh-sát.

BTT	Ban Thông-Tin.
BTTU	Bí thư Tỉnh ủy.
BTV	1. Ban Thường-vụ. 2. Ban Thanh-vận (vận động Thanh-Niên). 3. Ban Tài-vụ (quản lý tài-chánh).
BV	1. Bảo-vệ (An-Ninh). 2. Binh-vận. 3. B viên (tức cán bộ chính-trị trung đội).
BVAN	Bảo-vệ An-Ninh.
BVMM	Bảo vệ mùa màng.
BVNB	Bảo vệ nội bộ.
BZK	Bazooka
B1	1. Binh 1 2. Trung đội 1.
B2	1. Binh nhì. 2. Trung đội 2 3. Bộ binh. 4. Chiến trường Nam Tây-Nguyên hoặc chiến trường Miền Đông bằng Nam bộ.

C	1. Đơn vị cấp đại-đội thí-dụ: C3/D7/E101 tức ĐĐ3 TD7/TRĐ101. 2. Mẫu tự chỉ Trung-Ương-Đảng. ví-dụ: Nghị-Quyết C tức Nghị-Quyết của Trung-Ương-Đảng. 3. Chỉ danh Lào và CamBốt, thí dụ công-tác C tức công tác giúp đỡ Lào, Cam-Bốt; chiến trường C tức chiến trường Lào hoặc Cam-Bốt. 4. Cán (ký lô). 5. Cán (thuộc tổ chức lãnh thổ, chỉ 1 liên Huyện hoặc 1 Phân khu) ví-dụ Cán Nhà-Bè, Cán Nam Quảng-Dà .v.v...
C100	Bí số chỉ ủy viên.
C102	Bí số chỉ Phó bí thư chi bộ.
C104	Bí số chỉ Bí thư chi bộ.
CA	Công-an.
CAVIND	Công-An Võ trang Nhân-Dân.
CB	1. Chi bộ. 2. Cán bộ. 3. Công-binh. 4. Cán binh.
CB	Bộ chỉ huy đại-đội.
CB	Chi bộ cơ-quan Quận.
CB	Chi bộ cơ-quan Huyện.
CB	Chi bộ cơ quan Tỉnh.
CB	Cán bộ cơ-yếu (Truyền tin).

CBBC	1. Công-binh, Đặc-công. 2. Cán bộ Đặc-công.
Cf, CF hoặc CBF	C bậc phó tức ĐĐ Phó.
CBHC	Cán bộ Hậu-cần.
CT, ct	C bậc trưởng tức ĐĐ Trưởng.
CBT	Công-Binh Thủy (đánh tàu bè).
CBTH	1. Cán bộ Tuyên Huấn. 2. Cán bộ Tác huấn.
CBX	1. Cán bộ Xã. 2. Chi bộ Xã. 3. Công-binh xưởng.
CC(hoặc C2)	Căn cứ.
CCRD	Cải cách ruộng đất.
CD	Công-dân, chiến dịch (CZ).
CDg	Cấp dưỡng.
CDV	Cấp dưỡng viên.
CD	1. Chi đoàn. 2. Chi đội. 3. Công-đoàn. (tổ chức Đảng đoàn trong công nhân)
c/d	1. Chiến đấu. 2. Cơ-động.
CF(hoặc CP)	C phó tức ĐĐ Phó.
c/g	Chuyên giao.
CH	Chính huấn.
Ch hh hoặc C/h	Chấp hành.
ch/quy	Chính-quy.
CHS	Chỉ huy sở (nơi đặt BCH).
ch/s	Chính-sách.
Ch/sĩ hoặc C/s	Chiến sĩ.
Ch/tr hoặc c/t	1. Chiến tranh. 2. Chiến trường. 3. Chủ trương. 4. Chính-trị
CKN	Công kỹ nghệ.
CKT	Chiến kỹ thuật.
CL	1. Chủ lực. 2. Chiến lược.
CLB	Câu-lạc-bộ.
CLF	Chiến lợi phẩm.
CMMN	Cách mạng Miền Nam.
CN	1. Công nhân. 2. Cố nông. 3. Chính-Nghĩa. 4. Cá nhân. (trung liên cá nhân) Cối cá nhân :M79 5. Cục nhanh (loại súng tiểu liêu Mỹ M16). 6. Chủ nghĩa

CM2	Cá nhân chủ nghĩa (ích kỷ, chỉ biết mình).
CMg	Có nông.
CMh	Công nhân.
CMELH	Công nông Bình Liên Hiệp.
CMLD	Công Nhân Lao-Động.
CMQH	Chủ nhiệm Quân-Quả (lo về Quân-trang).
CMQT	Chủ-Nghĩa Quốc-Tế.
Cn/Thp	Cán thiệp.
CMXS	Cá nhân xuất sắc.
(CMGF hoặc COMOGIPO)	Công Nông Giải-Phóng.
C/Q	1. Chính qui, Chính quyền. 2. Cơ-quan.
C/quét	Cần quét.
CS, c/s	1. Chiến sĩ. 2. Cấp số, cơ-số.
Csố	Cơ-số.
CSYD	Chiến sĩ thi đua (anh hùng cá nhân).
CSVB	Chiến sĩ vệ binh.
CT	1. C Trưởng, tức EB Trưởng. 2. Công-tác. 3. Chính-trị. 4. Chính-thức.(Đảng viên). 5. Công-trưởng. 6. Cử thưởng. 7. Chỉ tiêu. 8. Chiến trường. 9. Chỉ thị. 10. Cải thiện (Kiểm thức ăn ngoài giờ làm việc).
CTCT	Công-tác chính-trị.
CTHC	Công-tác Hạn-cần.
C/Thg	Cử thưởng, chiến thưởng.
CTPW	Công-tác Phòng vệ.
C tr	Công-trưởng.
CTSH	Cải thiện sinh hoạt "Đi cải thiện" tức đi săn bắt đánh cá, hái rau rừng về cho đơn vị ăn phụ thêm khẩu phần chính thức được cấp phát.
CTV	1. Chính-trị viên.(thường gặp) 2. Cán tình viên. (ít khi dùng).
CTTT	C Thông tin (EB Thông-tin).
7, 9	Công tác tuyên truyền. 3 Công-trưởng tức 3 Sư-đoàn của Miền tại Miền Đông.
	1. Chi-Ủy. 2. Chính-Ủy.
	Chỉ huy viên. Thêm thêm tiếng chim Cá kêu 2 tiếng(để làm ám hiệu nhau nhau).

CV	1. C viên tức chính-trị viên đại-đội. 2. Chức vụ 3. Công-văn. 4. Công-vận.
CVF	C viên phó tức chính-trị viên phó Đại-đội.
CVT	C viên trưởng tức Chính-trị viên Trưởng Đại-đội.
CX	Công Xưởng.
CY	Cơ yếu.
C2	1. ĐĐ.C2 2. CC tức căn cứ.

**D**

D	Chỉ danh đơn vị cấp Tiểu đoàn (thí dụ D3 : Tiểu Đoàn 3).
D90	Bí số chỉ Xã ủy viên.
D96	Bí số chỉ Phó bí thư xã.
DB	Dự bị (Đảng viên)
DF(hoặc DBP)	D bậc phó tức Tiểu-đoàn Phó.
DT hoặc DBT	D bậc trưởng tức Tiểu-đoàn Trưởng.
D. Bộ	Bộ-chỉ huy Tiểu-đoàn.
DC	1. Dân công. 2. Dân chủ.
DD	Dân Đảng.
DK	1. Du kích. 2. Súng DK tức súng không giật, DK57, 75.
DK áp	Du kích áp.
DKB = DKB	ám tử chí loại hỏa tiễn L22 ly.
DKBM, DKm	Du kích bí mật, du kích mật.
DKC, DKCT	Du kích chiến, du kích chiến tranh.
DKThôn	Du kích thôn.
DK TL	Du kích thoát ly. (rời địa phương)
DKTN	Du kích tại nghiệp (ít gặp).
DKX	Du kích xã.
DQ	Dân quân.
DQTV	Dân quân Tự-vệ.
DSDC	Dân sinh dân chủ. (quyền lợi dân chúng)
DSDM	Dũng sĩ diệt Mỹ.
DSDT	Dũng sĩ diệt tăng.
DT	D. Trưởng tức Tiểu-đoàn Trưởng.
DV	1. D viên tức Chính-trị viên Trưởng Tiểu-Đoàn. 2. Dân vận.
DVT	D viên Trưởng tức CTV trưởng Tiểu-Đoàn.
DVF	D viên phó tức CTV phó Tiểu-đoàn.
DY	Dân y.

#E)

D2	Điện đài.
D hoặc Đa	Đang.
D hoặc Đo	Đoàn.
ĐaV	Đảng viên.
ĐoV	Đoàn viên.
ĐB	Đại biểu.
D Bộ	1. Đoàn Bộ tức BCH tổ chức Đoàn Thanh-Niên. 2. Đảng Bộ.
ĐC, đ/c	1. Đặc công. 2. Đồng chí.
ĐĐ	1. Đại-đội. 2. Đảng đoàn. (ít dùng).
d/f	1. Đánh phá. 2. Địa phương. 3. Đoàn phó (đơn vị) thí dụ: TRĐ.101A/PK1 có danh hiệu là Đoàn Thừa-Thiên; Trung-Đoàn Trưởng TRĐ này gọi là Đoàn Trưởng, Trung-đoàn Phó gọi là Đoàn Phó.
d/fòng	Đề phòng.
ĐFGP	Đảm phụ giải phóng (thuế).
ĐFNQ	Đảm phụ nuôi quân (thuế).
ĐP = DF	Thuế đảm phụ địa phương.
ĐPQ hoặc ĐFQ	Địa phương quân.
ĐH	1. Định hướng. (Mìn Claymore của CS). 2. Đại hội.
ĐH5, 7, 10	Loại mìn ĐH của CS loại 5 ký, 7 hoặc 10 ký.
ĐK hoặc ĐKZ	Đại bác không giật : ĐK57, 75.
ĐKB, ĐKZB	Ký hiệu gọi hỏa tiễn 122 ly.
ĐK66	-nt-
đ/kiện	Điều kiện.
ĐL	1. Độc lập 2. Đại liên (mạnh hơn thưng liên)
ĐLĐVN	Đảng Lao-động Việt-Nam (tức Đảng CS).
ĐLĐCHBT	Tiểu ngữ CSMM (MTGP) Độc Lập Dân-Chủ Hòa-Bình Trung-Lập.
ĐNDCMVN	Đảng Nhân-Dân Cách Mạng Việt-Nam. (Danh hiệu Đảng Bộ Công-sản tại Miền Nam).
ĐQ	Đề quốc.
ĐTNCP	Đoàn thanh niên giải phóng (Miền Nam).
ĐTNLB	Đoàn Thanh-niên Lao-động (Miền Bắc).
Đoàn TNDCM	Đoàn Thanh-niên Nhân-Dân Cách Mạng (Miền Nam)
Đoàn TNXF	Đoàn Thanh Niên xung phong.
đ/tranh	Đấu Tranh.
đ/tr CT	Đấu tranh chính-trị.
đ/tr QS	Đấu tranh quân sự.

D.U ĐULĐ DV  DVDB DVCT DV, DV, HV DV hoặc đ/vị	Đảng Ủy. Đảng Ủy Dân Đảng. 1. Đảng viên. 2. Đoàn viên. 3. Dịch vụ.  Đảng viên dự bị. Đảng viên chính thức. Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên. Đơn vị.
<b>E</b>	
E  E73 E75 E77 E79 E Bộ	Chỉ danh đơn vị cấp Trung-đoàn thí dụ: E101 tức TRĐ.101. Liên chi ủy Thương-vụ liên chi. Phó bí thư Liên chi. Bí thư Liên chi. BCH Trung-đoàn.
<b>F</b>	
F  F Bộ F/châm FDT fdtđ FF, FFáp, F2  F n2  F/K  fn FNCL F vụ  FT, Ft  FP hoặc FF FV	1. Chỉ danh đơn vị cấp Sư-đoàn thí dụ F325 (Sư đoàn 325). 2. F viết tắt chữ "Fản động" thí dụ lực lượng F tức lực lượng phản động. Mẫu tự này CS dùng chỉ lực lượng của phe địch tức đối phương của chúng. Tài-liệu hay gặp ý nghĩa này. 3. Fâu, Fâu thuật (quân y). 4. Trận địa pháo (nơi đặt trong pháo hoặc súng cối) thí dụ F1, F2 tức vị trí đặt pháo 1, 2...)  Bộ chỉ huy Sư-đoàn. Phòng chăm. Phân đoàn trưởng. Phát động thi đua. Phương pháp (P Pháp).  1. Phòng Hóa-học 2. Phòng hóa học.  1. Pháo kích. 2. Phục kích. 3. Phản kích.  Phòng ngự. Phòng ngự chiến lược. Phục vụ.  1. F Trưởng tức Sư-đoàn Trưởng 2. Phong trào.  F Phó tức Sư đoàn phó. Chính ủy Sư-đoàn.

**G**

G	Giờ G
G60	Bí số Đảng ủy viên cấp Tỉnh.
G63	Bí số chỉ Thường-vụ Đảng ủy cấp Tỉnh.
G65	Bí số chỉ Bí thư Đảng ủy cấp tỉnh.
G66	Bí số chỉ Phó bí thư Đảng ủy.
GBV	Giao Bưu vận.
g/c	Giai cấp.
g/d	Giai đoạn.
GĐBS	Gia đình binh sĩ.
GL	Giao liên.
GP hoặc GF	Giải phóng . Tài-liệu quân y : Giải phẫu..
GPDT	Giải-phóng Dân tộc.
GPQ	Giải phóng quân.
GPQMN	Giải phóng quân Miền Nam.
g/q	Giải quyết.
Giấy GT	Giấy giới thiệu.
GT hoặc gi/th	Giao thông (còn viết là Zt)
GTVT	Giao thông vận tải.
GTC	Giao thông chiến,túc phục kích các đoàn xe, tàu.

**H**

H	<ol style="list-style-type: none"> <li>Huyện.</li> <li>Mẫu tự chỉ loại hỏa tiễn ví dụ H12 = HT107 ly.</li> </ol>
H52	Bí số chỉ Huyện ủy viên.
H54	Bí số chỉ Thường vụ Huyện Ủy.
H56	Bí số chỉ Phó bí thư Huyện Ủy.
H58	Bí số chỉ Bí thư Đảng Ủy.
HB	Hòa-Bình.
HBCS	Hòa-bình chung sống.
HC	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hầu-cần.</li> <li>Hành chánh.</li> <li>Hầu-cứ.</li> <li>Huân chính.</li> <li>Huân chương.</li> </ol>
HD	<ol style="list-style-type: none"> <li>Huyện đội</li> <li>Huyện Đoàn (Thanh-Niên).</li> <li>Hội Đồng.</li> <li>Hợp đồng (Hợp đồng tác chiến)</li> <li>Hoạt-động.</li> <li>Hành động.</li> </ol>
HCCCTT	Hội đồng cung cấp tiền tuyến.
HCCCTF	Hội đồng cung cấp tiền phương.
HCV	Chính trị viên Huyện đội.
HCF	Huyện đội phó.
HCKT	Hội đồng khen thưởng.

HĐQN	Hội đồng quân nhân.
HĐT	Huyện đội Trưởng.
HĐTĐ	Hội đồng thi đua.
HF	1. Hợp pháp. 2. Hậu-phương.
HF lớn	Hậu-phương lớn.
HGDBSYN	Hội Gia-đình binh sĩ yêu nước.
HH, H2	1. Hóa học. 2. Hôn hợp. 3. Hàng hóa.
HSSVCP	Hội Học sinh, Sinh viên Giải-phóng.
HLĐGP	Hội Lao-động giải-phóng.
HT	1. Hòm thư, Hộp thư. 2. Hóa tốc. 3. Huấn thị. 4. Hóa tiến.
HTĐ	Hữu tuyến điện.
HTNGPMNVN	Hội Thanh-niên giải-phóng MN.VN (gọi tắt là Thanh-Hội).
HTX	Hợp tác xã.
HU	Huyện Ủy
HUV	Huyện Ủy viên.
HPNGPMNVN	Hội Phụ Nữ giải phóng Miền Nam VN (gọi tắt là Phụ-Hội).
Hội NDGPMNVN	Hội Nông-Dân Giải-phóng MNVN (gọi tắt là Nông-Hội).
Hội Mẹ	(Hội Mẹ chiến sĩ túc (Hội Bà Mẹ các chiến sĩ giải phóng

J41	Bí số chỉ Tỉnh Ủy viên.
J45	Bí số chỉ Thường vụ Tỉnh-Ủy.
J49	Bí số chỉ Phó bí thư Tỉnh Ủy.
J53	Bí số chỉ Tỉnh Ủy.
J/t = zt	Giao-thông.
J/d	Gia đoạn.

K (mật tự)	1. Huyện (tại Miền Núi). 2. Khu (lãnh thổ) Khu (khu vực). 3. Đơn vị cấp Đại-đội hoặc Tiểu-đoàn. 4. Bệnh xá của Miền. 5. Kho.
KACS	Công-An Cảnh sát.
KBB	Kỵ Binh bay (chỉ SD1 Không Kỵ Hoa-Kỳ).
KC	Kháng chiến.

KĐ	Khẩu-đội.
K/h	Kế hoạch.
KL	Kỷ luật.
K lo oat	Ký lô watt.
KK hoặc K2	1. Khó khăn (Kh2). 2. Kiểm kê.
KM = C/m	Cách mạng.
K/ng	Khả năng kinh nghiệm.
K/nh	Kiểm nhiệm.
KT	1. Kinh-tế. 2. Kinh-Tài. 3. Kiểm-tra. 4. Ký thay. 5. Kết toán. o. Kỹ thuật. 7. Khai-thác.
KT, KT, K2	Kiểm tra kỹ thuật.
KTTC	Kinh-tế tài-chánh.
KU	Khu Ủy.
KUV	Khu Ủy viên.

**L**

LD	1. Lao-động. 2. Liên đoàn. 3. Liên đội.
Lđ	Lãnh đạo.
lđsx	1. Lãnh đạo sản xuất. 2. Lao động sản xuất.
LHSVHSGPMN	Hội Liên hiệp Sinh viên Học-sinh GPMN.
LL, L2	Lực lượng. Liên lạc.
LLL = L3V	Lề lối làm việc.
LM	Liên Minh (LMDTCHBVN)
LNTT	Lớp nghèo thành thị.
LQ	Lục quân.
LR	Làm ruộng.
L sĩ	Liệt-sĩ.
L.T	1. Lập trường. 2. Lớp trên. 3. Lớn tuổi. 4. Liên thanh.
L.T	Lực lượng võ trang.

**MI**

M	Mục tiêu, thí dụ M1, M2, (Mục tiêu 1, 2).
MB	Miền Bắc.
MEH	Mỏ Định Hướng.
MG	Mặt-giao.
MKNLD	Mất khả năng lao-dộng (trong lý lịch).
MM hoặc M2	Mặt-mã.
MNVN	Miền Nam Việt-Nam.
MSCD	Mất sức chiến đấu (lý lịch).
MT	1. Mục tiêu. 2. Mặt trận. 3. Mã thám.
MTDTGPMNVN	"Mặt trận Dân-tộc Giải-phóng MNVN".
MTTQVN	Mặt-trận Tổ-Quốc Việt-Nam.
MYVD	Mục tiêu vận động.

**NI**

N	1. Nam, 2. Ngày N, 3. Ký hiệu chỉ thuốc nổ.
NB, ng/b	Nghị binh.
NC, n/cốt	Nòng cốt (Đảng).
ND hoặc Nh D	Nhân-dân.
ND	Nghiệp đoàn, nghị định.
NH	Nông-hội.
Nh/V	1. Nhân-viên. 2. Nhiệm vụ.
NK	Nhân-khẩu.
Ng	Người, ngày.
NN, N2	1. Nông-Nghiệp. 2. Nhập ngũ.
NPLA	Nam Phụ Lão Ấu.
N Q	1. Nghị quyết. 2. Nuôi quân. 3. Nội qui. 4. Ngụy quân. 5. Ngụy quyền.
NQT	Nghị-quyết.
NT	1. Nông-trường. 2. Nam-Trường (TUC. MN). 3. Nông-thôn.
NTP	Nông, Thanh, Phụ (3 Hiệp hội GP).
NTPHội	Nông, Thanh, Phụ Hội.
NTT	Nam Triệu-Tiến.
NV	1. Nhiệm vụ. 2. Nông-vận. 3. Nghĩa-vụ.
NVQS	Nghĩa-vụ quân sự.
NX	Nụ xoe (ngôi nỏ).

O, <u>O</u> OHP ø, ø	Không. Không hợp pháp tức bất hợp pháp. Trung; thí dụ ø liên; ø đội.ø Đoàn
P2 = F2 PB  PBT hoặc F.BT PBTCB PBTCU PBTHU PBTTU PBTKU PBTXU PBT	Phương pháp (xem thêm văn F). 1. Phân ban. 2. Pháo binh.  Phó bí thư. Phó bí thư chi-bộ. Phó bí thư chi ủy. Phó bí thư Huyện ủy. Phó bí thư Tỉnh ủy. Phó bí thư Khu ủy. Phó bí thư Xã ủy. Phân-đoàn trưởng (Đảng-Đoàn). Phân-đội-Trưởng (đơn vị chuyên môn).
ph/cấp ph động, F/động PK, PK PKU PKUV PKN	Phiên cấp. (phiên hiệu và cấp bộ đơn vị). Phát-động. Phân khu. Phân khu ủy. Phân khu ủy viên. Phân khu Nam (thuộc QK5).
PN	1. Phụ Nữ. 2. Phú-Nông.
PV	Phòng-vệ.
Q	Quân. Mật-tự chỉ cấp trung-đoàn của CT9, hoặc Phân khu hồi 1968.
Q2	Quê quán.
QB	1. Quân-báo. 2. Quân-but.
QC, q/c q/d	Quần chúng. Quan điểm.
	1. Quân-đội. 2. Quyết-định.
	Quan hệ (liên lạc với). Quân-giới.
	1. Quân khu. 2. Quân khí (quân cụ).
QU	Quân Khu Ủy thí dụ : QK03, Quân khu Ủy QK3.
	1. Quân-lý 2. Quân-lực. 3. Quân-Lương.

QN	Quân-Nhu (quân trang).
QP	Quốc-Phòng.
QS, q/s	1. Quân-sự. 2. Quân-số.
QT	1. Quyết-tâm. 2. Quốc-tế.
QTCL	Quyết-tâm chiến lược.
QU	Quân Ủy. Ví dụ : Quân-Ủy Miền.
QUTW	Quân-Ủy Trung-Ương (tức Đảng ủy quân-sự Trung-Ương trong Quân-đội CSBV).
QUM	Quân-Ủy Miền (tức Đảng ủy Quân-sự trong BCH Miền)
QY	Quân-Y.
QY/C2	Quân-Y, cấp cứu.
QYS	Quân-Y sĩ.
<b>R</b>	
R	Mật-tự chỉ Trung-Ương-Cục Miền Nam.
<b>S</b>	
S	Ký hiệu chỉ loại đạn nhọn.
S/C	1. Sài-gòn/Chợ-Lớn. 2. Sửa chữa (máy móc, vũ khí) 3. Sơ-cấp.
SC	Súng cối.
SHF	Sinh-hoạt phí.
SK	Sức khỏe.
SL	Số lượng.
SM	Súng máy.
SN	Súng ngắn (súng lục).
ss CD	Sẵn sàng chiến đấu.
ST	Sưu tầm.
STTI (hoặc ST3)	Sưu tầm tin-tức.
SVHS	Sinh-viên, Học-sinh.
SX	Sản xuất.
<b>T</b>	
T (mật-tự)	1. Đơn vị cấp Tiểu-đoàn.(tại V3CT). 2. Quân-Khu, Khu (thí dụ T2, T3. v.v...) 3. Sĩ-quan cấp Tá thí dụ T1 : Thiếu-Tá; T2 Trung-Tá; T3 Thượng-Tá.
T Ủy	Khu-Ủy.
T. Ủy viên	Khu Ủy viên.
TB	1. Tù binh. 2. Thương-binh. 3. Tỉnh-báo. 4. Tân-binh. 5. Trang bị.

TBB	Thương-bình-bình.
TBNVQS	Tân-bình Nghĩa-vụ Quân-sự.
TBTS	Thương-bình tử sĩ.
TC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ-chức.</li> <li>2. Tác chiến.</li> <li>3. Tiêu chuẩn.</li> <li>4. Tấn công.</li> <li>5. Tăng cường.</li> <li>6. Tài-chánh.</li> </ol>
TCK	Tổng công kích.
TCK - TKN	Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa.
TD	Thu Dung (thu nhận dung nạp).
TDPL	Thu Dung phân loại.
tđ, t đo	Tiểu-đội.
TĐ, Tđoa	Tiểu-đoàn.
TEB	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tỉnh đội bộ (BCH Tỉnh đội).</li> <li>2. Tiểu-đoàn Bộ (BCH Tiểu-đoàn).</li> </ol>
TFXH	Thành phần xã hội.
TGSX	Tang gia sản xuất.
Tg K, THK	Thương-Khẩn.
TK	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tối khẩn (loại công điện hoặc chuyên công văn).</li> <li>2. Tập kích.</li> <li>3. Tấn kích.</li> <li>4. Tập Kết.</li> </ol>
TH	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tác Huấn.</li> <li>2. Tuyên-Huấn.</li> </ol>
THB	Tù hàng binh.
Th V	Thương vong, Thương-vụ.
TL	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trung-lập.</li> <li>2. Thừa-lệnh.</li> <li>3. Theo lời.</li> <li>4. Trợ lý (hay gặp).</li> </ol>
TLCB	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trợ lý cán bộ.</li> <li>2. Trợ lý công-binh.</li> </ol>
TLCT	Trợ lý chính-trị.
TLCS	Tự lực cách sinh.(chính sách).
TMTC	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trợ lý tổ chức.</li> <li>2. Trợ lý tác chiến.</li> </ol>
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tham-Mưu.</li> <li>2. Tuyệt mật hoặc tối mật.</li> <li>3. Thay mật.</li> </ol>
TMF	Tham-mưu Phó. ví-dụ TMFE; Tham-Mưu-Phó Trung-Đoàn
TMZ	Tham-Mưu-Trưởng.

TN	1. Thanh-niên. 2. Trung-nông (lý-lich). 3. Tỉnh nguyên. " 4. Tái-ngũ "
TNCD	Thanh-niên chiến đấu (của VNCH).
TNCH	Thanh-Niên Cộng-Hòa ( "-- )
TNGP	Thanh-niên Giải-Phóng (của CS).
TNLD	Thanh-Niên Lao-Động.
Thanh-Lao	-nt-
TNM	Trung-Nông-mới.
TNXP	Thanh-niên Xung-Phong.
TP	1. Tiền Phương 2. Thành phần.
TPBT	Thành phần bản thân. (lý lịch).
TPXT	Thành phần xuất-thân (lý lịch).
TPID	Tán phát truyền đơn.
TPV	Thạnh, Phụ Văn.
TQ	1. Tổng quát. 2. Tổ-quốc. 3. Trung-Quốc 4. Tỉnh, Quận. 5. Tự-quyết.
Tr đ	Trung đội.
TRĐ	Trung đoàn.
TS	1. Trinh-sát. 2. Tổng số. 3. Tư-sán. (lý lịch)
TSVT	Trinh-sát Võ-trang.
TSEC	Trinh-sát Đặc công.
TSCĐ	Trinh-sát chiến đấu.
TSTD	1. Trinh-sát thực địa. 2. Trinh-sát trắc địa.
T sĩ	Tử sĩ.
TT hoặc T2	1. Tư-tướng. 2. Thông-tin. 3. Tuyên truyền. 4. Tổ trưởng. 5. Thủ trưởng. 6. Tiểu tổ. 7. Tiểu thương. 8. Tiếp tế. 9. Tự túc. 10. Tự trị. 11. Thị trấn. 12. Trung-Thương.

TC - TD	Tổng tấn công - Tổng nổi dậy.
TCSB	Thông tin chạy bộ.
TCT	Thủ trưởng Chính-trị.
TK	Tổng thư ký.
TLL	Tổng Tư-lệnh.
TLL, 22 22	Thông tin, Liên lạc.
TLS	Tiền tư-sàn.
TTPB	Thông-tin vận động (chạy bộ).
TR	1. Trung-ương. 2. Tỉnh ủy. 3. T. Ủy (tức khu ủy thí dụ: T ủy B).
TRC, TRC	Trung-ương-Cục.
TRV	1. Tỉnh ủy viên. 2. Tỉnh ủy viên tức khu ủy viên.
TV	1. Tự vệ. 2. Thường-vụ. 3. Thường-vận. 4. Tài-vụ.
TVCK	Tự vệ chiến đấu xã.
TVC	Tuyên văn giáo.
TVM	Tự vệ bí mật.
TVM	Tự vệ mật (đồng nghĩa với TVM).
TVM	Tự vệ ngầm.
TVMĐ	Tự vệ Nhân-Dân.
TVMĐ	Thường-vụ Quân-ủy. Thường vụ quân ủy.
TR, TR	Trung-ương (Đang tại BV).
TX	1. Thị-xã. 2. Trại-xã (bệnh xá).
TRP (hoặc TRP)	Trạm xá Hậu-Phước.
TRP (hoặc TRP)	Trạm xá Tiền-Phước.
TRT	Thị xã thị trấn.

**U**

U	Mật tự chỉ cấp Tỉnh (tại Nam Bộ). ví dụ: U3 Tỉnh số 3.
U	Mật tự chỉ cấp ủy (U1, thiếu ủy, U3 Thường-ủy, U4, Đại-ủy).
U ủy	Tỉnh ủy.
U ủy viên	Tỉnh ủy viên.
UB	Ủy Ban.
UBTR	Ủy-Ban Mật-trên Trung-ương.
UBND	Ủy-Ban Nhân-Dân cách mạng (chính quyền hạ tầng cơ sở CS).
UBTR	Ủy-Ban Thông-Quát Trung-ương.
UBTR	Ủy-Ban Bảo-vệ Hòa-bình Thế-giới.
UBTR	Ủy-Ban Hành-Kháng.
UB	Mật tự chỉ Thường vụ Tỉnh ủy.
Uv	Ủy viên.
Uv BCH	Ủy viên Ban Chấp Hành (Đang).

V	Mật tự chỉ cấp Huyện tại Miền Đông Nam-Bộ. Mật tự chỉ cấp Trung-đoàn của Chủ-lực Miền.
VB	Vệ-Binh, Việt-Bác.
VC	Van-Công.
V/d	Vấn đề.
V/động	Vấn động.
VCP	Vùng Giải-Phóng.
VF	Van-Phòng.
VH	Van-Hóa.
VK	1. Vũ khí. 2. Việt-Kiên.
VN	1. Việt-Nam. 2. Van-Nghệ.
VS	Vê-sinh.
VSCC	Vô-sản chuyên chế.
VSPB	Vệ sinh phòng bệnh.
VT	1. Võ-trang. 2. Van-Thư. 3. Vạn Tái.
VTĐ	Vô tuyến điện.
VTTT hoặc VT3	Vô-trang tuyên truyền.
X	Mật tự chỉ ý nghĩa chiến lược. ví-dụ: kế-hoạch X (TKK - TKN) hàng X (hàng vũ khí).
X	1. Xuân. ví-dụ : Dợt X. 2. Xã.
XCD	Xã chiến đấu.
XD	Xây Dựng.
XB	Xã đội.
XDF hoặc XDP	Xã đội phó.
XDT	Xã đội Trưởng.
XHCN	Xã hội Chủ nghĩa.
XL	Xử Lý.
XN	Xuất ngũ (lý lịch).
XLXT	Xông lên xóc tới.
XP hoặc XF	Xung phong.
XT	Xuất-thân (lý lịch).
XU	1. Xã Ủy. 2. Xứ Ủy (thí dụ : Xứ ủy Nam Bộ).
XUV	1. Xã Ủy viên. 2. Xứ ủy viên.
Y Bạ	Y-Bạ
Y/Ch	Y-Chúng.
YD	Y-được.
YK	Y-Khoa.

YM	Yêu nước. Ví dụ : Hội NGHĨN : Hội Nhà-Giáo Yêu-nước.
YT	1. Y-tế. (tổ chức). 2. Y-tá. (nhân viên).
YS	Y-sinh (học viên y tế). Y sĩ.
<b>Z</b>	
Z	Mặt tự chỉ đơn vị cấp Tiểu-đoàn. ví dụ Z4.
Z	Mặt tự chỉ đợt Đổng (hay gặp).
ZS	Mặt tự chỉ QK5 miền Trung Trung Bp.
Zt	Giao thông.
ZP	Dàn phóng Hoa tiến.

- Ghi chú :
- (1) Trên đây là chỉ những chi tiết viết tắt thông thường quen gặp trong tài-liệu CS. Tuy nhiên có 1 số quy luật viết tắt ngoài lề, có khi phải đọc hết tài-liệu hoặc đối chiếu với tài-liệu khác mới có thể giải đoán được.
  - (2) Những chi tiết viết tắt thuộc hệ thống ngữ hóa truyền tin hoặc do sáng kiến cá nhân, không liệt kê trong phụ bản này.

II.- MỘT SỐ NGUY DANH VỀ CẤP BẬC THƯỜNG GẶP TRONG GIẤY TỜ QUÂN SỰ.

ÂM SỐ	KÝ HIỆU	CẤP BẬC	CHỨC VỤ
5/1	B2	Binh - Chiến sĩ	
4/5	B1	Binh nhất	
4/1	1 X	Hạ-sĩ	Tiểu-đội phó
4/2	2 XX	Trung-sĩ	Tiểu-đội trưởng
4/3	3 XXX	Thượng-sĩ	Trung-đội phó
3/5	0 —	Chấn-ủy	Trung-đội trưởng
3/1	1 X	Thiếu-ủy	Bại-đội phó
3/2	2 XX	Trung-ủy	Bại-đội trưởng
3/3	3 XXX	Thượng-ủy	Tiểu-đoàn phó
3/4	4 XXXX	Bại-ủy	Tiểu-đoàn trưởng
2/1	1 X	Thiếu-Tá	Trung-đoàn phó
2/2	2 XX	Trung-Tá	Trung-đoàn trưởng
2/3	3 XXX	Thượng-Tá	Sư-đoàn phó
2/4	4 XXXX	Bại-Tá	Sư-đoàn trưởng
1/1	*	Thiếu-Tướng	
1/2	**	Trung-Tướng	
1/3	***	Thượng-Tướng	
1/4	****	Bại-Tướng	

III.- ÂM SỐ MỘT SỐ DANH HIỆU VỀ VŨ KHÍ THƯỜNG GẶP TRÊN TÀI-LIỆU CS.

AK47	Loại súng tiểu liên của Nga-Sô (Trung-Cộng bắt chước kiểu). Loại có lưới lê gắn kèm.
AK66	Tiểu liên AK có băng gập hoặc bằng nylon.
AK50	Loại tiểu liên như AK47 nhưng không có lưới lê.
K50	Loại súng tiểu liên Nga khung sắt che nòng có nhiều lỗ.
K44	Loại súng trường bá đồ của Nga xô và Trung-Cộng.
AT44	Súng trường K44 có lắp "quăng" tức ống phóng AT chống tăng.
AT64	Loại súng phun lửa của Trung-Cộng.
B40	Loại súng phóng hỏa tiến do Nga chế và Trung-Cộng bắt chước kiểu, cỡ đuôi đạn 40ly.
B41	Loại súng phóng hỏa tiến mạnh hơn B40, cỡ đuôi 40 ly 23, nên gọi là B41.
B50	-nt-
B90	ĐKZ Trung-Cộng rập theo kiểu Bazooka cỡ 3.5inch của HK.
CKC	Phiên hiệu của súng trường K44 (có lưới lê).
DPM	Loại trung liên Nga Degtyarev, băng đạn gọi là "Mâm" 47 viên.
K53	Loại súng đại liên của Trung-Cộng.
K57	Đại liên Trung-Cộng ăn cấp kiểu của đại liên Goryunow Nga, cỡ 7ly62. Có bánh xe.
DSHK	Đại liên phòng không của Nga, có máy nhám. 3 chân rất cao.
K50	Loại súng tiểu liên của Nga sắt che nòng có nhiều lỗ dọc 2 bên hông nòng.
K51	Loại súng lục của Trung-Cộng bán tự động.
K54	Súng lục Trung-Cộng thường trang bị cho bọn Đặc-công, ám sát.
K66	Súng lục bán tự động và liên thanh (có băng gập) của Tiệp-Khác băng 20 viên.
P38	Loại súng lục của Đức (Rouleau) CS gọi là "trái khế".
RP46	Loại Thương-liên 7 ly 62 của Nga-Sô, băng dây vải 50 viên.
RPD	Loại trung liên băng vuông, băng đạn gọi là nôi đạn.
RPK	Trung liên Kalashkinov, giống như khẩu tiểu liên AK có 2 còng.
RPG.2	Loại đạn phóng lựu chông xe tăng của B40.
RPG.7	Mạnh gập 3 RPG2, bắn với súng B41.
A12	Hỏa tiến 140 ly.
H12	Hỏa tiến 107 ly.
BD2	Mìn phóng (khối TNT phóng đi bằng sức phản lực).
MF1	-nt-
MF2	-nt-.

## IV.- KÝ-HIỆU VŨ-KHÍ.

TÊN HÀNG	Ký-hiệu cũ	Ký hiệu mới	TÊN HÀNG	Ký hiệu cũ	Ký hiệu mới
Súng AK thường	03-10	S1 -10	Súng AK xếp		S16 -10
Trang cụ		S1 -20	Trang cụ		S1 -50
Trang cụ		S1 -60	Súng K54	01-40	S2 -40
Trang cụ		S2 -50	Trang cụ		S2 -65
Súng trường CMC	02-20	S3 -20	Trang cụ		S3 -30
Trang cụ		S3 -70	Trung-liên RPD	04-3	S5 -6
Trang cụ		S5 -25	Đại-liên K57	05-1	S7 -1
Trang cụ		C7 -20	Trang cụ		S7 -20
Thân súng 12,8 ly	07-1	S8 -1/2	Chân-súng 12,8 ly		S8 -2/2
Trang cụ		S8 -10	Băng đạn		S8 //
Súng B40	06-9	S9 -9	Phụ tùng E		S9 -0
Hòm đạn		S9 -18	Dây mang súng		S9 -100
Súng B41	F1-9	S9			
			Máy ngắm		S9 -1
Cối 60 ly (có hòm đạn).	08-2	S10	Máy ngắm cối 60		S10 -28
Tay cầm để xách súng.		S10-300	Máy ngắm cối 60		S10 -20
Cối 82 ly có hòm đạn.	09-1	S11-1	Cối 60 ly Giải-Fông không máy ngắm (tỉ bấp về bán)		S10 -GP
Nòng cối 120 ly	010-1	S12-1/3	Máy ngắm		S11 -(1)
Bàn đế		S12-3/3	Chân cối 120 ly		S12 -2/3
Nòng súng DK75	011-1	S14-1	Súng DK57	010-1	S13 -1
Phụ tùng E (1)		S14-1	Chân súng DK75		S14 -1
Dụng cụ khâu đội		S15-1	Hỏa tiễn 107 ly(H12)		S15 -1
Dụng cụ thiết bị trần địa		S15-3	Phụ tùng khâu đội		S15 -2
Phụ tùng dự trữ C		S15-5	Phụ tùng C		S15 -4
Hòm phụ tùng		H5 -1	Súng phun lửa nhẹ		H5 -1
Máy ép nước		H6 -1	Accu của súng(phun lửa).		H5 -60
Lựu phóng (điểm độ)		H10-180	Máy đo độ đĩnh		H7 -1
			Bột làm đặc xăng		H11 -20
Đạn súng K54	N1-2520	D2 -2520	Đạn K53 lõi thép	N3-880	D4 -880
Đạn K53	N3-880	D4 -880	Đạn K56 Tiểu Liên	N2-720	D3 -1440
Đạn K56	N2-1100	D3 -1100	Đạn K56 súng máy	N2-1440	D5 -1440
Đạn 12,8 ly	N5-170	D8 -170	Đạn B40	N7-6	D9 -6
Đạn DK57 xuyên	N16-5	D13-5	Đạn DK75 xuyên	N12-1	D14 -5
Đạn DK75		D14-2	Đạn nổ cối 60	N8-12	D10 -12
Đạn nổ cối 82 ly	N10-3	D11-3	Đạn cối 82 nổ chậm		D11 -NC
Đạn nổ cối 82 ly (H12)	N10-6	D11-6	Đạn hóa tiễn 107		D15 -1
Đạn B41	F2-6	D18-6	Đạn AT K44	N1H4-10	D16 -20
Súng ĐKB		N20	Đạn B41		PG -7
ĐKB lẻ đầu		N21	Đạn ĐKB nguyên bộ có ngòi		N20
ĐKB lẻ đuôi		N22	Thuốc nổ TNT	L1-13	K1-15

Thuốc nổ TNT	L2-10	K1-10	Thuốc H dẻo T.Cộng	D2A-15	D23 -16
			Thuốc H dẻo Ba-Lan		D23 -
Kíp thường số 8	L3-4000	K2-4000	Kíp điện số 8	L4-1200	K10 -1000
Mũ xòe	L5-300	K11-2500	Dây cháy chậm	L6-500	K12-500
Dây nổ 24,5	L7-500	K13-500	Bộ lửa lựu đạn		K -10
Hạt nổ cạ sắt		K -11	Ngòi nổ giẻ		D -21
Lựu đạn phóng	N15-8	LDF-19	Thủ pháo dù(LKG)	N15-12	D19 -12
Lựu đạn cán gỗ		D24-30	Mìn chống tăng	L8-5	D24 -2
Vũ tuyến điện 1W			Vũ tuyến điện 15W	E2-1/2	T2 -1
K63	E1	T1 -1	102E		
Máy thu tin 139	E3	T3 -4	Tổng đài 10 cửa	E4	T5 -5
Máy điện thoại 16743	E5	T6 -6	Dây điện thoại nhẹ	E6	T7 -3
Dây điện thoại nhẹ		TL4-14	Moteur phát điện 165		T9 -2
Hộp K81		T20-20	Dụng cụ sửa chữa		T8 -8
File 1 watt	AE1-4	PT1-1	File A tổng đài	AE4-25	PT5 -5
File 1 watt	AE2-5	PT2-E			
File điện thoại		PT6-6			
Dụng cụ bọc phá		C4 -1	Dụng cụ bọc phá		C4 -2
Máy dò mìn		C1 -6	Pile dò mìn 67,5		C1A -50
Máy điem hóa 25 Fát		C2 -8	Pile dò mìn 1,5		C1E -150
Dao lồng		C5 -25	Cuốc to		C6A -10
Cuốc nhỏ		C6B-20	Xẻng to		C7A -10
Xẻng nhỏ		C7B-20	Kéo cắt kềm gai		C8 -8
			Cửa tay 35-40cm		C9 -50
Ba lô đánh bực phá		K15-10	Dây điện 1 lõi (đánh mìn)		K14 -1200

## V.- NGUY DANH VŨ KHÍ.

TÊN VŨ KHÍ	NGUY DANH	TÊN VŨ KHÍ	NGUY DANH
Súng lục K54	R1	Súng tiểu liên K50	R2
Súng AK	R3	Súng CXK	R4
Súng trung liên RPD	R5	Súng thượng liên RP46	R6
Súng đại-liên K53	R7	Đại liên 12,8 ly	R8
Đại bác không giật 75 ly	R9	Súng B40	I10
Súng B41	I11	Súng DKB	J12
Súng phun lửa	R13	Súng cối 60 ly	R14
Súng cối 82 ly	R15	Súng cối 120 ly	R16
Pháo 70N	R17	Pháo 75 (US)	R18
Đại bác 14,5 ly	R19	Cối 81 ly	R20
Súng lục tự động 38	R25	Đại bác không giật 57 ly	R21
Máy nhắm ĐK257	R9a	Máy nhắm B41	I11a
Máy nhắm cối 60 ly	R14a	Máy nhắm cối 82 ly	R15a
Máy nhắm cối 120 ly	R16a	Máy nhắm pháo 70N	R17a
Máy nhắm pháo 75 ly	R18a	Dạn K50-51	m1
Dạn K56	m2	Dạn K53	m3
Dạn 7,9 ly	m4	Dạn 12,8 ly	m5
Dạn 12,7 ly (US)	m5b	Dạn B41	m6

.../-

Dạn B40	m7	Dạn cối 60 ly	m8
Dạn cối 81 ly	m9	Dạn cối 82 ly	m10
Dạn cối 120 ly	m11	Dạn ĐK275 ly	m12
Dạn ĐK57 ly	m13	Dạn AT	m14
Lựu đạn chống tăng	m15	Dạn sơn pháo 70	m25
Dạn sơn pháo 75 ly	m26	Dạn L4,5 ly	m27
Dạn mas	m28	Thuốc nổ TNT	H1
Hexogène Dẻo	H2	Hexogène Bột	H2b
Kíp thường	H3	Kíp điện	H4
Nụ xòe	H5	Dây tim	H6
Dây nổ	H7	Sulfua A	H8
Mìn kiềng	H9	Mìn đĩa	H10
Ngòi dự bị cối 82 ly	H11	Ngòi dự bị cối 100 ly	H12
Ngòi dự bị 75 ly	H13	Kíp số 6	H15
Lựu đạn ném	CB1	Thủ pháo	CB2
Mìn định hướng 2	CB3	Mìn định hướng 5	CB4
Mìn định hướng 10	CB5	Mìn phá rào	CB6
Mìn kiềng	CB7	Lựu đạn	CB8
Thủ pháo RKQ	CB9	Mìn M41	CB10
Ngòi mìn nối-hóa chống xe	CB11		

BIẾT HIỆU ĐỂ CỌI 1 SỐ LOẠI PHI CƠ CỦA TA.

- A.- Loại Trực Thăng : Cá lẹp : Loại trực thăng võ trang Cobra AH.1G  
 Cán gáo : Loại trực thăng trinh sát OH6  
 Cột điện : Loại trực thăng OH13  
 Cán cầu bay : -nt- OH54  
 Nòng nọc : -nt- OH23  
 Sinúc : -nt- Chinook CH46, 47  
 Sâu róm : -nt- UH1A, B, D
- B.- Loại trinh sát : Đầm già : L.19, 20  
 Cá nhái : Loại trinh-sát 2 thân.  
 Cánh sẻ : L.21  
 Cánh thẳng : L.19, L.20.
- C.- Loại Trực thăng cánh quạt : Giặc nhà trời : Skyraider. AD6 (A1E).
- D.- Khu trực phản lực :  
 Con ma : Phantom F4A, B, C, D.  
 Thần sấm : Thunderchief F.105.  
 Thần kiếm : F.100.  
 Vưu : F.101.  
 Tam giác : F.102.  
 Mò-học : Mohawk

PHỤ - BẢNG 3GIẢI THÍCH MỘT SỐ DANH TỪ ĐẶC BIỆT CỦA CSVN.

- 3 biên Phương châm hoạt động của CS tại địa phương là :  
(1) bám dân, (2) bám đất, (3) bám địch.
- 3 đ án chủ (1) Dân chủ quân sự: Cùng bàn kế hoạch, thu thập sáng kiến và phê bình rút ưu khuyết điểm chiến thuật, phổ biến kinh nghiệm chỉ đạo tác chiến.  
(2) Dân chủ chính trị: Trong sinh hoạt đảng, mọi đảng viên có quyền bình bầu khen thưởng, bỏ phiếu bầu cấp ủy, phê bình lẫn nhau, không phân biệt chức vụ.  
(3) Dân chủ kinh tế: Mọi cán binh có quyền tham dự vào việc cải tiến sinh hoạt đơn vị, tài sản phân minh, tử đại công khai.
- 3 tâm nhiệm Phương châm đảng CS đề ra cho phụ nữ là : (1) đảm nhiệm  
3 tr ác ba đảm đảm sản xuất thay thế cho chồng con đi chiến đấu ; (2) đảm  
3 nh ệm gia đình cho chồng con yên tâm chiến đấu; (3) đảm  
3 nh ệm phục vụ chiến đấu khi cần thiết.
- 3 không Phương châm đề ra trong việc bảo mật là (1) không-biết,  
(2) không nghe; (3) không thấy.
- 3 mặt công tác Quân-sự, chính-trị, kinh-tế.
- 3 núi giáp Tấn công về quân sự, chính-trị và binh vận hoặc tấn  
3 l ung công về quân sự, chính-trị và kinh-tế.
- 3 nhất Chỉ tiêu CS đề ra cho cán binh các đơn vị là :  
(1) chiến đấu nhất, (2) học tập nhất; (3) kỷ luật nhất.
- 3 phòng Biện pháp an ninh của các đơn vị CS là : (1) Phòng gian; (2) phòng hỏa; (3) phòng tai nạn.
- 3 sẵn sàng Phương châm CS đề ra cho thanh niên BV là : (1) sẵn sàng chiến đấu và hy sinh; (2) sẵn sàng nhập ngũ hoặc tái ngũ ở bộ đội không thời hạn; (3) sẵn sàng đi bất cứ đâu, thắng bất cứ kẻ địch nào.
- 3 thứ quân Chủ lực, địa phương và dân quân du kích.
- 3 vùng (chiến tranh nhân dân) 3 vùng là : (1) vùng rừng núi hoặc vùng căn cứ; (2) vùng nông thôn đồng bằng; (3) vùng đô thị, thị trấn, thị xã.
- 3 xây, ba chống: Nguyên tắc về kinh tế của CS :  
a. Tại Miền Bắc :  
(1) Xây dựng tinh thần trách nhiệm.  
(2) Xây dựng hệ thống quản lý, kinh-tế tài chánh từ trung ương đến địa phương.  
(3) Xây dựng và củng cố kỹ thuật.  
Chống tham-ô, chống lãng phí, chống quan liêu.
- b. Tại Miền Nam :  
(1) Xây dựng tư tưởng tự lực cánh sinh thắng giặc.  
(2) Xây dựng nhận thức đúng về sản xuất.

Bạch hóa

(3) Xây dựng nhiệm vụ sản xuất lương thực vừa để ăn vừa bảo đảm cung cấp lương thực cho bộ đội. Chống thiên tai, chống dịch họa, chống đói.

Biến chế

Làm trở thành trắng; từ ngữ CS dùng để chỉ hành động của VNCH diệt trừ bọn CS nằm vùng trà trộn trong dân chúng. Bạch hóa 1 vùng tức đánh bắt bọn cơ sở CS nằm vùng tại vùng đó. Vùng trắng tức vùng đã được bạch hóa. Vành đai trắng tức vành đai ngăn chặn sự xâm nhập hoạt động của CS.

Đốt tốt

Tổ-chức, cấp số của 1 cơ quan đơn vị.

a) Đảng viên 4 tốt :

- (1) Trau dồi tư tưởng, đạo đức tốt; gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác chuyên môn được giao.
- (2) Chấp hành chính sách tốt.
- (3) Có quan điểm quần chúng và vận động quần chúng tốt.
- (4) Học tập tốt; tự phê bình và phê bình tốt, tham gia thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng.

b) Chi bộ 4 tốt :

Là chi bộ có 3/4 đảng viên đạt tiêu chuẩn "đảng viên 4 tốt".

c) Đoàn viên thanh niên Lao-động 4 tốt :

- (1) Sản xuất; công-tác; chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt.
- (2) Học tập và rèn luyện đạo đức tác phong tốt.
- (3) Có ý thức xây dựng chi đoàn tốt.
- (4) Có quan hệ tốt với quần chúng thanh niên; thực hiện tốt công-tác giáo dục; bảo vệ thiếu niên nhi đồng.

d) Chi đoàn thanh niên LD 4 tốt :

Là chi đoàn có 3/4 đoàn viên đạt tiêu chuẩn "đoàn viên 4 tốt".

e) Đoàn viên công đoàn 4 tốt :

- (1) Hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, công tác và chiến đấu.
- (2) Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- (3) Tích cực học tập chính-trị, văn hóa, kỹ thuật nghiệp vụ.
- (4) Tham gia hoạt-động trong màn lưới những người tích cực.

Cán bộ mùa thu

Cán bộ CS hoạt-động từ tháng 8/1945 (Mùa thu 1945).

Cán bộ mùa Đông

Cán bộ CS hoạt-động bí mật tại Miền Nam từ sau hiệp định Genève 1954.

Cán sự

1. Tổ chức Đảng ủy hệ quân sự tại Huyện đội hoặc Tỉnh đội.

	2. Tổ chức dân đảng trong các tổ chức quần chúng như Nông-hội, Thanh-hội.
Chính ủy	Thủ trưởng về chính-trị trong 1 đơn vị cấp Trung-đoàn hoặc cấp Phân khu trở lên.
Chiêu sinh	Tuyển mộ chiêu nạp học viên.
Cửa khẩu	Nơi CS có cơ sở trong dân chúng để nhờ mua nhu yếu phẩm bán trong vùng Quốc Gia kiểm soát.
Dàn mướp	Dàn hỏa tiễn 107 ly. (Hỏa tiễn dàn mướp 12 khẩu).
Đài	Máy thu thanh (radio).
Điều lảng	Điều động đi nơi khác để tránh sự theo dõi của an ninh VNCH, lảng xuống tức không hoạt-động để khỏi bị theo dõi.
Ém quân	(1) Bí mật đưa quân đến bố trí kín đáo tại 1 khu vực nằm tiếp cận QLVNCH để chờ lệnh tấn công. (2) Giấu quân khi trú đóng tại khu vực nào đó.
Garon	Phiên âm tiếng Garonov (Máy vô tuyến điện Nga 15W)
Giám hiệu	(Chức vụ) giám đốc (hoặc hiệu trưởng) một nhà trường.
Hoàng cầm	Tên một loại bếp do Hoàng-Cầm, 1 "Anh nuôi" thực hiện đầu tiên; bếp lửa này có ống thông khói ngầm dưới đất, chia làm nhiều nhánh, khói không bốc lên mặt đất.
Hộ lý	Nhân viên phụ tá coi sóc thương bệnh binh, bưngbó, chăm nuôi. Thường do nữ phụ trách, nhưng nam cũng có.
Khí tài	Những loại trang bị quân sự (không kể súng đạn, quân trang).
Lãm	Khu vực có cơ-sở CS hoạt-động trong 1 khu xóm lao động trong thành phố hoặc trong 1 khu đông dân thuộc vùng Quốc-Gia kiểm soát.
Lãm chính trị	Cơ sở loại trên có khả năng xáo động được quần chúng.
Mi-tin	Loại súng tiểu liên Pháp (Tulle).
Mầm xung phong	(1) Xung phong tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch. (2) Xung phong tổng quân giết giặc. (3) Xung phong dự các cuộc đấu tranh chính-trị, ở nông thôn cũng như ở thành thị. (4) Xung phong phục vụ tiền tuyến, gia nhập đội Thanh Niên Xung phong phục vụ chiến trường. (5) Xung phong công tác sản xuất nông-nghiệp trong nông hội.
Nội biên	Bên trong khu vực (trái với ngoại biên). thí dụ : Trình-sát nội biên.
Ngủ cùng	Cùng ăn, cùng làm, cùng chơi, cùng ngủ, cùng giúp đỡ nhau (biến thiên của 3 cùng).

Ngũ đại kỹ thuật	<p>(1) 5 kỹ thuật căn bản về cá nhân chiến đấu : bắn súng đánh mìn, đâm lê, ném lựu đạn, vũ thuật.</p> <p>(2) 5 kỹ thuật căn bản về đơn vị chiến đấu : đánh mạnh triển khai mạnh, truy kích mạnh, xung phong mạnh, bảo toàn lực lượng.</p>
Ngũ thống, tứ tính.	<p>Nguyên tắc chính qui hóa và hiện đại hóa quân đội của CS:</p> <p>(1) <u>Ngũ thống</u> : Trang bị thống nhất, Huấn luyện thống nhất, Chi huy thống nhất, Tổ chức thống nhất, Biên chế thống nhất.</p> <p>(2) <u>Tứ tính</u> : Kỷ luật, tự giác, mau lẹ, chuẩn xác.</p>
Nhất điểm lưỡng diện	<p>Chiến thuật thuộc Chiến tranh nhân dân của Lâm-Sửu đánh phá cùng lúc 3 mục tiêu : mục tiêu chính gọi là "điểm", 2 mục tiêu phụ gọi là diện.</p>
O, bọc, lùm, ổ	<p>Súng lục nòng 9 ly hiệu Parabellum. Vị trí phòng thủ hoặc bố trí hỏa lực thí dụ : ổ phòng không, ổ phục kích.</p>
Phá kềm	<p>Phá thế kềm kẹp, tức chống phá hạ tầng cơ sở hành chính VNCH thường đi đôi với "diệt-ác" tức khủng bố ám sát các viên chức chính quyền.</p>
Phẫu thuật	<p>(Quân y) chia làm 3 cấp : Sơ phẫu, trung phẫu, đại phẫu.</p>
Quản lý	<p>Trông coi, chỉ huy điều hành. Ví dụ : quản lý tài chánh quân lý bộ đội, quản lý chính quyền.</p>
Quân công	<p>Công trạng quân sự. (Huy chương).</p>
Quân giới	<p>(Cụ giới của quân đội) tương đương danh từ "Quân cụ" của ta.</p>
Quân khí	<p>(Khí tài của quân đội) Gọi chung các đồ về khí giới, trang bị.</p>
Quân nhu	<p>Để gọi cơ quan phụ trách quân trang, quân áo bộ đội.</p>
Quân hàm	<p>Cấp bậc.</p>
Quân lương	<p>Cơ quan phụ trách lương thực cho bộ đội.</p>
Quân ủy	<p>Cấp ủy của Đảng liên hệ quân sự, chỉ đạo cho quân sự theo đường lối, chính sách của Đảng. Ví dụ : Quân ủy Miền, QU Khu. v.v....</p>
Quý	<p>Danh từ để gọi Tam-cá nguyệt. Ví dụ : Tháng 1 là dần quý 1 trong năm.</p>
Quyết tâm	<p>(1) Quyết-định tâm chí. (2) Quyết 1 lòng. (3) Sẵn-sàng chiến đấu. (4) Ý chí chiến đấu. Ví dụ : Trước khi hạ quyết tâm phải có quyết-tâm cao.</p>
Quyết-tâm thư	<p>Đơn viết gửi Đảng ủy biểu lộ ý chí quyết tâm chiến đấu.</p>
Quyết-toán	<p>Số sách chi tiêu. Thanh-quyết-toán : tính toán quyết định về chi phí số sách, thanh toán tiền bạc.</p>

Rị mọ	(Tính tự kếp) chỉ sự chằm chập lưỡi biếng. Thường dùng kếp với tính tự lè mè (cùng nghĩa). Ví dụ : Cán bộ phải bỏ tác phong rị mọ, lè mè trong công-tác. v.v...
Sơ biến	Biến chế sơ khởi (tổ chức lúc đầu).
Sơ phẩu	(Quân y) giải phẩu bằng bó tạm tại chiến trường.
Sơ tán	Phân tán đi chỗ khác (máy móc, cơ sở). Tản cư (chạy loạn).
Sơn pháo	Loại pháo dùng tại chiến trường miền núi.
Tam mãnh	(Chiến thuật) Mãnh đa, mãnh xung, mãnh truy.
Tấn khai	(Chiến thuật) phân tán khai triển đội hình.
Tam tiên	(Chiến thuật) triển khai đội hình trước, chiếm địa thế trước, khai hỏa chiến đấu trước.
Tiền phương	(trái với Hậu phương) chỉ khu vực nơi trận tuyến.
Tiếp quản	Tiếp thu quản trị (1 cơ sở, 1 cơ quan).
Tình huống	Tình hình và trạng huống. Đồng nghĩa với "trường hợp".
Tiểu tu	(xơ cộ) sửa chữa cấp 1. Trung tu, đại tu (cấp cao hơn).
Tung thâm	(Hán tự) Tung = dọc ; Thâm = sâu. Tiến dọc và tiến sâu vào trận địa, vào trung tâm (đòn bót).
Tứ khoái, nhất mạn	(Chiến thuật) 4 nhanh, một chậm. (Tiến quân nhanh, xung phong nhanh, giải quyết chiến trường nhanh và rút lui nhanh) Nhất mạn (chuẩn bị chậm).
Thành đồng	(Tượng hình) thành đồng vách sắt. Danh hiệu tặng cho đơn vị nào có công trạng đặc biệt gọi là "Đoàn Thành Đồng".
Thất khâu ngũ bộ	7 Khâu, 5 bước. "Thất khâu" gồm có : <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Phát triển cơ sở hợp pháp.</li> <li>(2) Gây cam thù giai cấp, tôn giáo.</li> <li>(3) Bồi tụ trí (Đất Thượng của người Thượng).</li> <li>(4) Móc nối và hâm nóng những người kháng chiến cũ.</li> <li>(5) Đẩy mạnh tuyên truyền với khẩu hiệu "Người Việt không giết nhau bằng súng Mỹ".</li> <li>(6) Chống đế quốc can thiệp.</li> <li>(7) Bảo vệ kinh-tế địch.</li> </ol>
	Ngũ bộ (5 bước) gồm : <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Cũng có 3 vùng.</li> <li>(2) Đứng vững 2 chân. (quân sự và chính-trị)</li> <li>(3) Tấn công 3 mũi (quân sự, chính-trị, binh vận).</li> <li>(4) 3 mặt giáp công (quân sự, chính-trị, kinh-tế).</li> <li>(5) Thống nhất (ngũ thống).</li> </ol>
Thu dung	Thu thập và dung nạp; chỉ công tác thu lượm những tên thương bệnh binh lại để điều trị, hoặc thu nhận những tên rơi rớt, lạc đường trong khi xâm nhập, tổ chức lại.

Thượng liên	Loại liên thanh mạnh hơn trung liên và kém đại liên.
Trang cấp	Cung cấp quân trang (bộ phận hậu cần).
Tranh thủ	(Rất hay gặp) có nghĩa (1) Tranh đấu. (2) Thuyết-phục. (3) cướp thời gian. (4) lợi dụng. (Ví dụ : Tranh thủ mọi sơ hở của địch).
Trấn áp	Khủng bố đàn áp. Ví dụ : Trấn áp phản cách mạng.
Trọng liên	Đại liên 12,7 ly, 12,8 ly.
Trợ lý	Phụ tá đặc trách về công tác nào đó. Ví dụ : Trợ lý trinh-sát.
Trung cao	Loại cao xạ hạng trung (hơn "tiểu cao" và kém "đại cao").
Trù bị	Dự trữ- chuẩn bị. Hội nghị trữ bị để chuẩn bị cho hội nghị chính-thức.
Trụ	Trú đóng quân. Bám trụ : đóng quân bám lấy vị trí nào Trụ lại : Ngừng lại, đóng quân.
Trường sơn	(1) Nghĩa bóng để gọi lộ trình xâm nhập từ Bắc vào Nam. (Vượt Trường Sơn). (2) Tên 1 loại tiền (chi phiếu) để cán binh xâm nhập tiêu dùng trên đường giã Đoàn 559 (từ Quảng-Bình sang Lào và đến Tây-Nguyen).
Triển khai	(1) Dàn quân tại tuyến xung phong. (2) Bố quân tại 1 trận địa. (3) Học tập nghị quyết hoặc 1 kế hoạch để thực thi, áp dụng.
Vận đoi công	Gọi tắt chữ "vận vận đoi công" còn gọi là "vòng công hợp tác" một tổ chức của Nông-hội, giúp đỡ nhau làm ruộng, cày cấy gặt hái. Nay làm cho nhà này, mai làm cho nhà khác. Lấy "công" (1 người lớn làm 1 ngày) làm chuẩn để tính điểm.
Văn công	Nghệ sĩ ca múa, kịch trò. Văn công chuyên nghiệp : Nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhà nghề. Văn công nghiệp dư, không phải chuyên nghiệp, không chính thức.
Vùng ven	Chung quanh đô thị và 2 bên lộ giao thông chiến lược.
Vùng trắng	Vùng CS không có cơ sở hoặc không có dân chúng.
Vùng xám	Vùng tranh chấp xôi dầu.
Vùng đỏ	Vùng giải phóng hoặc vùng căn cứ an toàn của chúng.
Vùng sâu	Vùng Quốc-Gia (chúng muốn vào phải "thọc sâu")
Vùng yếu	Vùng Quốc-Gia (yếu đối với chúng, không có hoặc rất ít cơ sở).
Vùng meo	Vùng bìa, khu vực ngoài cùng của 1 vùng quốc gia kiểm soát.
Vùng ranh	Khu vực giữa vùng rừng núi và đồng bằng.
Vùng bản lề	(Tượng hình) vùng nối liền 2 vùng khác nhau.
Vùng trung tuyến	: Vùng giữa tiền tuyến và hậu tuyến.
Vùng tuyến lửa	(dịch chữ hỏa tuyến) nơi xảy ra chiến trận.

Vùng duyên	Vùng dọc bờ biển.
Vùng sơn thôn	Nông thôn trên miền núi.
Vùng thâm sơn	Vùng toàn núi rừng.
Vùng cao	Vùng núi (trái với vùng thấp : đồng bằng. Giữa là "Vùng trung")
Vùng kèm kẹp	Vùng quốc gia kiểm soát.
Vùng lõm	Vùng có cơ sở CS ở giữa vùng quốc-gia.
Vùng ruột	Vùng căn cứ an toàn của CS.
5 Xây, 5 chống	<p>(1) <u>Xây dựng</u> lập trường giai cấp công nhân kiên định; <u>Chống</u> Mọi biểu hiện tư tưởng cơ thủ hữu khuynh.</p> <p>(2) <u>Xây dựng</u> một quan điểm cách mạng triệt để, không ngừng, một quyết tâm chiến đấu vững chắc, một tinh thần tấn công địch kiên quyết liên tục; <u>Chống</u> tư tưởng muốn nghỉ ngơi xã hội, giảm sút chiến đấu, ảo tưởng hòa bình, thỏa mãn với những thắng lợi từng bước, không vươn lên, xúc tới giành thắng lợi mới.</p> <p>(3) <u>Xây dựng</u> đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, xây dựng chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao khí tiết cách mạng của Đảng viên, đặt lợi ích của cách mạng, lợi ích của Đảng lên trên lợi ích cá nhân. <u>Chống</u> mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, công thân địa vị, dôi dãi ngộ, hưởng lạc, lãng phí tham ô, hủ hóa mất phẩm chất cách mạng.</p> <p>(4) <u>Xây dựng</u> quan điểm quần chúng vững chắc, tin tưởng ở khả năng cách mạng của quần chúng dựa vào quần chúng, có liên hệ tốt với quần chúng, chăm lo đến quyền lợi vật chất và tinh thần của quần chúng; <u>Chống</u> mọi tư tưởng quan liêu mệnh lệnh, xa rời quần chúng không tin khả năng cách mạng của quần chúng, không chăm lo đến đời sống dân chúng, đồng thời chống bệnh theo đuôi quần chúng, giải quyết các vấn đề về lợi ích của nông dân không đứng trên lập trường của Đảng, của giai cấp công nhân.</p> <p>(5) <u>Xây dựng</u> một ý thức kỷ luật cao, một tác phong sâu sát cụ thể khẩn trương; <u>Chống</u> mọi biểu hiện tự do vô kỷ luật, tùy tiện, cục bộ địa phương, chống tác phong lề mề đại khái.</p>
Xoáy	(Tác dụng hình xoáy nước) đặt trọng tâm vào, nhấn mạnh.
Y bạ	Số cá nhân về tình trạng sức khỏe.
Y chứng	Triệu chứng về bệnh tật.
Y sinh	Học viên về quân y.

**HẾT**

---

PHỔ BIẾN HẠN CHẾ

---

trung tâm khai thác tài liệu tổng hợp

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25

